

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC**

**CAO VĂN RÔI**

**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC  
CỦA CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC TẠI HUYỆN TIÊN LÃNG,  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU  
ĐỔI MỚI GIÁO DỤC**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ GIÁO DỤC  
Chuyên ngành: QUẢN LÝ GIÁO DỤC  
Mã số: 60 14 01 14**

**Người hướng dẫn khoa học: GS.TS Nguyễn Hữu Châu**

**HÀ NỘI - 2016**

## LỜI CẢM ƠN

Sau một thời gian học tập, nghiên cứu và thực hiện luận văn tốt nghiệp, tác giả đã nhận được sự động viên, khuyến khích và giúp đỡ nhiệt tình của các cấp lãnh đạo, các thầy cô giáo, bạn bè đồng nghiệp. Với tình cảm chân thành, sâu sắc nhất, tác giả xin được bày tỏ lòng biết ơn của mình tới các cấp lãnh đạo, các thầy giáo, cô giáo, bạn bè đồng nghiệp, các chuyên gia giáo dục của Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội, các thầy cô đã tạo mọi điều kiện tốt nhất cho tác giả trong quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thiện luận văn của mình.

Đặc biệt, tác giả xin được bày tỏ lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc đến GS-TS Nguyễn Hữu Châu, người đã định hướng, cung cấp những kiến thức lý luận và thực tiễn đồng thời trực tiếp chỉ bảo, hướng dẫn tác giả tận tình trong quá trình học tập, nghiên cứu để hoàn thành bản luận văn này.

Tác giả chân thành cảm ơn sự quan tâm, giúp đỡ của các đồng chí lãnh đạo Phòng Tiểu học Sở GD &ĐT thành phố Hải Phòng, huyện Ủy - UBND huyện Tiên Lãng, Lãnh đạo, chuyên viên phòng GD &ĐT huyện Tiên Lãng, các trường Tiểu học trong huyện cùng các bạn đồng nghiệp đã khuyến khích, động viên, tạo điều kiện giúp đỡ tác giả trong quá trình học tập và nghiên cứu thực hiện luận văn.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng do trình độ và thời gian nghiên cứu còn hạn chế, bản luận văn không tránh khỏi những khiếm khuyết. Vì vậy, tác giả rất mong nhận được sự giúp đỡ, góp ý quý báu của các thầy giáo, cô giáo, cùng ý kiến đóng góp chân thành của các bạn đồng nghiệp để luận văn có giá trị hơn khi vận dụng vào thực tiễn ***“Quản lý hoạt động dạy học của các trường Tiểu học tại huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục”***.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, tháng 9 năm 2016  
Tác giả

**Cao Văn Rôi**

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BGH	Ban Giám hiệu
CBQL	Cán bộ quản lý
CSVC	Cơ sở vật chất
CT - SGK	Chương trình - SGK
HĐDH	Hoạt động dạy học
HĐGD	Hoạt động giáo dục
GD	Giáo dục
GDQD	Giáo dục quốc dân
GDTH	Giáo dục tiểu học
GDPT	Giáo dục phổ thông
GD - ĐT	Giáo dục & Đào tạo
GV	Giáo viên
GVTH	Giáo viên Tiểu học
HS	Học sinh
CNH – HĐH	Công nghiệp hoá - hiện đại hoá
DH	Dạy học
(VNEN)	Mô hình trường học mới Việt Nam
KT - XH	Kinh tế xã hội
KH&CN	Khoa học và công nghệ
KT - ĐG	Kiểm tra đánh giá
PGD	Phòng Giáo dục
TBDH	Thiết bị dạy học
TH & Nghề	Trung học và nghề
PPDH	Phương pháp dạy học
UBND	Ủy ban nhân dân
QL	Quản lý
QLGD	Quản lý giáo dục

CNTT	Công nghệ thông tin
SHCM	Sinh hoạt chuyên môn
TTCM	Tổ trưởng chuyên môn
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
TH	Tiểu học
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
THCN	Trung học chuyên nghiệp
TTGDTX	Trung tâm giáo dục thường xuyên
TP	Thành phố
TW (TU)	Trung ương
PCGD	Phổ cập giáo dục
PHHS	Phụ huynh học sinh

## MỤC LỤC

Lời cảm ơn .....	i
Danh mục chữ viết tắt .....	ii
Mục lục.....	iv
Danh mục bảng.....	ix
Danh mục biểu đồ .....	x
<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC Ở NHÀ TRƯỜNG TIỂU HỌC.....</b>	<b>6</b>
1.1 Vài nét về lịch sử nghiên cứu vấn đề .....	6
1.1.1. Nghiên cứu về quản lý hoạt động dạy học Tiểu học.....	7
1.1.2. Nghiên cứu quản lý hoạt động dạy học của Hiệu trưởng. ....	7
1.2. Một số khái niệm về quản lý.....	8
1.2.1. Quản lý .....	8
1.2.2. Quản lý giáo dục .....	10
1.2.3. Quản lý nhà trường .....	11
1.3. Giáo dục Tiểu học và dạy học Tiểu học.....	12
1.3.1. Giáo dục Tiểu học trong hệ thống Giáo dục quốc dân (GDQD) .....	12
1.3.2. Dạy học Tiểu học .....	13
1.4. Vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Phòng giáo dục.....	16
1.4.1. Vị trí, vai trò của Phòng giáo dục .....	16
1.4.2. Chức năng quản lý nói chung của Phòng giáo dục.....	16
1.4.3. Quản lý hoạt động dạy học ở trường Tiểu học .....	18
1.5. Đổi mới giáo dục và yêu cầu đặt ra với dạy học Tiểu học.....	19
1.5.1. Bối cảnh đổi mới GD và Mô hình trường học mới tại Việt Nam (VNEN) .....	20
1.5.2. Xu thế đổi mới giáo dục Tiểu học và những hoạt động đổi mới: .....	21
1.6. Quản lý hoạt động dạy học các trường Tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. ....	24

1.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý của phòng Giáo dục đối với hoạt động dạy học Tiểu học trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.....	29
1.7.1 Đặc điểm của yêu cầu đổi mới Giáo dục .....	29
1.7.2. Đưa tư tưởng VNEN vào đổi mới hoạt động dạy học ở từng nhà trường	30
1.7.3. Các yếu tố thuộc về người quản lý .....	30
1.7.4. Các yếu tố thuộc về người giáo viên Tiểu học, học sinh Tiểu học. ....	31
1.7.5. Các yếu tố thuộc về vấn đề phối hợp quản lý.....	32
TIÊU KẾT CHƯƠNG 1.....	33
<b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC TIỂU HỌC CỦA PHÒNG GIÁO DỤC HUYỆN TIÊN LÃNG – TP HẢI PHÒNG .....</b>	<b>34</b>
2.1 Khái quát chung về sự phát triển KT-XH và tình hình phát triển giáo dục của huyện Tiên Lãng -TP Hải Phòng.....	34
2.1.1 Khái quát về sự phát triển KT-XH huyện Tiên Lãng - TP Hải Phòng ..	34
2.1.2. Tình hình phát triển giáo dục huyện Tiên Lãng – TP Hải Phòng.....	34
2.2. Nội dung, phương pháp và địa bàn nghiên cứu .....	35
2.2.1. Nội dung nghiên cứu.....	35
2.2.2 Phương pháp nghiên cứu thực trạng .....	35
2.2.3 Địa bàn nghiên cứu .....	36
2.3. Kết quả khảo sát thực trạng về giáo dục Tiểu học huyện Tiên Lãng - TP Hải Phòng.....	36
2.3.1. Thực trạng về số lượng, chất lượng HS .....	36
2.3.2. Chất lượng đội ngũ giáo viên Tiểu học.....	38
2.3.3. Thực trạng về đội ngũ CBQL trường Tiểu học.....	42
2.3.4. Thực trạng đội ngũ CBQL chuyên môn PGD huyện Tiên Lãng .....	43
2.3.5 Thực trạng về CSVC, thiết bị phục vụ công tác dạy học ở các trường Tiểu học huyện Tiên Lãng - TP Hải Phòng.....	44
2.3.6 Đánh giá chung về giáo dục TH huyện Tiên Lãng - TP Hải Phòng.....	47

2.4.Thực trạng hoạt động dạy học ở các trường Tiểu học huyện Tiên Lãng - thành phố Hải Phòng .....	48
2.4.1. Kết quả khảo sát về nhận thức vai trò củ a hoạt động dạy học trong việc thực hiện mục tiêu của trường Tiểu học.....	48
2.4.2. Kết quả khảo sát thực trạng hoạt động dạy học của giáo viên Tiểu học...	49
2.4.3. Thực trạng hoạt động đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên T iểu học. ....	54
2.4.4.Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động dạy và học.....	59
2.5.Thực trạng quản lý hoạt động dạy học các trường TH huyện Tiên Lãng.	61
2.5.1. Về tổ chức, triển khai hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học, thực hiện CT- SGK theo quy định của Bộ GD&ĐT .....	61
2.5.2. Về chỉ đạo các trường TH triển khai thực hiện nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu đổi mới quá trình dạy học.....	62
2.5.3. Về quản lý hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên các trường Tiểu học của phòng GD .....	65
2.5.4. Về tổ chức thanh tra, kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ các hoạt động dạy học , đánh giá kết quả dạy học , đánh giá xếp loại GV các trường Tiểu học.....	67
2.5.5. Về quản lý CSVC và TBDH ở các trường Tiểu học.....	68
2.6. Đánh giá kết quả đạt được , những hạn chế và nguyên nhân chủ yếu của hạn chế trong quản lý hoạt động dạy học của PGD huyện Tiên Lãng – TP Hải Phòng.....	69
2.6.1. Những kết quả đã đạt được .....	69
2.6.2 Những hạn chế .....	70
2.6.3. Những nguyên nhân chủ yếu của các hạn chế .....	71
<b>TIỂU KẾT CHƯƠNG 2.....</b>	<b>72</b>
<b>CHƯƠNG 3. CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC HUYỆN TIÊN LÃNG – THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG .....</b>	<b>73</b>

3.1 Nguyên tắc đề xuất các biện pháp.....	73
3.1.1 Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi .....	73
3.1.2 Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống.....	73
3.1.3 Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa.....	73
3.2. Các biện pháp quản lý hoạt động dạy học của Phòng Giáo dục đối với các trường Tiểu học huyện Tiên Lãng - TP Hải Phòng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay. ....	73
3.2.1 Xây dựng đội ngũ đồng thời đảm bảo chất lượng đội ngũ trong các trường Tiểu học theo yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.....	74
3.2.2 Chỉ đạo triển khai mô hình trường học mới tại Việt Nam (VNEN) và đổi mới phương thức dạy học trong các nhà trường Tiểu học trên địa bàn huyện Tiên Lãng. ....	78
3.2.3 Triển khai thực hiện đánh giá học sinh theo yêu cầu đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh Tiểu học. ....	82
3.2.4 Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đánh giá mức độ thực hiện các nội dung đổi mới hoạt động dạy học trong các trường Tiểu học theo tinh thần đổi mới giáo dục.....	86
3.2.5. Tăng cường cơ sở vật chất hỗ trợ dạy học ở các trường Tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. ....	88
3.3 Mối quan hệ giữa các biện pháp .....	91
3.4 Khảo nghiệm tính cần thiết và khả thi của 5 biện pháp.....	92
3.4.1 Mục đích:.....	92
3.4.2 Đối tượng khảo nghiệm: .....	92
3.4.3 Các biện pháp khảo nghiệm .....	92
3.5 Tiến hành khảo nghiệm và kết quả khảo nghiệm .....	93
3.5.1 Kết quả khảo nghiệm về tính cần thiết.....	93
3.5.2 Kết quả khảo nghiệm về tính khả thi .....	94
<b>TIÊU KẾT CHƯƠNG 3.....</b>	<b>96</b>
<b>KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....</b>	<b>97</b>



1. Kết luận .....	97
2. Một số khuyến nghị.....	98
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>100</b>
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>104</b>

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Qui mô phát triển cấp TH huyện Tiên Lãng.....	36
Bảng 2.2.Số HS học 2 buổi/ngày 5 năm học qua.....	37
Bảng 2.3. Chất lượng 2 mặt giáo dục.....	37
Bảng 2.4. Kết quả giao lưu học sinh trong 3 năm học liên tiếp.....	38
Bảng 2.5.Thống kê đội ngũ GV trực tiếp đứng lớp ở 26 trường TH huyện Tiên Lãng - TP Hải Phòng năm học 2015 - 2016.....	39
Bảng 2.6. Chất lượng đội ngũ GV-TH năm học 2015 – 2016.....	41
Bảng 2.7. Thống kê đội ngũ CBQL các trường TH huyện Tiên Lãng .....	42
Bảng 2.8. Thống kê tình hình đội ngũ CBQL chuyên môn cấp TH của PGD huyện Tiên Lãng.....	44
Bảng 2.9.Thống kê CSVC, thiết bị phục vụ công tác dạy và học ở các trường Tiểu học huyện Tiên Lãng năm học 2015 - 2016.....	45
Bảng 2.10. Nhận thức về vai trò hoạt động dạy học trong trường Tiểu học. .	48
Bảng 2.11. Thực trạng công tác chuẩn bị giảng dạy của giáo viên. ....	50
Bảng 2.12. Thực hiện nội dung giảng dạy các khâu trên lớp của giáo viên.....	51
Bảng 2.13. Thực trạng kiểm tra đánh giá học sinh của giáo viên.....	53
Bảng 2.14. Đổi mới kế hoạch bài dạy của giáo viên. ....	54
Bảng 2.15. Đổi mới cách thức thực hiện nội dung, các khâu trên lớp của giáo viên. ....	56
Bảng 2.16. Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS theo tinh thần của thông tư 30/2014.....	58
Bảng 2.17. Tổng hợp về CSVC ở các trường Tiểu học trong huyện.....	60
Bảng 2.18. Chỉ đạo đổi mới hoạt động dạy học ở trường Tiểu học của phòng GD huyện Tiên Lãng.....	63
Bảng 2.19. Thực trạng triển khai nội dung bồi dưỡng đội ngũ GV.....	66
Bảng 2.20. Kiểm tra, đánh giá hoạt động giảng dạy của giáo viên. ....	67
Bảng 2.21. Quản lý cơ sở vật chất. ....	68
Bảng 3.1: Các loại đối tượng khảo nghiệm.....	92
Bảng 3.2: Các biện pháp khảo nghiệm trên 140 người liên quan.....	93
Bảng 3.3. Kết quả khảo nghiệm về tính cần thiết trên 140 người liên quan .	93
Bảng 3.4. Kết quả khảo nghiệm về tính khả thi trên 140 người liên quan ....	95

## DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1. Nhận thức về vai trò hoạt động dạy học trong trường Tiểu học	49
Biểu đồ 2.2. Mức độ thực hiện các khâu của quá trình dạy học .....	57
Biểu đồ 3.1. Mức độ về tính cần thiết của các biện pháp .....	94
Biểu đồ 3.2. Mức độ về tính cần thiết và khả thi của các biện pháp .....	96

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Công cuộc đổi mới của Đảng ta trong ba mươi năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Cùng với sự phát triển chung của mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, lĩnh vực giáo dục tiếp tục phát triển mạnh mẽ trên cả ba mặt: Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Trong xu thế hội nhập và phát triển của thế giới hiện nay, nước ta đứng trước nhiều cơ hội thuận lợi để phát triển, song cũng đối mặt với không ít khó khăn, thách thức. Để nắm bắt cơ hội phát triển, khắc phục và chuyển hóa khó khăn đòi hỏi phải có một nền giáo dục tiên tiến đào tạo nguồn nhân lực mới có tri thức cao, năng động, sáng tạo đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với một nền kinh tế tri thức. Để thực hiện được nhiệm vụ đó cần phải đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quản lý giáo dục. Nghị quyết số 29 Hội nghị lần thứ VIII Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã khẳng định: “Đổi mới căn bản toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, trong đó, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý là khâu then chốt ... GD&ĐT có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng xây dựng đất nước, xây dựng nền văn hóa, con người Việt Nam”.

Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Đảng ta xác định: Nhân tố quyết định thắng lợi công cuộc CNH- HĐH đất nước và hội nhập quốc tế là con người, là nguồn lực người Việt Nam được phát triển về số lượng và chất lượng trên cơ sở mặt bằng dân trí được nâng cao. Vì vậy, phải chuẩn bị cho người lao động có những phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu của xã hội trong thời kỳ mới là một yêu cầu cần thiết.

Điều 2- Luật Giáo dục 2005 đã chỉ rõ : “Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH, hình thành và

bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Để góp phần đạt được mục tiêu này, trong hệ thống giáo dục quốc dân, giáo dục Tiểu học có ý nghĩa vô cùng quan trọng vì giáo dục Tiểu học là nền tảng của giáo dục phổ thông, là cấp học đầu tiên đặt cơ sở cho sự phát triển nhân cách toàn diện của trẻ, đặt nền móng vững chắc cho giáo dục phổ thông và cho toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân. Trường Tiểu học là đơn vị cơ sở của hệ thống giáo dục quốc dân nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, trực tiếp đảm nhận giáo dục từ lớp 1 đến lớp 5 cho trẻ từ 6 -11 tuổi.

Có thể nói, hoạt động chủ yếu trong nhà trường là hoạt động dạy học. Hoạt động dạy học cùng với hoạt động giáo dục tạo nên quá trình sư phạm tổng thể của nhà trường. Quản lý hoạt động dạy học đồng nghĩa với việc quản lý nhận thức của giáo viên, nâng cao nhận thức của giáo viên về bản chất của hoạt động dạy học; là quản lý đổi mới hoạt động dạy học và thực hiện những tác động cụ thể để quản lý hoạt động dạy học. Mặt khác, sự tồn tại, phát triển của một nhà trường hay uy tín, chất lượng, hiệu quả của nó được đánh giá chủ yếu thông qua chất lượng dạy học của trường đó. Vì vậy, việc quản lý hoạt động dạy học luôn cần được tổ chức quản lý chỉ đạo chặt chẽ, khoa học từ Phòng Giáo dục đến các trường Tiểu học.

Với một huyện xa trung tâm thành phố, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, trở ngại song các trường Tiểu học ở huyện Tiên Lãng - TP Hải Phòng đã có rất nhiều cố gắng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng học sinh giỏi. Kết quả đó khẳng định được vị trí, vai trò lãnh đạo, chỉ đạo các nhà trường của đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên viên Phòng giáo dục huyện Tiên Lãng – thành phố Hải Phòng.

Là một cán bộ quản lý chuyên môn Tiểu học của phòng GD&ĐT Tiên Lãng, tôi luôn quan tâm đến vấn đề quản lý hoạt động dạy học ở các trường Tiểu học do mình phụ trách, thực tế cho thấy việc quản lý của Phòng giáo dục đối với các trường Tiểu học của huyện còn những vấn đề cần rút kinh nghiệm và được quan tâm hơn nữa để cấp học tiếp tục phát triển đi lên nhằm đáp ứng

yêu cầu của giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay. Từ những lý do trên, tôi chọn hướng nghiên cứu của mình vào đề tài: ***“Quản lý hoạt động dạy học của các trường Tiểu học tại huyện Tiên Lãng – thành phố Hải Phòng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục”*** với mong muốn đóng góp một phần nhỏ vào việc nâng cao chất lượng Giáo dục Tiểu học của huyện Tiên Lãng và thành phố Hải Phòng theo tinh thần Nghị quyết số 29 - NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị TƯ 8 - Khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

**2. Mục đích nghiên cứu:** Tìm các giải pháp để đổi mới quản lý hoạt động dạy học ở các trường Tiểu học nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay của một Phòng giáo dục cấp huyện.

### **3. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý hoạt động dạy học ở các trường Tiểu học.
- Khảo sát, đánh giá thực trạng về quản lý hoạt động dạy học các trường Tiểu học ở huyện Tiên Lãng– thành phố Hải Phòng.
- Đề xuất một số biện pháp quản lý hoạt động dạy học ở các trường Tiểu học cho Phòng giáo dục của huyện Tiên Lãng – thành phố Hải Phòng nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

### **4. Khách thể và đối tượng nghiên cứu**

**4.1 Khách thể nghiên cứu:** Hoạt động dạy học các trường Tiểu học trên địa bàn huyện Tiên Lãng – thành phố Hải Phòng.

**4.2 Đối tượng nghiên cứu:** Quản lý hoạt động dạy học các trường Tiểu học tại huyện Tiên Lãng - thành phố Hải Phòng nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

### **5. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu**

- Nghiên cứu giới hạn ở huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng và nội dung chủ yếu liên quan đến chỉ đạo hoạt động dạy học ở các trường Tiểu học của Phòng GD&ĐT huyện Tiên Lãng.

- Phạm vi khảo sát thực trạng chỉ tập trung đi sâu nghiên cứu quản lý hoạt động dạy học của Phòng giáo dục đối với các trường Tiểu học từ năm 2012 (tập trung từ năm 2014) đến nay.

## **6. Câu hỏi nghiên cứu:**

Câu hỏi được đặt ra cho nghiên cứu là:

- Công tác quản lý dạy học các trường Tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đang có những vấn đề gì?

- Cần những biện pháp quản lý như thế nào để đáp ứng yêu cầu dạy học của các trường Tiểu học huyện Tiên Lãng – TP Hải Phòng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

## **7. Giả thuyết nghiên cứu:**

Công tác quản lý hoạt động dạy học đối với các trường Tiểu học của PGD huyện Tiên Lãng đã đạt được những kết quả nhất định, song còn những hạn chế do các nguyên nhân chủ quan, khách quan khác nhau. Nếu đề xuất, xây dựng được các biện pháp quản lý phù hợp sẽ góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng dạy học ở các trường Tiểu học, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục trong giai đoạn hiện nay. Đổi mới nhà trường gắn với đổi mới quản lý hoạt động dạy học của nhà trường

## **8. Những đóng góp của đề tài**

- Từ việc phát hiện thực trạng quản lý hoạt động dạy học; đề xuất các biện pháp quản lý nhằm nâng cao kết quả hoạt động dạy học các trường Tiểu học của Phòng GD & ĐT huyện Tiên Lãng – thành phố Hải Phòng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

## **9. Phương pháp nghiên cứu**

### ***9.1 Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý luận***

### ***9.2 Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn***

- Phương pháp quan sát sự phạm
- Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi
- Phương pháp phỏng vấn
- Phương pháp nghiên cứu các sản phẩm hoạt động.

### ***9.3 Phương pháp xử lý thông tin, số liệu***

#### **10. Cấu trúc của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn có 3 chương:

*Chương 1*- Cơ sở lý luận của hoạt động dạy học và quản lý hoạt động dạy học trong nhà trường Tiểu học.

*Chương 2* - Thực trạng hoạt động dạy học và quản lý hoạt động dạy học các trường Tiểu học trên địa bàn huyện Tiên Lãng – TP Hải Phòng

*Chương 3*- Các biện pháp quản lý hoạt động dạy học các trường Tiểu học tại huyện Tiên Lãng - TP Hải Phòng.



## CHƯƠNG 1

### CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC Ở NHÀ TRƯỜNG TIỂU HỌC

#### 1.1 Vài nét về lịch sử nghiên cứu vấn đề

Hoạt động quản lý xuất hiện như một tất yếu khách quan nhằm tổ chức, phối hợp, điều khiển hoạt động của con người trong quá trình sinh hoạt tự vệ, lao động sản xuất, mưu sinh theo mục tiêu chung đã định. Quản lý được hình thành cùng với sự xuất hiện của xã hội loài người. Quản lý giáo dục là một hoạt động quản lý chuyên biệt được nhiều nhà nghiên cứu giáo dục đề cập từ thế kỷ 20 đến nay. Ở Việt Nam, trên cơ sở lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, các nhà khoa học Việt Nam tiếp cận quản lý giáo dục, quản lý trường học chủ yếu dựa trên nền tảng giáo dục học. Bằng sự tổng hoà các tri thức của giáo dục học, tâm lý học, xã hội học, kinh tế học... các tác giả đã thể hiện trong các công trình nghiên cứu của mình một cách khoa học về khái niệm quản lý giáo dục và quản lý trường học, chức năng quản lý, nguyên tắc và phương pháp quản lý, thông tin và môi trường quản lý, đồng thời nêu một số nét khái quát về nghiệp vụ quản lý trường học. Đó là các tác giả Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Xuân Thúc và nhiều nhà khoa học giáo dục khác... đã đưa ra nhiều vấn đề về lý luận QLGD, các giải pháp, kinh nghiệm QLGD xuất phát từ thực tiễn của nền giáo dục Việt Nam. Các công trình nghiên cứu đã được xây dựng thành giáo trình giảng dạy ở các trường đại học trong việc đào tạo theo các trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Các thành quả nghiên cứu nêu trên của các nhà khoa học trong và ngoài nước là những tri thức làm tiền đề cho việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn quản lý giáo dục và quản lý hoạt động dạy học trong các trường học nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển KT-XH của đất nước.

Trong quá trình tìm hiểu thực tiễn các công trình nghiên cứu quản lý hoạt động dạy học ở các nhà trường Tiểu học với chủ thể quản lý hoạt động dạy học, tác giả có thể chia theo hai hướng sau:

### ***1.1.1. Nghiên cứu về quản lý hoạt động dạy học Tiểu học.***

Khi nghiên cứu, tác giả nhận thấy các công trình nghiên cứu các nội dung quản lý như: công tác xã hội hóa giáo dục, phát triển đội ngũ, công tác phổ cập giáo dục,... điển hình là những công trình sau:

Biện pháp quản lý hoạt động dạy học đối với trường Tiểu học của Phòng Giáo dục Quận 11 thành phố Hồ Chí Minh (2006)/ Nguyễn Thanh Tịnh, Đại học Sư phạm Hà Nội.

Các biện pháp quản lý của Phòng giáo dục đối với hoạt động dạy học của các trường Tiểu học Huyện Lục Nam tỉnh Bắc Giang (2006)/ Đào Văn Sinh, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Biện pháp quản lý hoạt động dạy học Tiểu học theo chương trình đổi mới của Phòng giáo dục đào tạo huyện Quê Võ - tỉnh Bắc Ninh (2008)/ Nguyễn Văn Nam, Đại học Sư phạm Hà Nội.

Biện pháp quản lý hoạt động dạy học Tiểu học theo chương trình đổi mới của Phòng giáo dục đào tạo huyện Sóc Sơn – Hà Nội (2008)/ Ngô Văn Chức, Đại học Sư phạm Hà Nội.

Quản lý hoạt động dạy học hai buổi/ ngày ở trường Tiểu học thành phố Hưng Yên (2014)/ Hoàng Thị Thu Thủy, Đại học Sư phạm Hà Nội.

### ***1.1.2. Nghiên cứu quản lý hoạt động dạy học của Hiệu trưởng.***

Có rất nhiều các công trình nghiên cứu về quản lý hoạt động dạy của Hiệu trưởng như:

Biện pháp Hiệu trưởng quản lý hoạt động dạy học theo yêu cầu đổi mới giáo dục ở trường Tiểu học thành phố Thái Bình - tỉnh Thái Bình (2008)/ Hà Thị Lân, Đại học Sư phạm Hà Nội.

Biện pháp Hiệu trưởng quản lý hoạt động dạy học ở trường Tiểu học vùng cao tỉnh Hà Giang (2008)/ Lê Thị Hòa, Đại học Sư phạm Hà Nội.

Biện pháp quản lý hoạt động dạy học của Hiệu trưởng các trường THPT huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương (2009)/ Đỗ Xuân Hiền, Đại học Sư phạm Hà Nội.

Biện pháp quản lý hoạt động dạy học ở các trường THCS trên địa bàn huyện Thanh Thủy tỉnh Phú Thọ trong giai đoạn hiện nay (2010)/ Đỗ Trọng Khanh, Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Quản lý hoạt động dạy học ở trường THPT Vân Nham, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn (2013)/ Nguyễn Thái Dương, Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội. Và nhiều luận văn thạc sỹ khác...

Từ thực tiễn nghiên cứu tác giả nhận thấy các công trình nghiên cứu về quản lý hoạt động dạy học ở trường học nói chung và ở trường Tiểu học nói riêng khá phong phú, nhưng thực tiễn khi quản lý phụ thuộc vào địa bàn trường nên vận dụng các phương pháp còn hạn chế. Tại địa bàn huyện Tiên Lãng chưa ai đề cập đến biện pháp quản lý hoạt động dạy học ở trường Tiểu học nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Vì vậy, tác giả nghiên cứu (khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động và công tác quản lý hoạt động dạy học các trường Tiểu học trên địa bàn huyện Tiên Lãng - thành phố Hải Phòng) từ đó đề xuất những biện pháp quản lý dạy học các trường Tiểu học của huyện nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

## **1.2. Một số khái niệm về quản lý**

### **1.2.1. Quản lý**

Quản lý là một dạng lao động xã hội gắn liền và phát triển cùng với lịch sử phát triển của loài người, đó là một dạng lao động đặc biệt phát sinh từ tính chất xã hội hoá lao động, điều khiển các hoạt động lao động, nó có tính khoa học và nghệ thuật cao nhưng đồng thời nó cũng là sản phẩm mang tính lịch sử, tính đặc thù của xã hội.

Có rất nhiều định nghĩa về quản lý:

- Đại bách khoa toàn thư của Liên Xô (1977) định nghĩa : “Quản lý - đó là chức năng của những hệ thống có tổ chức với bản chất khác nhau (sinh vật, xã hội,

kỹ thuật), nó bảo toàn cấu trúc xác định của chúng, duy trì chế độ hoạt động, thực hiện những chương trình, mục đích hoạt động.” [9; tr 5 ]

- Theo tác giả Nguyễn Ngọc Quang : Quản lý là sự tác động có mục đích, có kế hoạch của chủ thể quản lý đến tập thể những người lao động (khách thể quản lý) nhằm thực hiện được những mục tiêu dự kiến [36; tr 17].

- Trong giáo trình khoa học quản lý (tập 1, Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật, Hà Nội 1999) đã ghi rõ : “Quản lý là các hoạt động được thực hiện nhằm đảm bảo sự hoàn thành công việc qua những nỗ lực của người khác; quản lý là công tác phối hợp có hiệu quả các hoạt động của những người cộng sự khác cùng chung một tổ chức; quản lý là một hoạt động thiết yếu đảm bảo phối hợp những nỗ lực cá nhân nhằm đạt được các mục đích của nhóm; quản lý là sự có trách nhiệm về một cái gì đó...”.

Theo các tác giả Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc đã định nghĩa về quản lý, đó là "*Quá trình đạt đến mục tiêu của tổ chức bằng cách vận dụng các hoạt động (chức năng) kế hoạch hoá, tổ chức, chỉ đạo, (lãnh đạo) và kiểm tra.*" [14, tr 9].

Tác giả Trần Khánh Đức khẳng định "*Quản lý là hoạt động có ý thức của con người nhằm phối hợp hành động của một nhóm người, hay một cộng đồng người để đạt được các mục tiêu đề ra một cách hiệu quả nhất.*" [18; tr 328]

Phân tích các định nghĩa trên ta thấy những dấu hiệu chung của quản lý, đó là: Tính mục đích; sự tương tác giữa chủ thể và đối tượng; liên quan tới môi trường xác định. Điều đó khẳng định, bất cứ một tổ chức có mục đích gì, cơ cấu và quy mô ra sao đều cần phải có sự quản lý và có người quản lý để tổ chức hoạt động và đạt được mục đích của mình.

Từ đó có thể khái quát : *Quản lý là sự tác động liên tục có tổ chức, có định hướng của chủ thể (người quản lý, tổ chức quản lý) lên khách thể (đối tượng quản lý) về các mặt chính trị, văn hoá, KT-XH bằng một hệ thống các luật, các chính sách, các nguyên tắc, các phương pháp và các biện pháp cụ thể nhằm tạo ra môi trường và điều kiện cho sự phát triển của đối tượng.*

### ***1.2.2. Quản lý giáo dục***

Quản lý giáo dục là một khái niệm có nhiều cách hiểu khác nhau. Quản lý giáo dục có thể hiểu là hoạt động điều hành, phối hợp các lực lượng xã hội nhằm đẩy mạnh công tác đào tạo thế hệ trẻ theo yêu cầu phát triển của xã hội. QLGD, quản lý nhà trường là quản lý các hoạt động giáo dục trong đó có hoạt động dạy học. Tổ chức các hoạt động, thực hiện được các chức năng của nhà trường Việt Nam XHCN tức là cụ thể hoá đường lối giáo dục của Đảng, biến đường lối đó thành hiện thực, đáp ứng yêu cầu của nhân dân, của đất nước.

Trên quan điểm “Giáo dục là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân”, các chuyên gia nghiên cứu về khoa học giáo dục của Việt Nam cũng đưa ra các quan niệm về QLGD. Theo quan niệm của tác giả Nguyễn Ngọc Quang: “QLGD là hệ thống các tác động có mục đích, có kế hoạch hợp quy luật của chủ thể quản lý nhằm làm cho hệ vận hành theo đường lối và nguyên lý giáo dục của Đảng, thực hiện được các tính chất của nhà trường XHCN Việt Nam mà tiêu điểm hội tụ là quá trình dạy học, giáo dục thế hệ trẻ đưa hệ giáo dục đến mục tiêu dự kiến lên trạng thái mới về chất”[35; tr35]. Theo tác giả Phạm Viết Vượng: “Mục đích cuối cùng của QLGD là tổ chức quá trình GD có hiệu quả để đào tạo lớp thanh niên thông minh, sáng tạo, năng động, tự chủ, biết sống và biết phấn đấu vì hạnh phúc của bản thân và của xã hội” [43; tr 65].

Theo tác giả Đặng Quốc Bảo: "Quản lý giáo dục theo nghĩa tổng quan là điều hành, phối hợp các lực lượng nhằm đẩy mạnh công tác đào tạo thế hệ trẻ theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Ngày nay, với sứ mệnh phát triển giáo dục, công tác giáo dục không chỉ giới hạn ở thế hệ trẻ mà cho tất cả mọi người. Cho nên QLGD được hiểu là sự điều hành hệ thống giáo dục quốc dân." [ 5; tr 1]

Theo PGS.TS Trần Kiểm: "QLGD được hiểu là những tác động tự giác (có ý thức, có mục đích, có kế hoạch, có hệ thống, hợp quy luật) của chủ thể quản lý đến tất cả các mắt xích của hệ thống ở các cấp khác nhau (từ Trung ương đến địa phương) nhằm thực hiện có chất lượng và hiệu quả mục tiêu phát triển GD&ĐT thế hệ trẻ theo yêu cầu của xã hội." [28; tr10]

Ngày nay, với sứ mệnh phát triển giáo dục thường xuyên , công tác giáo dục không chỉ giới hạn ở thể hệ mà cho mọi người; tuy nhiên trọng tâm vẫn là giáo dục thế hệ trẻ cho nên quản lý giáo dục được hiểu là sự điều hành hệ thống giáo dục quốc dân, các trường trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Tác giả Nguyễn Thị Mỹ Lộc : Quản lý giáo dục là hoạt động có ý thức bằng cách vận dụng các quy luật khách quan của các cấp QLGD tác động đến toàn bộ hệ thống giáo dục nhằm làm cho hệ thống đạt được mục tiêu của nó.

Những khái niệm trên đây tuy có cách diễn đạt, biểu thị khác nhau nhưng tựu chung lại đều cho ta hiểu : *QLGD là sự tác động có tổ chức, có định hướng phù hợp với quy luật khách quan của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý nhằm đưa hoạt động giáo dục ở từng cơ sở và của toàn bộ hệ thống giáo dục đạt tới mục tiêu đã định.*

### **1.2.3. Quản lý nhà trường**

Nhà trường là một dạng thiết chế tổ chức chuyên biệt và đặc thù của xã hội, được hình thành do nhu cầu tất yếu khách quan của xã hội, nhằm thực hiện chức năng truyền thụ các kinh nghiệm xã hội cần thiết cho từng nhóm dân cư nhất định trong cộng đồng và xã hội. Nhà trường là một bộ phận của xã hội, là tổ chức giáo dục cơ sở của hệ thống Giáo dục quốc dân. Do đó, quản lý nhà trường là một nội dung quan trọng trong quản lý giáo dục, nhà trường (cơ sở giáo dục) chính là nơi tiến hành giáo dục - đào tạo có nhiệm vụ trang bị kiến thức cho một nhóm dân cư nhất định.

Quản lý nhà trường chính là quản lý đội ngũ giáo viên, học sinh, quản lý quá trình giáo dục, dạy học, quản lý cơ sở vật chất , trang thiết bị trường học ; quản lý tài chính và các nguồn lực trường học , mối quan hệ giữa nhà trường và cộng đồng xã hội . Sản phẩm của nhà trường là nhân cách của người học theo đúng đơn đặt hàng của xã hội, được xã hội thừa nhận.

Tác giả Phạm Minh Hạc đã đưa ra nội dung khái quát về khái niệm quản lý nhà trường như sau: “Quản lý nhà trường là thực hiện đường lối giáo dục của Đảng trong phạm vi trách nhiệm của mình, tức là đưa nhà trường vận

hành theo nguyên lý giáo dục để tiến tới mục tiêu giáo dục, mục tiêu đào tạo đối với ngành giáo dục, với thế hệ trẻ và với từng học sinh.”

Quản lý trường học là hệ thống những tác động có định hướng, có kế hoạch, có tổ chức của người hiệu trưởng tới các đối tượng quản lý nhằm thực hiện có chất lượng và có hiệu quả mục tiêu giáo dục của nhà trường. Trong quản lý trường học, quản lý hoạt động dạy học là nội dung trọng tâm, cơ bản nhất. Mọi hoạt động đa dạng, phức tạp khác đều hướng vào hoạt động trung tâm này. Do vậy, quản lý nhà trường chính là: Quản lý hoạt động dạy - học, làm sao đưa hoạt động đó từ trạng thái này sang trạng thái khác để dần dần tiến tới mục tiêu đào tạo.

*Vậy, quản lý nhà trường là hoạt động của chủ thể quản lý nhằm tổ chức các hoạt động của GV và HS, các lực lượng hỗ trợ giáo dục khác để đạt được mục tiêu giáo dục đề ra cho nhà trường đó.*

### **1.3. Giáo dục Tiểu học và dạy học Tiểu học**

#### ***1.3.1. Giáo dục Tiểu học trong hệ thống Giáo dục quốc dân (GDQD)***

##### ***1.3.1.1. Vị trí, vai trò của Giáo dục Tiểu học trong hệ thống Giáo dục quốc dân***

Trường Tiểu học là đơn vị cơ sở của hệ thống Giáo dục quốc dân nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, trực tiếp đảm nhận việc giáo dục từ lớp 1 đến lớp 5 cho trẻ em từ 6 đến 11 tuổi, nhằm hình thành ở học sinh cơ sở ban đầu cho sự phát triển toàn diện nhân cách con người Việt Nam XHCN theo mục tiêu giáo dục Tiểu học.

##### ***1.3.1.2. Mục tiêu của Giáo dục Tiểu học trong hệ thống GDQD***

Mục tiêu phát triển giáo dục Tiểu học được xác định tại Điều 27- Luật Giáo dục 2005: “Giáo dục Tiểu học nhằm giúp học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học THCS”.

Mục tiêu của Tiểu học được cụ thể hoá thành mục tiêu của các môn học và các hoạt động giáo dục khác trong chương trình TH. Phát triển những đặc

tính tự nhiên tốt đẹp của trẻ em, hình thành ở học sinh lòng ham hiểu biết và những đặc tính, kỹ năng cơ bản ban đầu để tạo hứng thú học tập và học tập tốt; củng cố và nâng cao thành quả phổ cập giáo dục TH trong cả nước.

#### *1.3.1.3. Nhiệm vụ của Giáo dục Tiểu học trong hệ thống GDQD*

Là cấp học đầu tiên của hệ thống GDQD, giáo dục Tiểu học có nhiệm vụ xây dựng và phát triển tình cảm đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ và thể chất của trẻ em, nhằm hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển toàn diện nhân cách con người Việt Nam XHCN.

Từ mục tiêu nêu trên nhiệm vụ quan trọng của mỗi nhà trường Tiểu học cần tổ chức và quản lý như thế nào để GV dạy thật tốt và HS học thật tốt, trong đó yếu tố dạy tốt là khâu quan trọng của quá trình giáo dục học sinh cấp Tiểu học.

#### *1.3.1.4. Đặc điểm của Giáo dục Tiểu học trong hệ thống GDQD*

Trường Tiểu học là nơi đầu tiên tổ chức một cách tự giác các hoạt động giáo dục cho học sinh, lần đầu tiên tác động đến trẻ em bằng hình thức nhà trường bao gồm cả nội dung, phương pháp, tổ chức giáo dục. Nói cách khác, trường Tiểu học là nơi tổ chức một cách tự giác quá trình phát triển của trẻ em, là đơn vị cơ sở, là công trình văn hoá - giáo dục bền vững hấp dẫn các lớp trẻ em, là nơi tạo cho trẻ em hạnh phúc được đến trường.

Theo tác giả Nguyễn Kế Hào: “*Bậc Tiểu học có các tính chất: nhân văn, dân tộc và hiện đại. Bậc Tiểu học có các đặc điểm là bậc học nền tảng; bậc học dành cho mọi trẻ em; bậc học mang đến cho trẻ em hạnh phúc đi học*” [25; tr17].

Điều đó cho thấy trường Tiểu học có vị trí quan trọng trong sự nghiệp “Đào tạo và bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau”, đòi hỏi các nhà quản lý phải quan tâm, có chính sách ưu tiên, ưu đãi đối với bậc học.

### **1.3.2. Dạy học Tiểu học**

#### *1.3.2.1. Đặc trưng dạy học Tiểu học*



Ở lớp 1- 2- 3 học sinh được hình thành cách học với những thao tác trí óc cơ bản. Học sinh lớp 4 – 5 các em đã có thể định hình được cách học.

Theo chương trình hiện hành giáo viên Tiểu học phải dạy các môn học bắt buộc của cấp học: Khối lớp 1 - 2 - 3 gồm Toán, tiếng Việt, Đạo đức, Tự nhiên xã hội, Thủ công; khối lớp 4 - 5 gồm Toán, tiếng Việt, Khoa học, Lịch sử, Địa lý, Kỹ thuật, Đạo đức. Trên cơ sở chương trình hiện hành, chương trình đổi mới có tích hợp và phân hóa. Nhiệm vụ của giáo viên Tiểu học có nhiệm vụ dạy học toàn diện các môn bắt buộc cho một lớp học được phân công giảng dạy.

Với đặc trưng trên thì giáo viên Tiểu học “*người thầy tổng thể*” nắm vững lượng kiến thức các môn học, phương pháp, hình thức tổ chức tương ứng, đặc trưng môn học. Dạy học Tiểu học theo phương châm “*thầy tổ chức, trò hoạt động*” sao cho phát huy tính độc lập, tự giác và tích cực học tập.

Công cụ lao động của người giáo viên là trí tuệ và phẩm chất của chính mình. Công cụ này sẽ tác động có hiệu quả khi người thầy có uy tín cao, phẩm chất và năng lực, đức và tài của thầy càng cao thì sức thuyết phục của học sinh càng lớn. Giáo viên Tiểu học là “*thần tượng*” của học sinh đang dạy. Vì vậy, các em luôn nghe theo thầy. Trong tâm trí các em người thầy là “*đúng nhất*” nên lao động của giáo viên Tiểu học phải có tính khoa học, tính nghệ thuật và tính sáng tạo.

#### *1.3.2.2. Đặc điểm tâm lý học sinh Tiểu học*

Học sinh Tiểu học là người học đầu tiên của bậc học phổ thông, có lứa tuổi từ 6-11 tuổi, lứa tuổi hình thành và phát triển mạnh mẽ về tính cách. Đặc điểm nổi bật nhất của tư duy học sinh Tiểu học là chuyển dần từ tính trực quan, cụ thể sang tính trừu tượng, khái quát. Điều này biểu hiện trên tất cả các mặt của tư duy: trong khi tiến hành các thao tác tư duy; lĩnh hội khái niệm; phán đoán và suy luận. Nên người giáo viên cần phải quan tâm đến việc hình thành các yếu tố tư duy lý luận cho học sinh Tiểu học trí tưởng tượng. Tình cảm có ảnh hưởng lớn đến độ bền vững và độ nhanh của sự ghi nhớ. Học sinh

Tiểu học chưa biết sử dụng các biện pháp ghi nhớ đặc biệt là ghi nhớ ý nghĩa. Vì vậy, người thầy quan tâm đến việc hình thành và phát triển trí nhớ ý nghĩa cho học sinh Tiểu học.

### *1.3.2.3. Hoạt động dạy học ở trường Tiểu học*

Hoạt động dạy học là quá trình thống nhất biện chứng của hai thành tố cơ bản của quá trình dạy học, đó là hoạt động dạy và hoạt động học. Quá trình dạy học là một quá trình, trong đó dưới tác động chủ đạo (tổ chức, điều khiển, lãnh đạo) của thầy, học sinh tự giác, tích cực tổ chức, tự điều khiển hoạt động nhận thức, nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ dạy học. Trong quá trình đó cá nhân người học vừa là chủ thể vừa là mục đích cuối cùng của quá trình đó.

Cũng như quá trình dạy học nói chung, quá trình dạy học Tiểu học là một quá trình xã hội, gắn liền với hoạt động dạy của thầy và hoạt động học của trò với tư cách là hoạt động của hai chủ thể. Trong đó, GV giữ vai trò chủ đạo để tổ chức, hướng dẫn và điều khiển, còn học sinh giữ vai trò chủ động lĩnh hội tri thức, rèn luyện kỹ năng kỹ xảo và những thái độ, hành vi tốt đẹp. Các hoạt động dạy học này được tổ chức sắp xếp theo các hình thức dạy học khác nhau. Sau một chu trình vận động, các hoạt động dạy học phải đạt được kết quả mong muốn.

Để đạt được mục đích dạy học, người dạy và người học đều phải phát huy các yếu tố chủ quan của cá nhân để xác định nội dung, lựa chọn phương pháp, tìm kiếm các hình thức... Các nội dung trên được thực hiện tuân theo sự quản lý, điều hành của các cấp QLGD, theo kế hoạch thống nhất, có sự tổ chức và được KT-ĐG.

Hoạt động dạy học ở trường Tiểu học muốn có hiệu quả cần có môi trường sư phạm thuận lợi ở cả hai phương diện vĩ mô và vi mô. Môi trường vi mô là môi trường giáo dục gia đình, nhà trường và các mối quan hệ trong cộng đồng tích cực. Môi trường vĩ mô là môi trường KT-XH phát triển và môi trường công nghệ tiên tiến. Điều đó cho thấy, hoạt động dạy học Tiểu học liên quan đến nhiều đối tượng, nhiều lĩnh vực, nhiều phương diện, đa dạng và phong phú.

Hiệu quả của hoạt động dạy học quyết định chất lượng giáo dục của nhà trường. Vì vậy, muốn nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường thì phải nâng cao chất lượng của hoạt động dạy học. Qua sự phân tích trên, *quá trình dạy học Tiểu học là một quá trình trong đó dưới tác dụng chủ đạo (tổ chức, điều khiển, lãnh đạo) của thầy, học sinh tự giác, tích cực, tự tổ chức, tự điều khiển hoạt động nhận thức nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ dạy học.*

#### **1.4. Vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Phòng giáo dục**

##### ***1.4.1. Vị trí, vai trò của Phòng giáo dục***

Phòng giáo dục là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp quận (huyện), có chức năng tham mưu, giúp UBND cấp quận (huyện) thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về các lĩnh vực GD&ĐT nhằm phát triển sự nghiệp GD&ĐT trên địa bàn quận (huyện) trong đó có giáo dục Tiểu học và hoạt động dạy học ở các trường Tiểu học. Nội dung quản lý bao gồm: mục tiêu, chương trình, nội dung GD&ĐT; tiêu chuẩn nhà giáo và tiêu chuẩn CBQL GD; tiêu chuẩn CSVG, thiết bị trường học; quy chế thi cử và cấp văn bằng chứng chỉ theo quy định của pháp luật.

Phòng giáo dục có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND cấp quận (huyện); đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở GD&ĐT.

##### ***1.4.2. Chức năng quản lý nói chung của Phòng giáo dục***

Phòng giáo dục trực tiếp quản lý, chỉ đạo các trường Tiểu học xây dựng và thực hiện chiến lược quy hoạch, phát triển giáo dục ở địa phương, đảm bảo cho sự nghiệp giáo dục địa phương phát triển bền vững; quản lý, phát triển, bồi dưỡng đội ngũ bao gồm đội ngũ CBQL, đội ngũ GV; quản lý hoạt động dạy học ở các trường Tiểu học; quản lý các điều kiện phục vụ cho hoạt động dạy học; quản lý, chỉ đạo áp dụng sáng kiến kinh nghiệm; chỉ đạo, xây dựng phong trào thi đua trong cấp học, ngành học tại địa phương.

Phòng giáo dục thực hiện việc quản lý nhà trường theo bốn chức năng quản lý và đây cũng chính là công tác tham mưu của Phòng giáo dục đối với lãnh đạo Đảng, chính quyền cấp quận (huyện) và cơ quan QLGD cấp trên. Bốn chức năng quản lý đó là: Chức năng kế hoạch hoá, chức năng tổ chức, chức năng điều khiển và chức năng kiểm tra.

#### *1.4.2.1 Chức năng kế hoạch hoá*

Là chức năng hoạch định, lập kế hoạch, tập hợp những mục tiêu cơ bản, sắp xếp theo một trình tự nhất định cùng với một chương trình hành động cụ thể để đạt mục tiêu đề ra. Đây là chức năng hạt nhân, là một trong bốn chức năng quan trọng nhất. Thực chất của chức năng này là định ra được mục tiêu, chương trình hành động, xác định bước đi, các điều kiện, phương tiện cần thiết trong một thời gian nhất định của cả hệ thống quản lý và bị quản lý có ý nghĩa làm cho mọi người biết nhiệm vụ của mình, biết phương pháp hoạt động nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu của tổ chức.

#### *1.4.2.2 Chức năng tổ chức:*

Là việc thiết kế cơ cấu các bộ phận sao cho phù hợp với mục tiêu của tổ chức, các hoạt động của từng cá thể riêng biệt đều phải nằm trong một hệ thống giúp cho mọi người cùng làm việc với nhau có hiệu quả. Thực chất của chức năng này là hình thành nhóm các trường, tạo ra sự phân hệ gắn kết với nhau thành hệ thống, vận động cho từng phân hệ và toàn bộ hệ thống đạt tới mục tiêu mong muốn.

#### *1.4.2.3 Chức năng chỉ đạo/điều khiển:*

Là quá trình sử dụng quyền lực quản lý để tác động đến các đối tượng quản lý một cách có chủ đích nhằm phát huy hết tiềm năng của họ hướng vào việc đạt mục tiêu chung của hệ thống. Hay nói cách khác, nó là quá trình điều phối các hoạt động chung, tạo ra sự cân bằng động để phát triển tổng thể một cách tối ưu.

#### *1.4.2.4 Chức năng kiểm tra:*

Chức năng này nhằm kịp thời phát hiện các sai sót, bất cập trong quá trình hoạt động, có tác dụng thẩm định, xác định một hành vi cá nhân hay một

tổ chức trong quá trình thực hiện quyết định, nó xuyên suốt trong quá trình quản lý. Bao gồm các bước: xây dựng các tiêu chuẩn; đo đạc việc thực hiện; điều chỉnh các sai lệch nhằm làm cho toàn bộ hệ thống đạt mục tiêu đã định.

#### ***1.4.3. Quản lý hoạt động dạy học ở trường Tiểu học***

Thực hiện phân cấp quản lý theo ngành dọc từ cấp Bộ, cấp Sở đến Phòng giáo dục, Phòng giáo dục là cơ quan chuyên môn chịu trách nhiệm quản lý trực tiếp các trường Tiểu học thuộc địa bàn quận (huyện), trong đó nội dung quản lý chủ yếu là quá trình dạy học; Phòng giáo dục là cơ quan chuyên môn, được xác định là chủ thể quản lý hoạt động dạy học ở trường Tiểu học. Hiệu trưởng quản lý, chịu trách nhiệm trực tiếp, hàng ngày, hàng giờ, còn Phòng giáo dục có thể quản lý trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua đội ngũ thanh tra viên, cộng tác viên thanh tra hoặc qua Hiệu trưởng các trường Tiểu học.

Theo tác giả B.P. Exipôp Quản lý hoạt động dạy học chính là quản lý quá trình dạy học: “ Quá trình dạy học là tập hợp những hành động tiếp diễn của giáo viên, học sinh được giáo viên hướng dẫn, hành động này nhằm làm cho học sinh tự giác nắm vững hệ thống kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo và trong quá trình đó phát triển được năng lực nhận thức, nắm được yếu tố của văn hóa lao động trí óc và lao động chân tay, hình thành cơ sở thế giới quan và hành vi cộng sản chủ nghĩa” [19; tr 41].

Quản lý hoạt động dạy học của Phòng giáo dục phải đảm bảo các yêu cầu như tính pháp lý; tính khoa học; tính thực tiễn; góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, giáo dục Tiểu học cần đạt một số mục tiêu giáo dục cụ thể đó là nâng cao chất lượng PCGD, phổ cập giáo dục TH đúng độ tuổi, phổ cập xóa mù chữ, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện bằng các giải pháp: chuẩn bị tốt cho học sinh có đủ các điều kiện học 2 buổi/ ngày; chuẩn bị các điều kiện đáp ứng yêu cầu đổi mới CT - SGK, đổi mới PPDH; dạy đủ các môn học bắt buộc và môn tự chọn; xây dựng và đánh giá trường Tiểu học theo mức chất lượng tối thiểu, theo Chuẩn quốc gia, xây dựng “Trường học thân thiện - Học sinh tích cực”, tiến tới kiểm định

chất lượng các trường Tiểu học; đảm bảo cho việc giáo dục học sinh về Đức-Trí-Thể-Mĩ và các kỹ năng cơ bản khác.

Với mục tiêu trên, giáo dục Tiểu học phải đảm bảo cho học sinh có những hiểu biết đơn giản, cần thiết về tự nhiên, xã hội và con người; có kỹ năng cơ bản về nghe, nói, đọc, viết và tính toán; có thói quen rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh; có hiểu biết ban đầu về hát, múa, âm nhạc, mỹ thuật.

Điều này được NQ -TW2 khoá VIII nhấn mạnh: “Đổi mới mạnh mẽ phương pháp GD&ĐT, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện thành một nếp tư duy, sáng tạo của người học. Từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và các phương pháp hiện đại vào quá trình dạy học, đảm bảo điều kiện và thời gian tự học, tự nghiên cứu cho học sinh ”.

Cách thức tiến hành khác nhau có thể tạo ra những tác động cụ thể khác nhau. Vì vậy, để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động dạy học, PGD phải có định hướng, xác định rõ mục tiêu của các biện pháp, trên cơ sở đó mà có cách thức tiến hành hợp lý, có khả năng thuyết phục tới đối tượng quản lý.

Phòng giáo dục với tư cách là một cơ quan tham mưu, quản lý chuyên môn cần đổi mới về tư duy, về phong cách, phương pháp quản lý, cần đặt ra cho mình nhiệm vụ quản lý chuyên môn cụ thể trong đó có nhiệm vụ quản lý hoạt động dạy học theo cách nhìn mới, hướng tư duy mới, phù hợp với sự phát triển của xã hội, cải tiến nếp nghĩ, cách tiếp cận cái mới phù hợp tình hình thực tế, khả năng của địa phương theo yêu cầu đổi mới để có thể bắt nhịp được với cơ sở.

*Quản lý hoạt động dạy học của PGD đối với các trường TH là bao gồm một loạt những việc làm cụ thể, những cách thức tiến hành của PGD trong quá trình quản lý, nhằm tác động có hiệu quả đến những lĩnh vực trong quản lý hoạt động dạy học làm cho hoạt động dạy học ở các trường TH ngày càng đạt hiệu quả cao và phát triển theo chiều hướng tích cực.*

### **1.5. Đổi mới giáo dục và yêu cầu đặt ra với dạy học Tiểu học.**

### ***1.5.1. Bối cảnh đổi mới GD và Mô hình trường học mới tại Việt Nam (VNEN)***

- Ngày 04/11/2013 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành Nghị quyết 29/TW8 “*về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế*”; Nghị quyết 29 chỉ rõ đổi mới căn bản là: “*Đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của chương trình GD; cụ thể là đổi mới đồng bộ mục tiêu - nội dung - phương pháp - kiểm tra, đánh giá trong giáo dục nói chung và dạy học nói riêng theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học; chương trình và phương thức giáo dục phải hướng vào khả năng vận dụng và hoạt động trải nghiệm của học sinh*”

- Ngày 28/11/2014 Quốc hội đã ban hành Nghị quyết 88/QH13 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục, phổ thông chỉ rõ: “*Giáo dục phổ thông gồm 2 giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản (lớp 1-lớp 9) và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (lớp 10-12). Đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực...tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tích hợp cao ở lớp dưới và phân hóa dần ở các lớp trên. Ở cấp THPT yêu cầu học sinh học một số môn bắt buộc, đồng thời được tự chọn các môn học và chuyên đề học tập theo hình thức tích lũy tín chỉ.*” Trên cơ sở chương trình tổng thể do Bộ GD&ĐT ban hành các cơ sở GD phải hoàn chỉnh chương trình và kế hoạch giáo dục cho cơ sở mình. Chương trình và kế hoạch giáo dục phải phù hợp với điều kiện thực tiễn về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, kỹ thuật của nhà trường và khả năng tiếp thu của học sinh. Đổi mới chương trình là đổi mới đồng bộ mục tiêu – nội dung – phương pháp và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

*Dạy để thực hiện được nội dung của 2 Nghị quyết quan trọng trên, các nhà trường phải tập trung đổi mới và học và phát huy vai trò của mô hình trường học mới Việt Nam (VNEN).*

VNEN (chữ cái đầu viết tắt : Trường học mới Việt Nam (trường học mới tại Việt Nam). Mô hình VNEN đã đưa ra một giải pháp giáo dục thế, thay đổi nhà trường phù hợp với xu thế phát triển của giáo dục hiện đại. Mô hình VNEN dựa trên quan điểm và lý luận của giáo dục hiện đại và kết hợp hài hòa với thực tiễn giáo dục của Việt Nam. Nhận diện VNEN thông qua các yếu tố sau:

- \* Dạy học thông qua tổ chức hoạt động: Chú trọng rèn luyện phương pháp tư duy, tự học, phương pháp giải quyết vấn đề.

- \* Coi trọng vai trò chủ thể của học sinh, tạo môi trường học tập tương tác, hợp tác; đa dạng hóa phương thức học tập phù hợp với từng đối tượng học sinh.

- \* Dạy học không áp đặt, coi trọng việc hướng dẫn học sinh tìm tòi, khám phá: Coi trọng hứng thú trong học tập, coi trọng lợi ích của học sinh;

- \* Coi trọng tự đánh giá kết hợp với đánh giá khách quan theo quá trình nhằm mục đích thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh.

Trong bối cảnh đổi mới mô hình VNEN nếu được triển khai phù hợp với đặc điểm và điều kiện của từng vùng miền sẽ đáp ứng được yêu cầu đổi mới dạy học nói chung và thực hiện mục tiêu đổi mới GD là tạo lập phẩm chất, năng lực cho người học.

### ***1.5.2. Xu thế đổi mới giáo dục Tiểu học và những hoạt động đổi mới:***

#### ***1.5.1.1. Vận dụng tư tưởng chủ đạo của “Mô hình Trường học mới tại Việt Nam” (VNEN) vào tổ chức hoạt động giáo dục ở nhà trường Tiểu học***

Dự án Mô hình trường học mới Việt Nam (GPE-VNEN) đã được triển khai trên diện rộng từ năm học 2013 - 2014 tại 1650 trường Tiểu học trên cả nước, năm học 2015-2016 đã có thêm hơn 900 trường Tiểu học tự nguyện đăng ký tham gia. Đây là kiểu mô hình nhà trường tiên tiến, hiện đại, tăng cường tương tác giữa giáo viên và học sinh, tạo bầu không khí học tập nhẹ nhàng, thân thiện. Điểm nổi bật của mô hình này là đổi mới về các hoạt động sư phạm, một trong những hoạt động đó là đổi mới về cách thức tổ chức lớp học. Trong hội nghị triển khai dự án mô hình VNEN tại Việt Nam, nguyên Thứ trưởng Bộ GD&ĐT Nguyễn Vinh Hiển khẳng định: “VNEN là mô hình tổ chức lớp học phù hợp với phong trào “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”, hướng tới



các mục tiêu đổi mới sư phạm, đổi mới phương pháp dạy và học, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục. Những đặc điểm của VNEN thực hiện tốt mục tiêu đổi mới nhà trường nói chung và đổi với trường Tiểu học nói riêng vì:

1. Hoạt động giáo dục của nhà trường được thực hiện thông qua hoạt động tổ chức, hướng dẫn học sinh tự giáo dục;

2. Học sinh tự học hoặc học nhóm tài liệu hướng dẫn học theo khả năng, tốc độ học riêng; tự giác và hợp tác để chiếm lĩnh kiến thức dưới sự tổ chức, hướng dẫn của giáo viên. Giáo viên là người hỗ trợ khuyến khích mọi cố gắng nỗ lực, sáng kiến và những tiến bộ dù nhỏ nhất của học sinh;

3. Hoạt động tự quản của học sinh được chú trọng phát triển. Học sinh được tự chủ, có trách nhiệm với hoạt động học tập của mình; được phát huy năng lực giao tiếp và lãnh đạo; phát triển các giá trị cá nhân;

4. Kiến thức học trong nhà trường luôn được gắn kết, liên hệ chặt chẽ với đời sống hàng ngày của học sinh. Huy động sự tham gia phối hợp chặt chẽ, tích cực của phụ huynh và cộng đồng trong giáo dục;

5. Việc đánh giá học sinh được thực hiện thường xuyên cả về kiến thức, kỹ năng, năng lực và phẩm chất trong quá trình học tập và giáo dục. Coi trọng đánh giá học sinh (tự đánh giá – đánh giá bạn) và đánh giá của phụ huynh học sinh và cộng đồng. Trong đó, đánh giá của giáo viên là quan trọng nhất.

*1.5.2.2. Triển khai chương trình đảm bảo chất lượng trường học (SEQAP): Vấn đề liên quan đến chất lượng trường Tiểu học.*

Bộ GD&ĐT triển khai thực hiện dự án “*Chương trình đảm bảo chất lượng trường học*” gọi tắt là *SEQAP* giai đoạn 2010 - 2015 đối với các trường Tiểu học còn khó khăn trên cả nước. Mục tiêu của dự án là giúp các trường khó khăn có đủ điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục Tiểu học thông qua đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học 5 buổi/ tuần. Tiến tới dạy học cả ngày, bao gồm: cơ sở vật chất, chất lượng đội ngũ đảm bảo thực hiện nhiệm vụ dạy học và các hoạt động giáo dục trong nhà trường theo hướng học cả ngày.

Cụ thể mô hình này giúp cho các trường Tiểu học dạy học, ngoài thời khóa biểu chính khóa đủ các tiết dạy theo quy định trong chương trình còn phải tổ chức rèn luyện thêm một số tiết tối thiểu 6 tiết/tuần. Nhằm củng cố kiến thức cho học sinh để nâng cao chất lượng học tập. dự án này quan tâm hàng đầu là việc nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên nhất là phương pháp dạy học theo hướng đổi mới phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh theo hướng dạy học lấy học sinh làm trung tâm. Chú trọng bồi dưỡng nâng cao năng lực dạy học cho giáo viên thông qua sinh hoạt chuyên môn lấy học sinh làm trung tâm.

*1.5.2.3. Vận dụng phương pháp “Bàn tay nặn bột”- một sự thay đổi trong hoạt động dạy học ở trường Tiểu học trong bối cảnh đổi mới giáo dục.*

Phương pháp bàn tay nặn bột là phương pháp dạy học tích cực do Giáo sư Georger Charpak (người Pháp) sáng tạo ra và phát triển từ năm 1995 dựa trên cơ sở khoa học của sự tìm tòi – nghiên cứu. Điểm nổi trội của phương pháp bàn tay nặn bột là rèn cho HS ngay từ bậc Tiểu học đã có cách tư duy của nhà khoa học, cách làm việc của nhà khoa học. Con đường tìm ra kiến thức của HS cũng tương tự như quá trình tìm ra kiến thức mới của các nhà khoa học.

Theo tác giả Nguyễn Vinh Hiền, bắt đầu từ năm học 2013-2014 sẽ chính thức triển khai đại trà phương pháp Bàn tay nặn bột ở cấp Tiểu học “Để có thể triển khai rộng và vững chắc, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường Việt Nam, một trong những yêu cầu cấp thiết là tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao hiểu biết và năng lực vận dụng phương pháp này cho đội ngũ chuyên gia, giảng viên, giáo viên các địa phương”.

Để đạt được mục tiêu của phương pháp bàn tay nặn bột ngoài đòi hỏi HS phải luôn động não, sáng tạo, hoạt động, thảo luận tích cực để tìm ra kiến thức, thì việc xác định kiến thức khoa học phù hợp với HS theo độ tuổi là một vấn đề quan trọng đối với giáo viên. Giáo viên phải tự đặt ra các câu hỏi như: Có cần thiết giới thiệu kiến thức này không? Cần thiết giới thiệu kiến thức này vào thời điểm nào? Cần yêu cầu HS tìm hiểu kiến thức này ở mức độ nào?... Buộc người giáo viên phải năng động, sáng tạo, không theo một khuôn

mẫu nhất định để xác định các kiến thức khoa học xây dựng tình huống xuất phát cho HS, giáo viên có quyền biên soạn tiến trình dạy học cho riêng mình phù hợp với từng đối tượng HS và điều kiện nhà trường.

Nếu hiện thực hóa được nội dung 3 mục trình bày trên trong bối cảnh đổi mới GD hiện nay và cụ thể hóa thành các hoạt động cụ thể của người dạy và người học ở những bài học, môn học thì mục tiêu đổi mới hướng vào việc tạo lập năng lực, phẩm chất cho người học của nhà trường nói chung và trường Tiểu học nói riêng sẽ đạt kết quả mong muốn.

## **1.6. Quản lý hoạt động dạy học các trường Tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.**

### ***1.6.1 Nội dung quản lý hoạt động dạy học ở trường Tiểu học của phòng Giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới***

#### ***1.6.1.1. Hướng dẫn các trường Tiểu học thực hiện nhiệm vụ năm học, CT-SGK theo quy định của Bộ GD&ĐT và tinh thần của NQ29/NQ TW***

Phòng Giáo dục có trách nhiệm trực tiếp triển khai, hướng dẫn các trường Tiểu học thực hiện nhiệm vụ năm học, thực hiện CT - SGK theo quy định của Bộ GD&ĐT. Quán triệt mục tiêu chương trình và kế hoạch giáo dục ở Tiểu học đồng nghĩa với việc nắm vững các định hướng của chương trình tổng thể mà Bộ GD&ĐT ban hành và yêu cầu năng lực chung và phẩm chất chủ yếu của cấp học, bậc học, các yêu cầu cần đạt đối với học sinh ở từng lớp, thời gian, thời lượng dạy các môn học trong tuần, năm học, những nội dung giáo dục học sinh ngoài giờ lên lớp.

Nghị quyết Quốc hội khóa XIII đã chỉ đạo Bộ GD&ĐT xây dựng chương trình đổi mới. Chương trình TH vừa có tính chất hệ tư tưởng, chính trị do phải giáo dục những giá trị, vừa có tính chất kỹ thuật do phải chuyển tải những cách thức và phương pháp; là chương trình khung chuẩn mực, bao gồm mục tiêu và kế hoạch giáo dục TH; qui định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo

dục, cách thức kiểm tra, đánh giá đối với các môn học ở mỗi lớp, mỗi cấp học hoặc trình độ đào tạo.

Từ giáo viên trực tiếp dạy học TH đến các cấp quản lý dạy học đều phải nắm được mục tiêu chương trình và kế hoạch giáo dục. Mục tiêu giáo dục TH bao gồm những phẩm chất và những năng lực chủ yếu cần hình thành cho học sinh Tiểu học để góp phần vào quá trình đào tạo con người Việt Nam phục vụ cho giai đoạn CNH-HĐH và hội nhập quốc tế.

#### *1.6.1.2 Quản lý đổi mới dạy học ở các trường Tiểu học.*

Chủ trương đổi mới giáo dục đã chỉ rõ: “Phải đổi mới mạnh mẽ phương pháp GD&ĐT, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện thành nếp sáng tạo của người học. Từng bước áp dụng phương pháp tiên tiến và phương pháp hiện đại vào quá trình dạy học để đạt được mục tiêu năng lực, phẩm chất cho người học.”

Đổi mới dạy học cùng với các thành tố khác như mục tiêu, nội dung, phương tiện dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học, quản lý, tổ chức thực hiện tạo nên một chỉnh thể của đổi mới giáo dục, trong đó, đổi mới kiểm tra đánh giá là một khâu quan trọng nhằm tác động lên việc đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; giúp học sinh phát triển năng lực cá nhân, phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo; bồi dưỡng phương pháp tự học đồng thời đem lại niềm vui, hứng thú trong học tập cho HS. Đổi mới dạy học là yếu tố quan trọng, góp phần đặc lực cho quá trình triển khai thành công chương trình – sách giáo khoa trong quá trình đổi mới giáo dục phổ thông.

#### *1.6.1.3 Chỉ đạo các trường thực hiện đổi mới nội dung chương trình*

Phòng Giáo dục chỉ đạo đổi mới dạy học tiến hành đồng thời với tổ chức tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ GV các trường Tiểu học trên địa bàn về thay đổi cách dạy học hướng vào tổ chức hoạt động cho người học, vận dụng các đặc điểm tích cực của mô hình VNEN vào tổ chức các hoạt động như thảo luận, sinh hoạt chuyên đề, hội giảng. Chỉ đạo các trường cách dự giờ, đánh giá hiệu quả giờ lên lớp...

Quản lý hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho GV ở các trường Tiểu học, trên cơ sở thực tế đội ngũ, Phòng giáo dục phải thiết kế các hoạt động cụ thể, định ra nội dung thiết thực, sử dụng hình thức đào tạo phù hợp để góp phần xây dựng, phát triển chuyên môn đội ngũ giáo viên của Tiểu học, tạo ra đội ngũ đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng để hoàn thành nhiệm vụ phát triển giáo dục của địa phương.

Quản lý nội dung, chương trình dạy học: Chương trình, nội dung dạy học là văn bản pháp quy của Nhà nước xây dựng, là cơ sở pháp lý cho hoạt động dạy học. Quản lý nội dung dạy học là làm cho giáo viên nắm chắc nội dung chương trình dạy học, nắm chắc nội dung sách giáo khoa; thực hiện đầy đủ nội dung chương trình, thực hiện đúng tiến độ theo quy định; chất lượng thực hiện chương trình ngày càng cao.

Quản lý giáo viên là những tác động của Phòng GD&ĐT trong tổ chức sắp xếp đội ngũ CBQL, bồi dưỡng, phát triển, sắp xếp đội ngũ giáo viên của các trường đảm bảo chuẩn về trình độ, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, quản lý việc phân công giảng dạy đúng với chuyên môn đào tạo. Quản lý giáo viên còn là quản lý công tác bồi dưỡng giáo viên, nâng cao trình độ lý luận chính trị, lương tâm nghề nghiệp; nâng cao trình độ đào tạo và chuyên môn tay nghề, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học cho giáo viên; chỉ đạo các trường thực hiện có chất lượng chương trình bồi dưỡng thường xuyên do Bộ giáo dục quy định. Quản lý nề nếp sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn theo quy mô cấp trường và cấp huyện. Quản lý giáo viên còn là xây dựng, ban hành và kiểm tra giám sát giáo viên thực hiện quy chế chuyên môn như những quy định về chuẩn bị bài soạn, tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá học sinh...

#### *1.6.1.4 Chỉ đạo các trường thực hiện việc đổi mới phương pháp dạy học*

Quản lý phương pháp dạy học: là những tác động của Phòng GD&ĐT làm cho giáo viên nắm chắc về các phương pháp dạy học theo đặc trưng bộ môn, nắm được yêu cầu về đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo của học sinh trong học tập, bồi dưỡng phương

pháp tự học, tự nghiên cứu cho học sinh; làm cho các phương pháp dạy học tích cực và việc sử dụng trang thiết bị dạy học hiện đại được giáo viên sử dụng thường xuyên và có hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

Quản lý phương tiện dạy học là những tác động của Phòng GD&ĐT đến các nhà trường nhằm khai thác đầu tư, mua sắm đầy đủ trang thiết bị dạy học, xây dựng các phòng học bộ môn hiện đại đạt chuẩn quốc gia, xây dựng và quản lý nề nếp sử dụng trang thiết bị của giáo viên trong giảng dạy, xây dựng phong trào sử dụng và làm đồ dùng dạy học trong giáo viên.

Quản lý hình thức tổ chức dạy học là quản lý, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả hình thức dạy trên lớp, tăng cường các hình thức học tập theo nhóm, thực hành trên phòng thí nghiệm, thực hành ngoài trời, tham quan dã ngoại...

Quản lý học sinh là những biện pháp tác động nhằm khơi dậy động cơ, ý thức học tập đúng đắn cho học sinh, làm cho học sinh tự giác, chủ động, tích cực và sáng tạo trong học tập, học đi đôi với hành, tích cực áp dụng những kiến thức đã học được vào cuộc sống, bồi dưỡng phương pháp tự học cho học sinh. Chống các biểu hiện lệch lạc trong học tập như học tủ, học lệch, gian lận trong kiểm tra thi cử.

Quản lý kết quả dạy học là quản lý chỉ đạo đổi mới việc ra đề, tổ chức kiểm tra, đánh giá xếp loại học sinh đảm bảo đúng trình độ thực tế học sinh, qua kết quả đó, giáo viên và học sinh biết điều chỉnh hoạt động dạy - học của mình để đạt được kết quả cao hơn.

Quản lý môi trường giáo dục là những tác động của Phòng GD&ĐT nhằm xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, phối hợp tốt 3 môi trường giáo dục Nhà trường - Gia đình - Xã hội nhằm tạo điều kiện tốt nhất để nâng cao chất lượng dạy học nói riêng và giáo dục học sinh nói chung.

*1.6.1.5 Chỉ đạo sử dụng, quản lý hiệu quả cơ sở vật chất và thiết bị dạy học ở các trường Tiểu học*

Từ năm 2002, Bộ GD-ĐT đã ra các văn bản quy định chuẩn của CSVC, thiết bị dạy học theo CT-SGK mới. Ngày 24/10/2003, Bộ GD&ĐT đã ra

quyết định số 48/ 2003/QĐ-BGD&ĐT về việc ban hành quy định mức chất lượng tối thiểu của các trường, điểm trường và lớp học Tiểu học. Quyết định đã quy định chuẩn tối thiểu về CSVC thiết bị dạy học, bao gồm chuẩn tối thiểu về trường học, lớp học, về trang thiết bị dạy học, về tài liệu, bộ đồ dùng cho học sinh.

Căn cứ vào quy định mức chất lượng tối thiểu của các trường, điểm trường và lớp học ở Tiểu học, Phòng Giáo dục chỉ đạo các trường TH xây dựng kế hoạch, tổ chức việc trang bị và sử dụng CSVC, thiết bị dạy học theo CT-SGK Tiểu học mới. Chỉ đạo việc tăng cường trang bị và sử dụng hiệu quả CSVC thiết bị dạy học đồng thời tổ chức KT- ĐG hoạt động này.

*1.6.1.6 Quản lý đổi mới phương pháp thanh tra, kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ các hoạt động dạy học, đánh giá kết quả dạy học theo thông tư 30/TT-BGD&ĐT, đánh giá xếp loại GV của các trường Tiểu học*

Kiểm tra là quá trình xem xét thực tiễn, đánh giá thực trạng, khuyến khích cái tốt, phát hiện những lệch lạc và điều chỉnh nhằm đạt tới những mục tiêu đã đặt ra và góp phần đưa toàn bộ hệ thống quản lý tới một trình độ cao hơn. Như vậy, một hệ thống kiểm tra bao gồm con người, phương pháp, công cụ để thực hiện nhiệm vụ cơ bản như : giám sát sự hoạt động, đo lường kết quả, điều chỉnh sai lệch. Kiểm tra vừa là điều tra xem xét, đánh giá một quá trình hoạt động, vừa tự kiểm tra đánh giá các quyết định của người quản lý.

Chức năng kiểm tra không chỉ tiến tới xếp loại bình bầu mà còn nhằm xác định phương hướng mục tiêu điều chỉnh kế hoạch cho một quyết định mới.

Theo thông tư 30/2014, hoạt động đánh giá thường xuyên nhằm điều chỉnh quá trình dạy học đạt chất lượng và hiệu quả Việc đánh giá không chỉ được tiến hành sau khi học xong một nội dung mà còn được thực hiện trong suốt quá trình học tập. Đánh giá theo mục tiêu , tiến trình bài học, đánh giá theo chuẩn kiến thức, kĩ năng và năng lực của học sinh Tiểu học vừa giúp giáo viên hướng dẫn học sinh tự phát triển năng lực đánh giá để điều chỉnh cách học vừa tạo điều kiện để các em thực hiện quyền tham gia tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau. Mục tiêu tốt đẹp của thông tư 30/2014 là “đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh” trong thực

tế triển khai còn gặp nhiều khó khăn vì năng lực thực hiện của giáo viên còn bất cập. Phòng Giáo dục phải có trách nhiệm tổ chức bồi dưỡng năng lực “đánh giá vì sự tiến bộ của người học” cho đội ngũ giáo viên.

## **1.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý của phòng Giáo dục đối với hoạt động dạy học Tiểu học trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.**

### **1.7.1 Đặc điểm của yêu cầu đổi mới Giáo dục**

Nghị quyết số 29 Hội nghị lần thứ VIII Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã khẳng định: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng cho người học, khắc phục lối truyền thụ áp đặt, một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, cách khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực”.

Trước đòi hỏi thực tiễn nước ta trên con đường hội nhập và phát triển, yêu cầu đổi mới giáo dục, trong đó đổi mới dạy và học là hết sức cần thiết. Đổi mới giáo dục trước hết đòi hỏi nhà trường phải thay đổi tư duy, sau đó là thay đổi hành vi hoạt động giáo dục. Nhà trường không chỉ trang bị cho học sinh những kiến thức đã có của nhân loại mà còn bồi dưỡng, hình thành ở các em tính năng động, óc tư duy sáng tạo, khả năng làm việc theo nhóm và kỹ năng áp dụng, tức là đào tạo những người lao động không chỉ có kiến thức mà phải có năng lực hành động và kỹ năng thực hành. Đây thực sự là thách thức lớn đối với nhà trường, cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên. Phòng giáo dục chỉ đạo đổi mới theo tinh thần Nghị quyết số 29 Hội nghị lần thứ VIII Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, cần phải tìm kiếm các phương thức chỉ đạo phù hợp, đây là một yêu cầu cao đối với các CBQL Phòng giáo dục trong giai đoạn hiện nay.



### **1.7.2. Đưa tư tưởng VNEN vào đổi mới hoạt động dạy học ở từng nhà trường**

Mô hình trường học mới Việt Nam VNEN đã thực sự làm thay đổi nhà trường nhằm vươn tới mục tiêu cao cả là tạo ra những trường học có chất lượng, phù hợp với xu thế phát triển của khu vực và thế giới. Tuy nhiên để thực hiện được những điều nêu trên, các CBQL trường Tiểu học cần nhận thức sâu sắc và tổ chức thực hiện được các nội dung sau:

- + Lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm
- + Đưa ra một chương trình học phong phú và bổ ích
- + Thúc đẩy việc học tập của học sinh
- + Có bầu không khí nhà trường tích cực.
- + Nuôi dưỡng và cổ vũ những mối tương tác mang tính đồng nghiệp ; đề cao, ủng hộ cho việc giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.
- + Cuốn hút cha mẹ học sinh và cộng đồng tham gia

Để làm được như trên đòi hỏi CBQL nhà trường phải tìm hiểu kỹ các nội dung cần triển khai. Chỉ đạo quyết liệt GV thực hiện đổi mới dạy học phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mình, huy động được gia đình và cộng đồng cùng tham gia, hỗ trợ... Những điều nêu trên không dễ làm được trong một thời gian ngắn mà phải có lộ trình thực hiện phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của từng trường nhưng phải quyết liệt và không được “đánh trống bỏ dùi”!

### **1.7.3. Các yếu tố thuộc về người quản lý.**

+ *Năng lực quản lý và nghệ thuật quản lý của người Hiệu trưởng:* Người Hiệu trưởng cùng một lúc đội nhiều loại mũ khác nhau, vừa là nhà chuyên môn giỏi vừa là nhà quản lý giáo dục giỏi, vừa đóng vai trò là một "thủ trưởng", vừa đóng vai trò là một "thủ lĩnh". Vì thế hiệu quả quản lý HĐDH của Hiệu trưởng trong một nhà trường phụ thuộc rất lớn vào năng lực quản lý và nghệ thuật quản lý của người đứng đầu một tập thể sư phạm.

+ *Biện pháp quản lý của người Hiệu trưởng:* Hiệu trưởng giỏi là người biết chèo lái con thuyền nhà trường đi đúng hướng và đi bằng con đường ngắn nhất. Hiệu trưởng giỏi trong quản lý và nghệ thuật quản lý linh hoạt sẽ biết đề ra các biện pháp quản lý hiệu quả, giúp cho các tác động quản

lý phát huy được các nguồn lực giáo dục và đảm bảo các HĐDH đạt được mục tiêu. Biện pháp quản lý chính là yếu tố then chốt quyết định đến hướng đi và hiệu quả dạy học của nhà trường. Bởi một nhà trường dù có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, mạnh về chuyên môn, đủ cơ sở vật chất và các trang thiết bị dạy học hiện đại nhưng hiệu quả giáo dục vẫn có thể không cao nếu như biện pháp quản lý của người Hiệu trưởng không phù hợp, không đúng hướng, không thực tế và đặc biệt là không kích thích được động lực làm việc, cống hiến của người giáo viên trong công tác giáo dục học sinh.

#### ***1.7.4. Các yếu tố thuộc về người giáo viên Tiểu học, học sinh Tiểu học.***

##### ***1.7.4.1. Các yếu tố thuộc về người giáo viên Tiểu học.***

Để thực hiện mục tiêu giáo dục Tiểu học trong tiến trình đổi mới giáo dục nói chung, đổi mới nhà trường nói riêng thì cần có nhiều yếu tố nhưng đội ngũ giáo viên có vai trò quyết định. Dù chương trình có đổi mới, dù có nhiều văn bản chỉ đạo đổi mới nhưng lực lượng triển khai không có năng lực và phẩm chất thực hiện thì đổi mới chỉ là mong muốn mà thôi. Chất lượng đội ngũ giáo viên có ảnh hưởng sâu sắc đến chất lượng dạy và học của nhà trường. Đội ngũ giáo viên là lực lượng nòng cốt, quyết định tới chất lượng của một cơ sở giáo dục.

##### ***1.7.4.2. Các yếu tố thuộc về học sinh Tiểu học.***

Học sinh Tiểu học là những trẻ có độ tuổi từ 6 -11, 12 tuổi. Đây là lứa tuổi lần đầu tiên đến trường - trở thành học sinh và có hoạt động học tập là hoạt động chủ đạo. Cùng với cuộc sống nhà trường, hoạt động học tập đem đến cho trẻ nhiều điều mà trước đây trẻ chưa bao giờ được hoặc không thể tiếp cận được. Vì vậy, không tránh khỏi những “khó khăn” khi bản thân là chủ thể hoạt động này. Trẻ không những phải tự lập lấy vị trí của mình trong môi trường mới mà còn phải thích ứng với những bó buộc không thể tránh khỏi được và chấp nhận việc một người lớn ngoài gia đình (thầy, cô giáo). Trẻ chẳng những phải ý thức, thái độ và trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình đặc biệt là nhiệm vụ học tập. Có thể nói giáo dục học sinh Tiểu học vừa “khó”, vừa “dễ”, khó ở chỗ ở tuổi Tiểu học ý thức, thái độ và trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập của trẻ chưa được rèn luyện nhiều, dễ ở chỗ lứa tuổi Tiểu học thì học

sinh như “tờ giấy trắng”, lần đầu tiên đến trường - trở thành học sinh và có hoạt động học tập nên GV biết tạo hứng khởi, học sinh sẽ hào hứng tiếp thu và lưu lại trong ký ức rất nhanh và bền vững.

### ***1.7.5. Các yếu tố thuộc về vấn đề phối hợp quản lý***

#### ***1.7.5.1. Vai trò của lãnh đạo trường Tiểu học trong quản lý hoạt động dạy học***

Hiệu quả quản lý hoạt động dạy học suy cho cùng phụ thuộc vào tư tưởng chỉ đạo của các cấp quản lý từ cấp trên xuống cấp dưới, bởi lẽ tư duy quản lý, tầm nhìn của các cấp lãnh đạo gây ảnh hưởng, tác động chi phối trực tiếp tới hoạt động quản lý. Mọi đổi mới nếu không được đội ngũ quản lý nhà trường thấm nhuần và biết cách chỉ đạo vào thực tiễn dạy học thì khó mà phát huy tác dụng.

#### ***1.7.5.2. Sự phối hợp quản lý giữa Phòng giáo dục và lãnh đạo của trường Tiểu học trong quản lý hoạt động dạy học của trường Tiểu học***

Cần có sự thống nhất đồng bộ trong công tác quản lý chỉ đạo dạy học từ Phòng GD&ĐT đến các nhà trường.

Phòng GD&ĐT chỉ đạo các trường Tiểu học thực hiện quy chế dạy học và quy chế quản lý hoạt động dạy học là những chủ trương, chính sách của Đảng, của Nhà nước, các Chỉ thị, hướng dẫn giảng dạy của Bộ GD&ĐT, của Sở GD&ĐT, của Phòng GD&ĐT.

Quy chế dạy học và quy chế quản lý hoạt động dạy học giúp các trường duy trì được kỷ cương dạy học, có tác động rất lớn đến suy nghĩ và thể hiện trong hành động của giáo viên, học sinh,... giúp giáo viên và học sinh thực hiện đúng những yêu cầu của cấp trên đề ra. Quy chế dạy học và quy chế quản lý hoạt động dạy học là cơ sở pháp lý để xác định mục đích, nội dung, chương trình, kế hoạch, sắp xếp tổ chức, xây dựng cơ chế quản lý và điều hành nhân sự dạy học.

Triển khai công tác bồi dưỡng giáo viên với các hình thức : học tập nâng chuẩn trình độ, tổ chức các chuyên đề bồi dưỡng tại c hĩ theo cụm trường và toàn huyện nhằm học tập, giao lưu về chuyên môn giữa các trường . Sự phối hợp giữa CBQL Phòng giáo dục và CBQL nhà trường trong việc nâng cao năng lực cho đội ngũ GV thực hiện mục tiêu đổi mới là một nhiệm vụ trọng

tâm, không thể thiếu nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu quản lý hoạt động dạy và học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

## **TIỂU KẾT CHƯƠNG 1**

Trong chương một chúng tôi đã đề cập đến những vấn đề lý luận cốt lõi liên quan đến hoạt động quản lý dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay và rút ra được những kết luận sau:

1. Hoạt động dạy và học là hoạt động trung tâm, là con đường chính để thực hiện mục đích giáo dục ở một nhà trường, chiếm nhiều thời gian và chi phối các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường.

2. Quản lý hoạt động dạy học là nhiệm vụ trọng tâm trong quản lý giáo dục ở nhà trường. Nội dung của quản lý hoạt động dạy học trong nhà trường bao gồm nhiều hoạt động, liên quan đến nhiều đối tượng, đến nhiều mặt, đến nhiều lĩnh vực, nhiều phương diện, rất đa dạng và phong phú. Hoạt động quản lý trong nhà trường nhằm tạo điều kiện tốt nhất để hoạt động dạy học đạt chất lượng và hiệu quả cao. Quản lý hoạt động dạy học chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như yêu cầu đối với giáo dục Tiểu học trong bối cảnh đổi mới, nhận thức của các lực lượng giáo dục, năng lực của chủ thể quản lý, nội dung chương trình giảng dạy, các điều kiện tổ chức hoạt động dạy học... trong đó, có thể kể đến các yếu tố quan trọng, chi phối hoạt động quản lý giáo dục đó là tư tưởng chỉ đạo của các cấp lãnh đạo, ý thức tự quản của chủ thể, khách thể quản lý tham gia hoạt động dạy học, chất lượng đội ngũ và cơ sở vật chất, các điều kiện phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học. Chính vì vậy cần có biện pháp quản lý phù hợp thì kết quả quản lý hoạt động dạy học sẽ được nâng cao về chất lượng và hiệu quả.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC TIỂU HỌC CỦA PHÒNG GIÁO DỤC HUYỆN TIÊN LÃNG – TP HẢI PHÒNG

#### 2.1 Khái quát chung về sự phát triển KT-XH và tình hình phát triển giáo dục của huyện Tiên Lãng -TP Hải Phòng

##### 2.1.1 Khái quát về sự phát triển KT-XH huyện Tiên Lãng - TP Hải Phòng

Tiên Lãng là một huyện ngoại thành cách xa trung tâm thành phố, với diện tích 193,5 km<sup>2</sup> nằm ở phía tây nam thành phố Hải Phòng hướng ra biển, cách trung tâm thành phố khoảng 20 km. Toàn huyện gồm 22 xã và 01 Thị trấn với tổng dân số là 156.275 người, mật độ dân số trung bình 793 người/km<sup>2</sup>. Với tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa phát triển nhanh, cùng với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế, huyện Tiên Lãng chủ trương thực hiện cơ cấu kinh tế theo mô hình “Công nghiệp, xây dựng - Thương mại, dịch vụ - Nông lâm thủy sản” Nhiều công trình kết cấu hạ tầng quan trọng trên địa bàn huyện đã được Trung ương, Thành phố và huyện đầu tư, tạo thế và lực mới cho huyện phát triển kinh tế - xã hội.

Với những điều kiện trên, Tiên Lãng là huyện giữ vị trí đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế cũng như an ninh, quốc phòng của thành phố Hải Phòng.

##### 2.1.2. Tình hình phát triển giáo dục huyện Tiên Lãng – TP Hải Phòng

Cùng với sự phát triển kinh tế, GD&ĐT của huyện Tiên Lãng trong những năm gần đây đã phát triển đồng bộ, vững chắc và đạt được những thành tựu đáng kể, đóng góp xứng đáng vào phong trào giáo dục của Thành phố Hải Phòng cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Quy mô GD&ĐT của huyện Tiên Lãng luôn ổn định và phát triển, các loại hình trường lớp ngày càng được mở rộng, chất lượng ngày một nâng cao. Toàn huyện hiện có 4 trường THPT, 01 trung tâm dạy nghề và GDTX, 23 trường THCS, 26 trường tiểu học và 25 trường mầm non công lập, công lập tự chủ và dân lập. Chất lượng và hiệu quả giáo dục ngày càng tăng ở tất cả

các ngành học, bậc học. Đội ngũ GV luôn được chú trọng: đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa nhiệm vụ của giáo dục trong giai đoạn mới. Chất lượng giáo dục toàn diện chuyển biến mạnh mẽ. Chất lượng học sinh giỏi các cấp, tỷ lệ học sinh đỗ vào các trường đại học, cao đẳng ngày càng cao. Huyện Tiên Lãng là 1 trong 6 đơn vị đầu tiên của Thành phố hoàn thành chương trình phổ cập Mầm non cho trẻ 5 tuổi từ năm 2013. Giữ vững tiêu chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học và giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi. Đạt và vượt các tiêu chuẩn phổ cập THCS, trung học và Nghệ, các tiêu chuẩn huy động và hiệu quả đạt tỷ lệ cao.

## **2.2. Nội dung, phương pháp và địa bàn nghiên cứu**

### **2.2.1. Nội dung nghiên cứu**

Đề tài tập trung nghiên cứu, điều tra khảo sát các vấn đề sau đây:

- Điều tra khảo sát về thực trạng hoạt động dạy học ở các trường Tiểu học huyện Tiên Lãng - thành phố Hải Phòng.

- Điều tra tìm hiểu những yếu tố tác động và mức độ ảnh hưởng đến việc thực hiện các yêu cầu, quy định, quy chế chuyên môn trong hoạt động dạy học của giáo viên ở các trường Tiểu học.

- Điều tra khảo sát về các biện pháp Phòng Giáo dục đã thực hiện để quản lý hoạt động dạy học ở các trường Tiểu học, những khó khăn thường gặp trong quá trình quản lý.

- Điều tra tìm hiểu những nguyên nhân ảnh hưởng đến công tác quản lý hoạt động dạy học ở các trường Tiểu học.

### **2.2.2 Phương pháp nghiên cứu thực trạng**

- Chủ yếu sử dụng các phương pháp điều tra và phỏng vấn (trong đó dùng phiếu điều tra là cơ bản). Đề tài đã sử dụng các mẫu phiếu sau (*phụ lục 1,2*)

Để điều tra, đề tài xây dựng mẫu phiếu điều tra gồm:

- Thực trạng về giáo dục Tiểu học huyện Tiên Lãng - TP Hải Phòng.

- Thực trạng hoạt động dạy học ở các trường TH huyện Tiên Lãng -TP Hải Phòng.

- Thực trạng quản lý hoạt động dạy học ở các trường Tiểu học của phòng GD&ĐT huyện Tiên Lãng.

### **2.2.3 Địa bàn nghiên cứu**

Tác giả đã trưng cầu ý kiến của 140 giáo viên, 26 đồng chí CBQL của 26 trường TH trong toàn huyện, phỏng vấn ý kiến của 02 chuyên viên phụ trách Tiểu học của PGD huyện Tiên Lãng có liên quan đến công tác quản lý hoạt động dạy học ở các trường TH. Tổng cộng là 168 người.

Địa bàn nghiên cứu : 26 trường TH trên địa bàn huyện Tiên Lãng -TP Hải Phòng.

## **2.3. Kết quả khảo sát thực trạng về giáo dục Tiểu học huyện Tiên Lãng - TP Hải Phòng**

### **2.3.1. Thực trạng về số lượng, chất lượng HS**

#### **2.3.1.1 Số lượng học sinh**

Trong những năm qua quy mô trường lớp cấp Tiểu học phát triển rất nhanh, hiện toàn cấp học có 26 trường TH, đáp ứng được nhu cầu học tập của con em nhân dân, duy trì sĩ số tốt, không có HS bỏ học.

**Bảng 2.1. Quy mô phát triển cấp TH huyện Tiên Lãng**

Đơn vị	Σ HS	Σ LỚP	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
			Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
2012 - 2013	9136	332	70	2033	65	1784	64	1718	69	1895	62	1698
2013- 2014	9603	343	78	2230	70	1978	65	1793	62	1721	68	1872
2014-2015	10004	346	79	2334	72	2195	69	1964	65	1788	61	1718
2015-2016	10769	368	84	2563	76	2273	74	2201	70	1969	65	1764
2016-2017	11469	382	83	2545	83	2491	75	2279	73	2209	68	1945

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm học của các trường Tiểu học huyện Tiên Lãng)

Sĩ số học sinh Tiểu học toàn huyện tăng đều hàng năm, số HS bình quân/trường Tiểu học của huyện năm học 2015- 2016 là 414 HS. Năm học 2016 – 2017 là 441, so với mặt bằng chung, trung bình số học sinh/ trường trong tổng trường nhỏ của thành phố. Do học sinh tăng nhanh, số phòng học không kịp đáp ứng do vậy tỷ lệ HS học 2 buổi/ngày và bán trú bị giảm hàng năm, tuy nhiên tỷ

lệ này từ năm học 2012 - 2013 đến năm học 2016 - 2017 vẫn duy trì được ở mức cao.

**Bảng 2.2. Số HS học 2 buổi/ngày 5 năm học qua**

Năm học	Số HS Học 2 buổi/ ngày	Tỷ lệ	So sánh
2012 - 2013	9136/9136 HS	100%	
2013 - 2014	9603/9603 HS	100%	
2014 - 2015	10004/10004 HS	100%	
2015 - 2016	10312/10769 HS	95,8%	Giảm 4,2%
2016 - 2017	10522/11469 HS	91,7%	Giảm 8,3%

(Nguồn: Báo cáo tổng kết của Phòng Giáo dục & Đào tạo Tiên Lãng)

### 2.3.1.2 Chất lượng học sinh

PGD đã chỉ đạo các trường thực hiện nghiêm túc chương trình giảng dạy các môn học theo quy định của Bộ GD&ĐT, năm học 2016 - 2017 có 75,3% HS tiểu học được học Tin học và 100% HS được học Ngoại ngữ (Tiếng Anh)

**Bảng 2.3. Chất lượng 2 mặt giáo dục**

Năm học	TSHS	Hành kiểm				Học lực							
		Đ		CĐ		G		Kh		TB		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2011-2012	9025	9025	100	0		4449	49,3	3700	41,0	830	9,2	46	0,5
2012-2013	9136	9136	100	0		4970	54,4	3471	38,0	667	7,3	27	0,3
2013-2014	9603	9603	100	0		5281	55,0	3332	34,7	960	10,0	29	0,3

(Nguồn: Báo cáo tổng kết của Phòng Giáo dục & Đào tạo Tiên Lãng)

Năm học 2014 - 2015, đánh giá kết quả học sinh Tiểu học theo Thông tư 30/2014/ TT- BGD ĐT ngày 28/8/2014. Chất lượng học sinh Tiểu học toàn huyện đạt kết quả như sau:

10004/10004 HS = 100% học sinh hoàn thành chương trình lớp học

Trong đó: 1718/1718 HS lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học.



Năm học 2015 - 2016, đánh giá kết quả học sinh Tiểu học theo Thông tư 30/2014/ TT- BGDĐT ngày 28/8/2014. Chất lượng học sinh Tiểu học toàn huyện đạt kết quả như sau:

10769/10769 HS = 100% học sinh hoàn thành chương trình lớp học

Trong đó: 1764/1764 HS lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học.

Công tác bồi dưỡng HS giỏi, tổ chức giao lưu HS giỏi các môn học được chú trọng, được các trường tích cực hưởng ứng và trở thành hoạt động chuyên môn hàng năm của huyện.

**Bảng 2.4. Kết quả giao lưu học sinh trong 3 năm học liên tiếp**

Năm học	Giải Quốc gia					Giải thành phố					Giải huyện			
	Nhất	Nhi	Ba	KK	Σ	Nhất	Nhi	Ba	KK	Σ	Nhất	Nhi	Ba	Σ
2013 - 2014	1	1	3		5	50	43	59	30	182	198	320	406	924
2014 - 2015	0	3	3		6	Không tổ chức					Không tổ chức			
2015 - 2016	1	1	2	1	5	Không tổ chức					Không tổ chức			

(Nguồn: Báo cáo tổng kết của Phòng Giáo dục & Đào tạo Tiên Lãng)

Hàng năm, HS tham gia giao lưu cấp thành phố đạt kết quả tốt, luôn có HS được tham gia giao lưu toàn quốc các môn học như: Toán Tuổi thơ; Tiếng Anh, giao lưu An toàn giao thông...

### **2.3.2. Chất lượng đội ngũ giáo viên Tiểu học**

#### **2.3.2.1 Thống kê đội ngũ giáo viên Tiểu học**

Đội ngũ giáo viên Tiểu học của huyện Tiên Lãng trong những năm qua tương đối ổn định. Tính đến cuối năm học 2015 - 2016 số GV trực tiếp đứng lớp là 534 đạt 1,45 GV/lớp. Cơ cấu GV tương đối đồng đều. Cả 26 trường trong huyện đều có giáo viên dạy các môn năng khiếu tự chọn. Tuy nhiên, GV dạy môn thể dục biên chế, hợp đồng mới có ở 2 trường TH Khởi Nghĩa, TH Tiên Thanh, các trường còn lại môn thể dục vẫn do GV dạy văn hoá đảm nhiệm. Việc không có biên chế GV tiểu học môn thể dục cũng gây ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục thể chất cho HS cũng như ảnh hưởng đến thành tích về thể dục thể thao ở các nhà trường. Bên cạnh đó, số GV dạy các môn tự

chọn như Tiếng Anh, Tin học hầu hết là lực lượng hợp đồng do nhà trường tự cân đối chi trả lương nên cũng chưa thực sự yên tâm công tác.

Trong 534 GV dạy TH của huyện Tiên Lãng, tỷ lệ nữ chiếm 90,8%, độ tuổi dưới 30 tuổi chiếm 3,9%; dưới 40 tuổi chiếm 34,8%; dưới 50 tuổi chiếm 53,2%, số còn lại trên 50 tuổi chiếm tỷ lệ 8,1%. Như vậy, số GV lâu năm trong nghề (với thâm niên trên 10 năm công tác trở lên, tuổi đời trên 30 tuổi) chiếm tỷ lệ trên 80%. Ở độ tuổi này, GV có kinh nghiệm giảng dạy, có tay nghề vững vàng, vốn kinh nghiệm thực tiễn khá phong phú, là đội ngũ đã có nhiều đóng góp cho phong trào giáo dục của huyện trong những năm qua.

GV độ tuổi trên 50 tuổi chỉ có 8,1%. Đây là một tỷ lệ nhỏ so với tổng số GV đứng lớp của toàn huyện. Mặc dù vậy trong số GV lớn tuổi có những GV nhiều kinh nghiệm giảng dạy, đóng góp không ít công sức và có thành tích cao trong công tác bồi dưỡng HS, giúp đỡ GV trẻ, mới ra trường. Vì vậy, cần có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cốt cán làm lực lượng kế cận thay thế số GV này.

**Bảng 2.5. Thống kê đội ngũ GV trực tiếp đứng lớp ở 26 trường TH huyện Tiên Lãng - TP Hải Phòng năm học 2015 - 2016**

Đơn vị	Tổng		Độ tuổi			Trình độ chuyên môn			
	Nam	Nữ	< 30	< 40	< 50	TH	CD	ĐH	CH
TH Đại Thắng	4	17	0	5	16	0	5	16	0
TH Tiên Cường	1	19	0	7	13	0	13	7	0
TH Tự Cường	5	16	0	10	11	0	6	15	0
TH Tiên Tiến	3	12	0	2	13	0	3	12	0
TH Quyết Tiến	3	13	0	5	11	0	2	14	0
TH Tiên Thanh	0	18	0	6	7	0	7	11	0
TH Khởi Nghĩa	0	17	1	5	10	0	5	12	0
TH Thị trấn	3	34	0	16	18	1	5	31	0
TH Minh Đức	2	18	0	11	8	0	2	18	0
TH Cấp Tiến	2	16	0	5	11	0	5	13	0
TH Liên Phong	1	17	6	11	1	0	3	15	0
TH Liên Hào	2	14	0	4	8	0	2	14	0
TH Đoàn Lập	0	28	0	10	18	0	9	19	0
TH Bạch Đằng	1	16	0	3	7	0	7	10	0

TH Quang Phục	1	21	0	7	14	1	8	14	0
TH Quang Trung	2	12	0	2	12	0	10	4	0
TH Toàn Thắng	2	14	0	7	9	0	0	16	0
TH Tiên Minh	1	26	2	11	13	0	8	19	0
TH Tiên Thắng	5	18	0	11	10	0	4	19	0
TH Bắc Hưng	2	23	1	5	14	1	6	18	0
TH Nam Hưng	1	15	10	4	2	0	5	11	0
TH Đông Hưng	3	17	0	9	10	0	3	17	0
TH Tây Hưng	2	15	0	5	10	0	4	13	0
TH Tiên Hưng	1	16	0	3	12	0	5	11	0
TH Hùng Thắng	2	27	1	12	14	0	13	16	0
TH Vinh Quang	0	26	0	10	12	1	3	22	0
<b>Tổng</b>	<b>49</b>	<b>485</b>	<b>21</b>	<b>186</b>	<b>284</b>	<b>4</b>	<b>143</b>	<b>387</b>	<b>0</b>
<b>%</b>	<b>9,2%</b>	<b>90,8%</b>	<b>3,9</b>	<b>34,8</b>	<b>53,2</b>	<b>0,7</b>	<b>26,8</b>	<b>72,5</b>	<b>0</b>

### 2.3.2.2. Chất lượng đội ngũ GV-TH

Trong 534 GV trực tiếp giảng dạy, số GV có trình độ cao học 0%, đại học là 72,5%; trình độ cao đẳng là 26,8%; trình độ THSP là 0,7 %. Như vậy, số GV đạt trình độ chuẩn 100%. Số GV có trình độ trên chuẩn là 99,3%. Đây là một tỷ lệ cao về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục & đào tạo. Tuy nhiên việc phấn đấu nâng cao mức độ đạt “chuẩn nghề nghiệp” vẫn là nhiệm vụ được phòng GD quan tâm thực hiện.

Nhìn chung, chất lượng GV của huyện Tiên Lãng có nhiều chuyên viên theo hướng tích cực, số GV được đánh giá qua các đợt thanh tra đạt Xuất sắc, Khá chiếm tỷ lệ cao. Tuy vậy, vẫn còn số ít GV được đánh giá ở mức độ Trung bình, đây là những GV còn hạn chế về khả năng sư phạm, hạn chế trong áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy, còn gặp khó khăn trong sử dụng các hình thức tổ chức hoạt động dạy học, gây ảnh hưởng đến chất lượng học tập của học sinh.

**Bảng 2.6. Chất lượng đội ngũ GV-TH năm học 2015 – 2016**

Đơn vị	Số GV được thanh tra	Xuất sắc		Khá		Trung bình	
		SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %
TH Đại Thắng	21	9	42.9	12	57.1	0	0.0
TH Tiên Cường	20	6	30.0	12	60.0	2	10.0
TH Tự Cường	21	13	61.9	7	33.3	1	4.8
TH Tiên Tiến	15	5	33.3	10	66.7	0	0.0
TH Quyết Tiến	16	9	56.3	7	43.8	0	0.0
TH Tiên Thanh	18	4	22.2	12	66.7	2	11.1
TH Khởi Nghĩa	17	5	29.4	10	58.8	2	11.8
TH Thị trấn	37	18	48.6	16	43.2	3	8.1
TH Minh Đức	20	9	45.0	10	50.0	1	5.0
TH Cấp Tiến	18	7	38.9	9	50.0	2	11.1
TH Liên Phong	18	10	55.6	7	38.9	1	5.6
TH Liên Hào	16	6	37.5	10	62.5	0	0.0
TH Đoàn Lập	28	13	46.4	14	50.0	1	3.6
TH Bạch Đằng	17	4	23.5	12	70.6	1	5.9
TH Quang Phục	22	9	40.9	12	54.5	1	4.5
TH Quang Trung	14	6	42.9	6	42.9	2	14.3
TH Toàn Thắng	16	7	43.8	9	56.3	0	0.0
TH Tiên Minh	27	9	33.3	18	66.7	0	0.0
TH Tiên Thắng	23	7	30.4	12	52.2	4	17.4
TH Bắc Hưng	25	12	48.0	11	44.0	2	8.0
TH Nam Hưng	16	10	62.5	6	37.5	0	0.0
TH Đông Hưng	20	7	35.0	13	65.0	0	0.0
TH Tây Hưng	17	11	64.7	6	35.3	0	0.0
TH Tiên Hưng	17	3	17.6	14	82.4	0	0.0
TH Hùng Thắng	29	13	44.8	15	51.7	1	3.4
TH Vinh Quang	26	9	34.6	15	57.7	2	7.7
<b>Tổng</b>	<b>534</b>	<b>221</b>	<b>41.4</b>	<b>285</b>	<b>53.4</b>	<b>28</b>	<b>5.2</b>

### **2.3.3. Thực trạng về đội ngũ CBQL trường Tiểu học**

Xác định được vai trò của đội ngũ CBQL trong công tác QLGD nói chung, công tác quản lý, chỉ đạo, đảm bảo chất lượng ở các trường TH nói riêng, trong những năm qua, huyện Tiên Lãng đã có kế hoạch xây dựng đội ngũ CBQL trường TH đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu. Thực hiện công tác luân chuyển cán bộ, tổ chức, sắp xếp hợp lý, cân đối đội ngũ CBQL giữa các trường, đảm bảo phát huy được năng lực công tác của cán bộ.

Huyện có kế hoạch bồi dưỡng cán bộ kế cận cho các đơn vị trường học, tuyển chọn những GV trẻ, có năng lực chuyên môn, năng lực quản lý, có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm cao với công việc được giao, đi học các lớp bồi dưỡng về quản lý, chính trị, nâng cao nghiệp vụ. Năm học 2015 - 2016 cấp học có 8 CBQL tốt nghiệp Trung cấp lý luận chính trị; hiện có 5 CBQL đang học lớp cao học QLGD.

Số liệu thống kê của CBQL các trường TH huyện Tiên Lãng được thể hiện qua bảng dưới đây :

**Bảng 2.7. Thống kê đội ngũ CBQL các trường TH huyện Tiên Lãng**

Đơn vị	Σ CBQL	Nam	Nữ	Trình độ CM			Trình độ QL		
				TH	CD	ĐH	BD	ĐH	CH
TH Đại Thắng	2	1	1	0	0	2	2	1	0
TH Tiên Cường	2	0	2	0	0	2	2	0	0
TH Tự Cường	2	0	2	0	0	2	2	1	0
TH Tiên Tiến	2	1	1	0	0	2	2	0	0
TH Quyết Tiến	2	0	2	0	0	2	2	0	0
TH Tiên Thanh	2	0	2	0	0	2	2	0	0
TH Khởi Nghĩa	2	2	0	0	0	2	2	0	0
TH Thị trấn	2	0	2	0	0	2	2	1	0
TH Minh Đức	2	0	2	0	0	2	2	1	0
TH Cấp Tiến	2	0	2	0	0	2	2	0	0
TH Liên Phong	2	1	1	0	0	2	2	0	0
TH Liên Hào	2	0	2	0	0	2	2	0	0
TH Đoàn Lập	2	0	2	0	0	2	2	1	0
TH Bạch Đằng	2	1	1	0	0	2	2	0	0

TH Quang Phục	2	2	0	0	0	2	2	0	0
TH Quang Trung	2	0	2	0	0	2	2	0	0
TH Toàn Thắng	2	1	1	0	0	2	2	1	0
TH Tiên Minh	2	0	2	0	0	2	2	0	0
TH Tiên Thắng	2	1	1	0	0	2	2	0	0
TH Bắc Hưng	2	0	2	0	0	2	2	1	0
TH Nam Hưng	2	0	2	0	0	2	2	0	0
TH Đông Hưng	2	2	0	0	0	2	2	1	0
TH Tây Hưng	2	1	1	0	0	2	2	0	0
TH Tiên Hưng	2	0	2	0	0	2	2	0	0
TH Hùng Thắng	2	0	2	0	0	2	2	1	0
TH Vinh Quang	2	0	2	0	0	2	2	0	0
Tổng	52	13	39	0	0	52	52	9	0
Tỷ lệ %		<b>25%</b>	<b>75%</b>			<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>17%</b>	

Qua khảo sát cho thấy, trong tổng số 52 CBQL có 75% là nữ, trình độ chuyên môn đại học chiếm 100%, trình độ cao học QLGD 0%, trình độ đại học quản lý là 17%, đã qua các lớp bồi dưỡng là 100%. Đây là đội ngũ CBQL có đủ trình độ đáp ứng yêu cầu của GDTH trong tình hình mới.

#### **2.3.4. Thực trạng đội ngũ CBQL chuyên môn PGD huyện Tiên Lãng**

Phòng Giáo dục huyện Tiên Lãng hiện có tổng biên chế là 11 người. Trong đó: Lãnh đạo phòng: 3 người (1 trưởng phòng, 2 phó trưởng phòng); Công đoàn chuyên trách: 1 người; chuyên viên phụ trách chuyên môn khối THCS 4 người; khối TH 1 người; khối MN 2 người; các công tác hành chính tổng hợp, tài vụ – CSVC, Văn thư đều kiêm nhiệm.

Cán bộ quản lý của PGD Tiên Lãng chịu trách nhiệm quản lý chuyên môn các cấp học theo sự phân công. Về cơ bản, sự phân công, sắp xếp nhân sự của PGD huyện Tiên Lãng như hiện nay là hợp lý, đảm bảo phát huy được khả năng của cán bộ, chuyên viên. Có thể khảo sát tình hình đội ngũ CBQL chuyên môn cấp TH của PGD huyện Tiên Lãng qua bảng thống kê sau :

**Bảng 2.8. Thống kê tình hình đội ngũ CBQL chuyên môn cấp TH của PGD huyện Tiên Lãng**

Σ	Nữ	Đảng viên	Trình độ chính trị		Trình độ chuyên môn		Trình độ quản lý			
			Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Sơ cấp	Trung cấp	Đại học	Cao học
2	0	2	0	2	0	2	2	0	0	0
Tỷ lệ %	0	100	0	100	0	100	100	0	0	0

Từ bảng thống kê trên cho thấy, các CBQL chuyên môn TH của PGD Tiên Lãng hiện nay hoàn toàn có đủ điều kiện, năng lực, trình độ để đảm đương nhiệm vụ được giao tuy nhiên không bền vững vì do sự sắp xếp, kiện toàn tổ chức trong toàn bộ hệ thống từ PGD đến các trường TH trong huyện để thay thế vị trí của một số CBQL nghỉ hưu, thuyên chuyển công tác, nên trong 5 năm qua đội ngũ chuyên viên phụ trách TH luôn thay đổi. Số các chuyên viên được thay thế tuy có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, song hầu hết đều là các GV còn trẻ tuổi, chưa qua quản lý, chưa tích lũy được kinh nghiệm nên vai trò quản lý chuyên môn chưa thực sự phát huy được, mới chỉ dừng lại ở mức độ quản lý hành chính về nghiệp vụ thông thường.

### **2.3.5 Thực trạng về CSVC, thiết bị phục vụ công tác dạy học ở các trường Tiểu học huyện Tiên Lãng - TP Hải Phòng**

Trong những năm qua, huyện Tiên Lãng luôn quan tâm, đầu tư xây dựng trường lớp, bổ sung cơ sở vật chất cho các trường Tiểu học.

Từ năm học 2012 - 2013 đến nay, huyện đã xây mới khu nhà 2 tầng và 3 tầng, 1 nhà tập đa năng cho trường TH Thị trấn hoàn thành các điều kiện về cơ sở vật chất đối với trường chuẩn Quốc gia mức độ 2, xây thêm dãy phòng học 2 tầng cho TH Cấp Tiến, TH Liên Phong, TH Bạch Đằng, TH Tiên Hưng, TH Đông Hưng, TH Tự Cường, TH Khởi Nghĩa, TH Vinh Quang, sửa chữa

lớn và nhỏ ở tất cả các trường Tiểu học trong huyện. Duy trì và giữ vững các tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia tại 23/26 trường Tiểu học.

Cùng với đầu tư từ ngân sách Nhà nước, bằng nguồn kinh phí từ công tác XHH, các trường đã không ngừng tu bổ trường lớp, đầu tư mua sắm các thiết bị phục vụ công tác dạy và học, tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Một số trường có đủ số phòng chức năng theo quy định của trường chuẩn quốc gia, đáp ứng việc dạy học các môn học tự chọn. Chất lượng các phòng học, các phòng chức năng như các phòng bộ môn, phòng vi tính, phòng nghe nhìn, phòng đa năng từng bước được hiện đại hoá.

Có thể khảo sát tình hình CSVC các trường TH của huyện qua bảng thống kê sau:

**Bảng 2.9. Thống kê CSVC, thiết bị phục vụ công tác dạy và học ở các trường Tiểu học huyện Tiên Lãng năm học 2015 – 2016**

Trường	$\Sigma$ Lớp	$\Sigma$ Phòng học	Số phòng học		Phòng chức năng					TBDH			
			Đạt chuẩn	Không đạt	1	2	3	4	5	1	2	3	4
TH Đại Thắng	16	14	14	1	0	1	0	1	1	25	1	2	6
TH Tiên Cường	15	15	15	0	1	1	1	1	1	20	1	2	8
TH Tự Cường	16	18	18	0	1	1	1	1	1	20	1	2	6
TH Tiên Tiến	9	12	12	0	0	1	1	1	1	20	1	1	5
TH Quyết Tiến	10	12	14	0	1	1	1	1	1	30	1	2	7
TH Tiên Thanh	14	14	15	2	0	1	1	1	1	25	1	2	8
TH Khởi Nghĩa	12	12	12	0	0	0	1	1	1	5	1	2	5
TH Thị trấn	30	26	26	0	1	1	1	1	1	35	3	5	16
TH Minh Đức	15	15	15	0	0	1	1	1	1	25	2	3	10
TH Cấp Tiến	13	14	15	0	1	1	1	1	1	20	1	2	8
TH Liên Phong	14	16	16	0	0	1	1	1	1	20	1	2	7
TH Liên Hào	12	12	12	0	0	0	1	1	1	4	1	2	4
TH Đoàn Lập	19	20	20	0	0	1	1	1	1	30	2	4	12
TH Bạch Đằng	11	12	12	0	0	1	1	1	1	22	1	2	6



TH Quang Phục	16	17	18	0	0	1	1	1	1	30	2	3	9
TH Quang Trung	10	12	12	0	0	0	0	1	1	4	1	2	5
TH Toàn Thắng	11	12	14	0	0	1	1	1	1	25	1	2	8
TH Tiên Minh	19	19	19	0	0	1	0	1	1	30	2	2	10
TH Tiên Thắng	16	16	16	0	0	1	1	1	1	25	1	2	8
TH Bắc Hưng	15	16	16	0	0	1	1	1	1	20	1	2	7
TH Nam Hưng	11	12	12	2	0	0	0	1	1	4	1	2	6
TH Đông Hưng	14	16	16	2	0	1	1	1	1	25	2	3	12
TH Tây Hưng	11	12	12	3	0	1	0	1	1	24	1	2	8
TH Tiên Hưng	10	12	14	1	0	1	0	1	1	20	1	2	5
TH Hùng Thắng	23	23	23	3	0	1	1	1	1	35	3	4	15
TH Vinh Quang	20	22	22	2	0	1	1	1	1	25	1	2	10
<b>Tổng</b>	<b>382</b>	<b>401</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>5</b>	<b>22</b>	<b>20</b>	<b>26</b>	<b>26</b>	<b>568</b>	<b>35</b>	<b>61</b>	<b>211</b>

(Nguồn báo cáo tổng kết năm học 2015 – 2016 phòng GD&ĐT Tiên Lãng)

*Ghi chú :*

- Các phòng chức năng: 1- Phòng đa năng; 2- Phòng vi tính; 3- Phòng Tiếng Anh; 4- Thư viện; 5- Phòng TBDH.

- TBDH hiện đại: 1- Máy vi tính, 2- Máy soi đa vật thể, 3- Máy chiếu; 4- Ti vi.

Qua khảo sát cho thấy 100% các trường TH ở huyện Tiên Lãng có thư viện nhà trường, tủ sách dùng chung phục vụ tốt công tác nghiên cứu, tham khảo tài liệu phục vụ công tác giảng dạy, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. 26/26 trường đều có các phòng như phòng thiết bị đồ dùng dạy học, có hệ thống máy tính, máy in phục vụ cho công tác quản lý và cho hoạt động dạy học, có máy chiếu phục vụ cho việc ứng dụng CNTT vào giảng dạy, trường TH Thị trấn có 3 máy chiếu, 2 phòng tin học, 26/26 trường có máy soi vật thể.

Tuy nhiên, do số học sinh hàng năm tăng nhanh nên số phòng học của các trường chưa đáp ứng đủ yêu cầu. Sự đầu tư CSVC giữa các trường chưa đồng đều, trường TH Đại Thắng thậm chí chưa có đủ phòng học, còn một số phòng chưa đạt chuẩn tối thiểu, trường TH Minh Đức 14 lớp với 524 học sinh, số học sinh bình quân/ lớp là 37,4 vượt quá quy định về số học sinh/ lớp (theo điều lệ

trường Tiểu học), nguyên nhân do phải nhận học sinh của xã Tiên Thanh, xã Quyết Tiến có vị trí địa lí gần với trường TH Minh Đức.

### **2.3.6 Đánh giá chung về giáo dục TH huyện Tiên Lãng - TP Hải Phòng**

#### **2.3.6.1 Mặt mạnh**

- Ngành GD&ĐT huyện Tiên Lãng luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo Đảng, chính quyền các cấp. Công tác giáo dục của địa phương luôn nhận được sự quan tâm sâu sắc, sự ủng hộ của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, sự phối hợp của các lực lượng xã hội tại địa phương.

- Phòng GD&ĐT tích cực tham mưu với huyện uỷ, UBND huyện về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo đúng hướng, đúng mục đích, sát nội dung, yêu cầu, đạt hiệu quả cao.

- Đội ngũ cán bộ, GV đảm bảo đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn, nhiệt tình trong công tác, có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao. Luôn có tinh thần học hỏi, bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao trình độ, nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Quy mô, mạng lưới trường TH của huyện phát triển, đáp ứng nhu cầu học tập của trẻ em trong độ tuổi đến trường và nguyện vọng của cha mẹ học sinh. Các trường TH Thị trấn, TH Minh Đức, TH Đoàn Lập luôn là những địa chỉ tin cậy của nhân dân trong huyện.

- Phong trào thi đua hai tốt, xây dựng trường học thân thiện - HS tích cực, xây dựng trường chuẩn quốc gia được các trường tích cực hưởng ứng, bộ mặt, cảnh quan sư phạm của các trường ngày càng thay đổi, điều kiện về CSVC, các trang thiết bị dạy học được đầu tư cũng đã phần nào góp phần đáp ứng việc nâng cao chất lượng dạy và học.

#### **2.3.6.2 Hạn chế**

- Tiên Lãng là một huyện ngoại thành, nơi đang trên đà phát triển mạnh của thành phố Hải Phòng. Điều kiện KT-XH đang phát triển và có ảnh hưởng tích cực song cũng không ít những ảnh hưởng tiêu cực tới công tác giáo dục.

- Mạng lưới trường lớp khá ổn định, tuy nhiên chất lượng giáo dục toàn diện chưa đồng đều giữa các trường. Có trường còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất phục vụ cho công tác dạy và học, thậm chí có trường không đủ phòng học.

- Đội ngũ cán bộ, GV đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn, nhiệt tình trong công tác song tay nghề đội ngũ chưa đồng đều, việc đổi mới phương pháp dạy học ở một số giáo viên còn hạn chế.

- Việc chỉ đạo cải tạo, xây dựng trường lớp mặc dù đã được huyện ủy, UBND huyện hết sức quan tâm, song không đáp ứng kịp nhu cầu đến trường của học sinh, mỗi năm học tăng 600 đến 700 học sinh tương đương với 18- 20 lớp. Nhiều trường chưa có đủ các điều kiện về CSVC, hệ thống các phòng học, phòng chức năng để tăng tỷ lệ dạy học 2 buổi/ ngày do phải ưu tiên số 1 cho phòng học.

#### **2.4. Thực trạng hoạt động dạy học ở các trường Tiểu học huyện Tiên Lãng - thành phố Hải Phòng**

##### **2.4.1. Kết quả khảo sát về nhận thức vai trò của hoạt động dạy học trong việc thực hiện mục tiêu của trường Tiểu học.**

**Bảng 2.10. Nhận thức về vai trò hoạt động dạy học trong trường Tiểu học.**

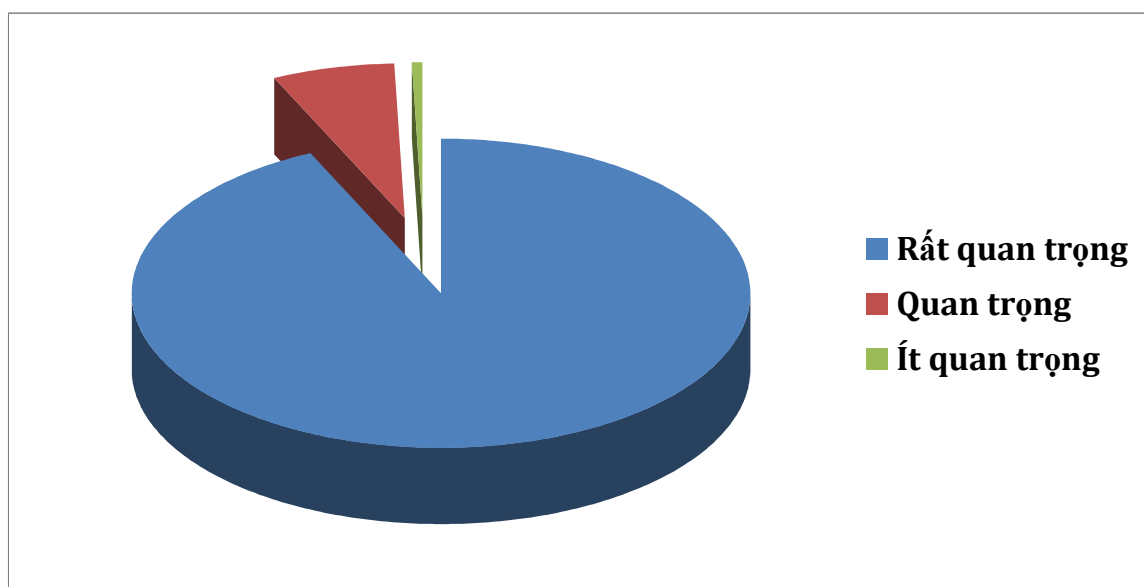
STT	Vai trò	Cán bộ quản lý và giáo viên	
		Số lượng	Tỉ lệ %
1	Rất quan trọng	155	92,3
2	Quan trọng	10	5,9
3	Ít quan trọng	3	1,8

##### **Nhận xét:**

Qua phân tích bảng cho thấy đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên Tiểu học trực tiếp giảng dạy có nhận thức cao về vai trò của hoạt động dạy học trong quá trình giáo dục Tiểu học. Vai trò của hoạt động dạy học trong quá trình dạy học đánh giá là rất quan trọng chiếm 92,3%, chỉ có 1,8 % cho rằng

vai trò của hoạt động dạy học trong quá trình dạy học là rất quan trọng. Như vậy, thông qua bảng số liệu ý kiến đánh giá của giáo viên và cán bộ quản lý là tương đồng. Như vậy, qua khảo sát thực tiễn có thể nói: Hoạt động dạy học có vai trò quyết định đối với chất lượng giáo dục, đáp ứng những yêu cầu đổi mới giáo dục. Nếu thực hiện quản lý hoạt động dạy học tốt thì chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới càng cao.

Biểu diễn nhận thức của Hiệu trưởng và giáo viên về vai trò của hoạt động dạy học trong trường Tiểu học qua biểu đồ sau:



***Biểu đồ 2.1. Nhận thức về vai trò hoạt động dạy học trong trường tiểu học***

#### ***2.4.2. Kết quả khảo sát thực trạng hoạt động dạy học của giáo viên Tiểu học***

##### ***2.4.2.1. Kế hoạch bài dạy, chuẩn bị dạy học.***

Tìm hiểu thực trạng công tác chuẩn bị bài dạy của giáo viên thông qua kế hoạch bài dạy, chuẩn bị đồ dùng cũng như trang thiết bị, phương tiện hỗ trợ giảng dạy. Sau khi khảo sát xin ý kiến của 140 giáo viên trực tiếp giảng dạy kết quả thu được như sau:

**Bảng 2.11. Thực trạng công tác chuẩn bị giảng dạy của giáo viên.**

Stt	Nội dung	Mức độ thực hiện						X	Thứ bậc
		Tốt		Bình thường		Chưa tốt			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Thực hiện đúng phân phối chương trình, giảm tải, chuẩn kiến thức kỹ năng của Bộ GD&ĐT ban hành.	50	36,0	82	58,5	8	5,5	2,3	3
2	Nghiên cứu nội dung bài dạy, tài liệu tham khảo có liên quan đến nội dung bài dạy.	37	26,5	87	62,0	16	11,5	2,2	4
3	Kế hoạch bài dạy thể hiện đủ yêu cầu kiến thức, kỹ năng, thái độ.	71	51,0	56	39,9	13	9,1	2,4	2
4	Có phân hóa đối tượng học sinh	38	27,1	77	55,3	25	17,6	2,1	5
5	Luôn chuẩn bị và lựa chọn đồ dùng, trang thiết bị dạy học phù hợp với nội dung bài dạy.	18	12,5	51	36,5	71	51,0	1,7	6
6	Thường xuyên cập nhật những văn bản hướng dẫn quy chế chuyên môn.	80	57,0	52	37,3	8	5,7	2,5	1
<b>Trung bình</b>								<b>2,2</b>	

**Nhận xét:**

Qua phân tích số liệu, khâu chuẩn bị lên lớp của giáo viên đạt mức *khá* với điểm trung bình  $X = 2,2$ . Điểm trung bình dao động trong khoảng  $1,7 \leq X \leq 2,5$

Chúng tôi trong nhà trường có khoảng 1/3 giáo viên làm tốt khâu chuẩn bị giảng dạy. Mức độ chưa tốt đạt trung bình (35,3 %), còn lại là có chuẩn bị nhưng đạt ở mức độ bình thường. Điểm trung bình đạt 2,2. Vậy, nhìn chung giáo viên có ý thức chuẩn bị phục vụ tốt cho giảng dạy (Bình thường + chưa tốt đạt 64,7 %) tất yếu ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy.

Khảo sát sự chuẩn bị giảng dạy của giáo viên có sáu nội dung cần thực hiện. Thực hiện tốt nhất “*Thường xuyên cập nhật những văn bản hướng dẫn*

quy chế chuyên môn.” (X = 2,5), số lượng giáo viên thực hiện tốt chiếm 57,0 %, chưa tốt 5,7%. Thực hiện yếu nhất là “*Luôn chuẩn bị và lựa chọn đồ dùng, trang thiết bị dạy học phù hợp với nội dung giảng dạy.*” với X= 1,7 .

Tiếp theo là “*Phân hóa đối tượng học sinh*” X= 2,1 (Tốt = 27,1 %, chưa tốt = 17,6 %). Nhiều giáo viên còn lúng túng khi phân hóa đối tượng học sinh để định lượng kiến thức cho phù hợp, phát huy trí lực học sinh. Nguyên nhân của thực trạng trên là do năng lực còn hạn chế của giáo viên, bản thân giáo viên cũng chưa định lượng các bậc nhận thức tương ứng với đơn vị kiến thức dẫn đến tình trạng quá khó hoặc quá dễ nên không kích thích được tính tích cực học tập của học sinh.

Các nội dung khác dao động tương đối đồng đều với điểm trung bình

$2,2 < X < 2,4$  cho biết giáo viên thực hiện tương đối đồng đều nhưng số lượng thực hiện “*bình thường*” vẫn chiếm ưu thế.

Vậy qua khảo sát hai vấn đề giáo viên còn thực hiện chưa tốt: “*Luôn chuẩn bị và lựa chọn đồ dùng, trang thiết bị dạy học phù hợp với nội dung giảng dạy.*” và “*Phân hóa đối tượng học sinh*”. Với những hạn chế đó cần có những biện pháp khắc phục để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

2.4.2.2. *Thực hiện nội dung giảng dạy, các khâu trên lớp của giáo viên.*

**Bảng 2.12. Thực hiện nội dung giảng dạy các khâu trên lớp của giáo viên**

Stt	Nội dung chỉ đạo, tổ chức	Mức độ thực hiện						X	Thứ bậc
		Tốt		Bình thường		Chưa tốt			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Giáo viên thực hiện đúng quy chế nề nếp dạy học.	116	69,3	43	25,6	9	5,1	<b>2,64</b>	<b>1</b>
2	Nội dung giảng dạy kiến thức chính xác , khoa học , có phân hóa đối tượng học sinh.	56	33,1	68	40,4	44	26,5	<b>2,06</b>	<b>4</b>
3	Giáo viên áp dụng các phương	28	16,9	87	51,8	53	31,3	<b>1,85</b>	<b>5</b>

	pháp dạy học mới phù hợp với đối tượng học sinh								
4	Giáo viên sử dụng đồ dùng dạy học, trang thiết bị hỗ trợ hoạt động dạy học.	76	45,3	56	33,6	36	21,1	<b>2,24</b>	<b>2</b>
5	Hoạt động dự giờ thăm lớp đột xuất, định kì.	60	35,1	73	43,3	35	21,6	<b>2,13</b>	<b>3</b>
<b>Trung bình</b>								<b>2,18</b>	

Qua khảo sát cho thấy, mức độ chỉ đạo và tổ chức hoạt động giảng dạy của giáo viên đạt điểm trung bình  $X = 2,18$  đạt mức độ thực hiện khá. Mức độ quản lý đạt tốt là cao nhất (39,8 %). Mức độ chưa tốt là thấp nhất (20,6%).

Tổ chức và chỉ đạo hoạt động giảng dạy của giáo viên thể hiện ở từng nội dung cụ thể. Trong đó, quản lý “*giáo viên thực hiện đúng quy chế nề nếp dạy học.*” thực hiện tốt nhất đạt điểm trung bình  $X = 2,64$ . Việc theo dõi ngày giờ công, quy định thời gian ra vào lớp của giáo viên hiện nay đưa vào tiêu chí thi đua về nề nếp giảng dạy của giáo viên. Việc giáo viên đảm bảo ngày giờ công, nề nếp ra vào lớp là rất quan trọng với bậc Tiểu học: vừa dạy kiến thức vừa rèn nề nếp cho học sinh. 100 % giáo viên được hỏi đều trả lời, Ban giám hiệu thực hiện nghiêm túc và công bằng tiêu chí thi đua này.

Thực hiện tương đối tốt là nội dung quản lý “*Giáo viên sử dụng đồ dùng dạy học, trang thiết bị hỗ trợ hoạt động dạy học*” ( $X = 2,24$ ) và “*Hoạt động dự giờ thăm lớp đột xuất, định kì*” ( $X = 2,13$ ). Các Hiệu trưởng luôn tạo điều kiện để cho giáo viên hoàn thành tốt nhất công tác giảng dạy đặc biệt là hỗ trợ đồ dùng dạy học. Bên cạnh đó, đối với nhà quản lý việc dự giờ thăm lớp đã trở thành công việc định kì. Thông qua hoạt động này, nhà quản lý có thể phát hiện, điều chỉnh những tồn tại của giáo viên khi giảng dạy.

Thực hiện yếu nhất trong các nội dung trên của Hiệu trưởng là quản lý “*giáo viên áp dụng các phương pháp dạy học mới phù hợp với đối tượng học sinh*”  $X = 1,85$  nguyên nhân là do nhà quản lý chưa có những giải pháp đồng

bộ, chưa thực sự quan tâm đến việc nâng cao nghiệp vụ cho giáo viên, chưa có biện pháp phù hợp và tích cực trong việc quản lý giáo viên ứng dụng các phương pháp dạy học mới vào giảng dạy.

#### 2.4.2.3. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Thông qua kiểm tra, đánh giá, giúp cho giáo viên nắm được trình độ thực của học sinh để đặt kế hoạch điều chỉnh quá trình dạy học và từ đó mở ra quá trình dạy học tiếp theo. Bên cạnh đó, giúp học sinh biết được kết quả học tập; từ đó điều chỉnh và tự hoàn thiện các hoạt động của mình; đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm trong học tập và bồi dưỡng hứng thú nhận thức. Qua khảo sát tác giả thu được bảng số liệu sau:

**Bảng 2.13. Thực trạng kiểm tra đánh giá học sinh của giáo viên**

Stt	Nội dung	Mức độ thực hiện						X	Thứ bậc
		Tốt		Bình thường		Chưa tốt			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Nghiên cứu và áp dụng đúng các văn bản, quy định về kiểm tra, đánh giá học sinh của Bộ GD&ĐT ban hành.	94	56,2	59	35,3	15	8,5	<b>2,47</b>	<b>1</b>
2	Nhận xét, đánh giá đúng quy định	49	29,1	84	50,1	35	20,8	<b>2,08</b>	<b>4</b>
3	Thường xuyên nhận xét, giúp đỡ học sinh.	80	47,6	70	41,6	18	10,8	<b>2,36</b>	<b>2</b>
4	Cập nhật các thông tin của học sinh vào sổ theo dõi chất lượng và hồ sơ sổ sách đúng tiến độ.	33	19,7	95	56,9	40	23,4	<b>1,96</b>	<b>5</b>
5	Luôn khách quan, công bằng khi kiểm tra, đánh giá.	59	35,3	76	45,4	33	19,3	<b>2,16</b>	<b>3</b>
<b>Trung bình</b>								<b>2,20</b>	



Kết quả kiểm tra và đánh giá đạt điểm trung bình  $X = 2,20$  đạt mức độ thực hiện khá. Ba mức độ thực hiện đạt trung bình: Tốt = 37,5 %, bình thường = 45,8 % và chưa tốt = 16,7 %.

Cụ thể các nội dung thực hiện không đồng đều. Thứ bậc cao nhất có điểm trung bình  $X = 2,47$  là “Nghiên cứu và áp dụng đúng các văn bản, thông tư 30/2014 quy định về kiểm tra, đánh giá học sinh của Bộ GD &ĐT ban hành”. Vì những văn bản đều được thông qua hội đồng sự phạm để hướng dẫn giáo viên thực hiện. Sau đó, đưa vào quy chế chuyên môn để Ban giám hiệu kiểm tra - đánh giá giáo viên.

Thứ bậc thấp nhất là “Cập nhật các thông tin của học sinh vào sổ theo dõi chất lượng và hồ sơ sổ sách đúng tiến độ” đạt điểm trung bình  $X = 1,96$ . Thực tế, vẫn có tình trạng “cây nhận xét” vào sổ theo dõi chất lượng giáo dục. Các nội dung khác thực hiện tương đối đồng đều với điểm trung bình dao động  $2,08 \leq X \leq 2,36$ .

#### **2.4.3. Thực trạng hoạt động đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên Tiểu học.**

##### **2.4.3.1. Đổi mới kế hoạch bài dạy.**

**Bảng 2.14. Đổi mới kế hoạch bài dạy của giáo viên.**

Stt	Nội dung	Mức độ thực hiện						X	Thứ bậc
		Tốt		Bình thường		Chưa tốt			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Nghiên cứu kiến thức bài học và kiến thức liên quan đến nội dung bài học.	63	37,4	85	50,7	20	11,9	<b>2,25</b>	<b>2</b>
2	Kế hoạch bài dạy đúng theo phân phối chương trình đúng quy chế chuyên môn, xác định đúng kiến thức trọng tâm, thể hiện đủ mục tiêu bài học môn học	68	40,7	89	53,0	11	6,3	<b>2,34</b>	<b>1</b>

3	Sử dụng các phương pháp dạy học mới phù hợp với đối tượng học sinh	37	22,1	74	44,3	57	33,6	<b>1,88</b>	<b>4</b>
4	Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng dạy học, trang thiết bị hỗ trợ.	44	26,1	66	39,3	58	34,6	<b>1,90</b>	<b>3</b>
<b>Trung bình</b>								<b>2,09</b>	

Thực tiễn, quản lý kế hoạch giảng dạy của giáo viên đạt điểm trung bình  $\bar{x} = 2,09$  đạt mức độ *thực hiện khá*. Với kết quả trung bình không đồng đều ở ba mức độ khác nhau. Đạt trung bình cao nhất là mức độ thực hiện bình thường (46,4%) như vậy, Hiệu trưởng quản lý kế hoạch bài dạy, chuẩn bị bài của giáo viên ở mức đạt quy chế chuyên môn, chứ chưa sát sao cùng giáo viên thể hiện mức độ quản lý tốt (31,5%). Mức độ chưa tốt (22,1 %).

Tùng nội dung cụ thể, mức độ quản lý tốt nhất “*Kế hoạch bài dạy đúng theo phân phối chương trình, đúng quy chế chuyên môn, xác định đúng kiến thức trọng tâm, thể hiện đủ mục tiêu bài học, môn học.*” Đạt điểm trung bình  $\bar{x} = 2,34$ . Hầu hết, các Hiệu trưởng đều yêu cầu các giáo viên thực hiện triệt để các văn bản, quy định về soạn giảng. Đặc biệt lồng ghép kỹ năng sống, bảo vệ môi trường, giảm tải, chuẩn kiến thức kỹ năng... và đưa những tiêu chuẩn này vào tiêu chí đánh giá, xếp loại tiết dạy.

Thực hiện yếu nhất là “*Sử dụng các phương pháp dạy học mới phù hợp với đối tượng học sinh.*” Với điểm trung bình  $X = 1,88$ . Nguyên nhân của tình trạng này là bản thân giáo viên còn rất lúng túng khi áp dụng các phương pháp dạy học mới nhưng “e dè” khi hỏi ý kiến Ban giám hiệu - trừ những tiết chuyên đề các cấp, dự thi giáo viên dạy giỏi. Bên cạnh đó, người Hiệu trưởng quản lý chuyên môn vừa quản lý nhà trường không tránh khỏi thực tiễn trên.

Còn các nội dung khác thực hiện cũng không đồng đều điểm trung bình dao động  $1,90 \leq X \leq 2,25$ .

2.4.3.2. *Đổi mới cách thức thực hiện nội dung các khâu trên lớp của giáo viên*

**Bảng 2.15. *Đổi mới cách thức thực hiện nội dung, các khâu trên lớp của giáo viên.***

STT	Các khâu của quá trình dạy học	Mức độ thực hiện						X	Thứ bậc
		Tốt		Bình thường		Chưa tốt			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Giáo viên nêu tình huống có vấn đề một cách tự nhiên tạo hứng thú cho học sinh tích cực học tập	29	17,1	88	52,2	51	30,7	<b>1,86</b>	<b>5</b>
2	Tổ chức, điều khiển học sinh lĩnh hội tri thức mới	66	39,4	63	37,6	39	23,0	<b>2,16</b>	<b>1</b>
3	Tổ chức, điều khiển học sinh luyện tập, thực hành để củng cố tri thức.	38	22,8	90	53,3	40	23,9	<b>1,98</b>	<b>4</b>
4	Tổ chức, điều khiển học sinh rèn kĩ năng	38	22,6	98	58,1	32	19,3	<b>2,02</b>	<b>3</b>
5	Quan sát giúp đỡ động viên học sinh kịp thời nhận xét đánh giá kết quả học tập của học sinh	49	29,1	88	52,4	31	18,5	<b>2,10</b>	<b>2</b>
6	Phân tích, đánh giá kết quả từng giai đoạn học tập của học sinh để điều chỉnh các khâu của quá trình dạy học phù hợp với học sinh.	20	11,9	96	57,0	52	31,1	<b>1,77</b>	<b>6</b>
<b>Trung bình</b>								<b>1,98</b>	

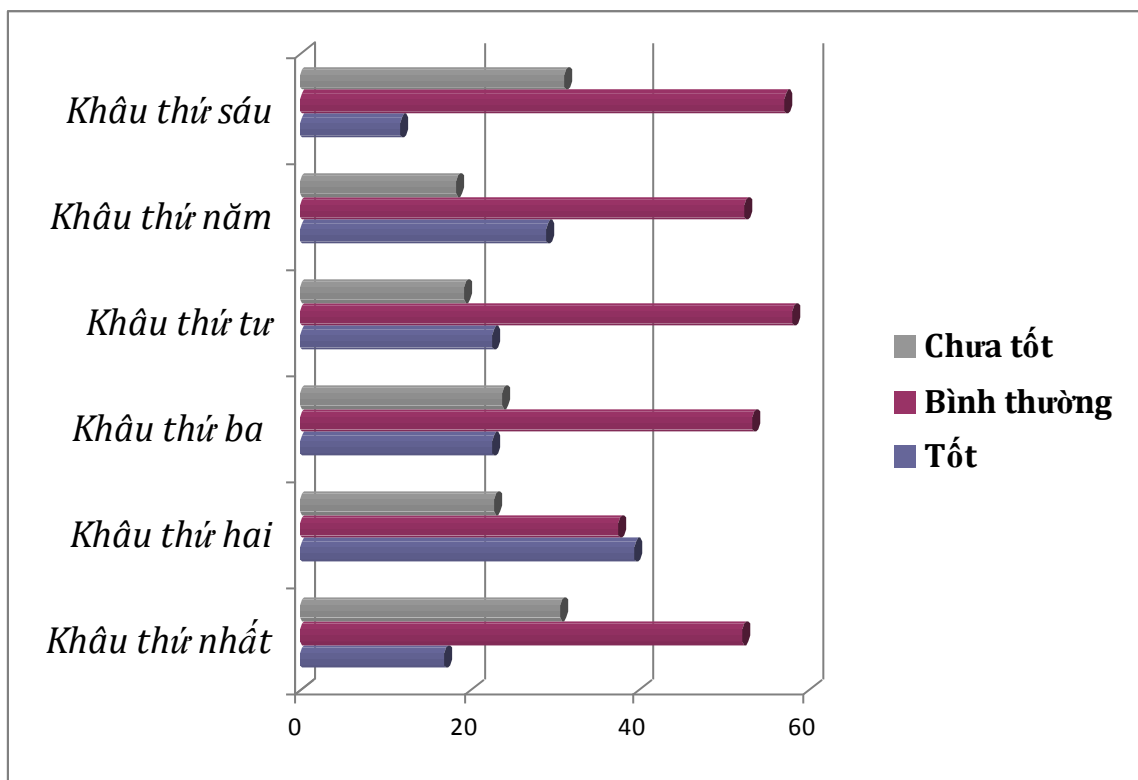
Mức độ thực hiện các khâu của quá trình dạy học ở các trường Tiểu học đã đạt ở điểm bình quân thực hiện các khâu theo đánh giá chung của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên là  $X = 1,98$ . Như vậy, việc thực hiện các khâu dạy học đạt *mức trung bình*.

Trung bình mức độ thực hiện các khâu “Bình thường = 51,7%” là cao nhất, thực hiện tốt và chưa tốt gần bằng (Tốt = 23,8 %, chưa tốt = 24,5%).

Kết quả thực hiện các khâu được đánh giá là không đồng đều với mức điểm trung bình dao động  $1,77 \leq X \leq 2,16$ . Thứ bậc cao nhất là “*Tổ chức, điều*

*khiến học sinh rèn kỹ năng.” với  $X=2,16$  vì những năm học gần đây, có những văn bản pháp quy, quy định cụ thể ở từng bài học tương ứng với những kỹ năng học sinh cần đạt. Những văn bản đó trở thành quy chế chuyên môn của nhà trường. Thứ bậc thấp nhất là “*Phân tích, so sánh kết quả từng giai đoạn dạy học để điều chỉnh các khâu của quá trình dạy học phù hợp với học sinh*” với điểm bình quân 1,77. Nguyên nhân khâu này thực hiện yếu nhất là do “tâm lý ngại thay đổi” của giáo viên. Người dạy hay sử dụng lại kế hoạch bài dạy,...Nếu thay đổi, điều chỉnh thì lại điều chỉnh từ khâu chuẩn bị giảng dạy.*

So sánh giữa mức độ nhận thức vai trò hoạt động dạy học và mức độ thực hiện các khâu của quá trình dạy học có khoảng cách khá lớn. Mức độ nhận thức đạt ở mức rất quan trọng (93,0%) nhưng mức độ thực hiện đạt tốt (23,9). Thực hiện các khâu của quá trình dạy học chính là thực hiện giảng dạy trên lớp, đây là nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường. Bất kì hoạt động nào của nhà trường đều hướng về hoạt động giảng dạy. Thể hiện số liệu các khâu của quá trình dạy học qua biểu đồ sau:



**Biểu đồ 2.2. Mức độ thực hiện các khâu của quá trình dạy học**

2.4.3.3. Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS theo tinh thần của thông tư 30/2014

**Bảng 2.16. Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS theo tinh thần của Thông tư 30/2014**

Stt	Nội dung	Mức độ thực hiện						X	Thứ bậc
		Tốt		Bình thường		Chưa tốt			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích tính tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy tất cả khả năng; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan.	68	40,8	59	35,3	41	23,9	<b>2,16</b>	<b>2</b>
2	Đánh giá toàn diện học sinh thông qua đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng và một số biểu hiện năng lực, phẩm chất của học sinh theo mục tiêu giáo dục Tiểu học.	55	32,8	81	48,4	32	18,8	<b>2,13</b>	<b>3</b>
3	Kết hợp đánh giá của giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh	42	24,9	52	31,3	74	43,8	<b>1,80</b>	<b>5</b>
4	Đánh giá sự tiến bộ của học sinh, không so sánh học sinh này với học sinh khác, không tạo áp lực cho học sinh và cha mẹ học sinh.	57	34,1	83	49,4	28	16,5	<b>2,17</b>	<b>1</b>
5	Tổ chức kiểm tra hoạt động đánh giá của giáo viên.	47	27,7	80	52,4	33	19,9	<b>2,07</b>	<b>4</b>
<b>Trung bình</b>								<b>2,06</b>	

Qua điều tra khảo sát, có thể khẳng định thực trạng quản lý kiểm tra - đánh giá học sinh của giáo viên đã có nề nếp và quy củ ( $X = 2,06$ ). Với điểm trung bình ( $X = 2,06$ ) đạt mức độ thực hiện khá. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh đạt các mức độ không đồng đều: Tốt = 32,7 %, bình thường = 42,2 %, chưa tốt = 25,1 %.

Thứ bậc cao nhất là “*Đánh giá sự tiến bộ của học sinh, không so sánh học sinh này với học sinh khác, không tạo áp lực cho học sinh và cha mẹ học sinh..*” đạt điểm trung bình  $X = 2,17$ .

Thứ bậc thấp nhất là quản lý việc “*Kết hợp đánh giá của giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh*” vì đánh giá còn nghiêng về kênh của giáo viên là chủ yếu chứ chưa quan tâm nhiều đến ý kiến của học sinh và phụ huynh học sinh. Cụ thể, giáo viên trả lời chưa tốt đạt số lượng cao nhất (43,8 %).

Nguyên nhân: Phải thay đổi cách nghĩ, thói quen, cách làm là rất khó, với GV mỗi độ tuổi khác nhau việc nắm bắt cái mới, thực hiện cái mới không đồng đều. Một số bộ phận GV việc đánh giá theo dõi học sinh chưa thường xuyên còn mang tính chống đối, làm cho xong. Lời nhận xét hình thức thiếu tính động viên khích lệ, cho đây là việc làm dài dòng không cần thiết. Một bộ phận PHHS chưa thật sự đồng tình, ủng hộ đánh giá HS theo thông tư 30, chưa tích cực phối hợp với nhà trường, thầy cô trong việc đánh giá con em mình. Vẫn còn tình trạng học sinh trông chờ vào điểm số. Họ cho đó là kết quả thật, cụ thể như vậy mới nắm bắt hằng ngày chất lượng học tập của con em mình.

Với các GV dạy môn năng khiếu, tự chọn dạy nhiều lớp trong một nhà trường việc ghi nhận xét cho HS chiếm quá nhiều thời gian.

Các nội dung còn lại cũng đạt thứ bậc khác nhau cho thấy mức độ thực hiện quản lý các nội dung trên chưa đồng đều với điểm trung bình  $2,07 \leq X \leq 2,16$

#### ***2.4.4. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động dạy và học.***

Trong những năm qua, Phòng GD&ĐT đã tham mưu với huyện ủy, UBND huyện quan tâm đầu tư chỉ đạo thực hiện kế hoạch kiên cố hoá trường học, xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường “Xanh - Sạch - Đẹp” và thực hiện chương trình dạy học theo mô hình trường học mới Việt Nam (VNEN). Do đó, CSVC phục vụ cho lớp học, các trang thiết bị được đầu tư tăng cường.

**Bảng 2.17. Tổng hợp về CSVC ở các trường Tiểu học trong huyện**

<b>TT</b>	<b>Trường Tiểu học</b>	<b>Số lớp</b>	<b>Phòng học</b>	<b>Phòng T.viện</b>	<b>Phòng bộ môn</b>	<b>Phòng TN, TH</b>	<b>Số tiết có sử dụng đồ dùng/ GV/tuần</b>
1	TH Đại Thắng	16	15	1	2	1	14 đến 18 tiết
2	TH Tiên Cường	15	15	1	1	1	12 đến 15 tiết
3	TH Tự Cường	16	18	1	1	1	14 đến 16 tiết
4	TH Tiên Tiến	9	12	1	1	1	15 đến 18 tiết
5	TH Quyết Tiến	10	14	1	2	1	14 đến 17 tiết
6	TH Tiên Thanh	14	17	1	2	1	15 đến 18 tiết
7	TH Khởi Nghĩa	12	12	1	1	1	13 đến 17 tiết
8	TH Thị Trấn	30	26	1	3	1	16 đến 20 tiết
9	TH Minh Đức	15	15	1	2	1	15 đến 18 tiết
10	TH Cấp Tiến	13	15	1	2	1	14 đến 16 tiết
11	TH Liên Phong	14	16	1	1	1	14 đến 17 tiết
12	TH Liên Hào	12	12	1	1	1	13 đến 16 tiết
13	TH Đoàn Lập	19	20	1	2	1	17 đến 20 tiết
14	TH Bạch Đằng	11	12	1	1	1	14 đến 16 tiết
15	TH Quang Phục	16	18	1	2	1	15 đến 18 tiết
16	TH Quang Trung	10	12	1	1	1	12 đến 15 tiết
17	TH Toàn Thắng	11	14	1	2	1	14 đến 17 tiết
18	TH Tiên Minh	19	19	1	2	1	13 đến 16 tiết
19	TH Tiên Thắng	16	16	1	2	1	14 đến 18 tiết
20	TH Bắc Hưng	15	16	1	1	1	15 đến 18 tiết
21	TH Nam Hưng	11	14	1	1	1	12 đến 16 tiết
22	TH Đông Hưng	14	18	1	2	1	15 đến 17 tiết
23	TH Tây Hưng	11	15	1	1	1	16 đến 19 tiết
24	TH Tiên Hưng	10	15	1	2	1	12 đến 16 tiết
25	TH Hùng Thắng	23	26	1	2	1	16 đến 20 tiết
26	TH Vinh Quang	20	24	1	2	1	14 đến 16 tiết
	<b>Tổng</b>	<b>382</b>	<b>426</b>	<b>26</b>	<b>42</b>	<b>26</b>	

(Nguồn báo cáo CSVC các trường Tiểu học huyện Tiên Lãng, năm học 2015 – 2016)

- Phòng học kiên cố chiếm 100% tổng số phòng học, đảm bảo diện tích phòng học chuẩn đáp ứng được hoạt động dạy và học trên lớp.

- 100% số trường có phòng đồ dùng, 1/2 số trường có thêm phòng học bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật. 26/26 trường đều có phòng thư viện đạt tiêu chuẩn của Bộ GD &ĐT.

- Về trang thiết bị dạy học: Mỗi trường có từ 1 đến 2 phòng máy với số máy từ 20 đến 35 máy vi tính, các máy được nối mạng Internet để phục vụ công tác giảng dạy và quản lý. Các trường đều có màn hình, đầu Video, máy chiếu, bảng từ được trang bị đầy đủ cho các lớp học, bàn ghế HS, sách nghiệp vụ, sách tham khảo, báo, tạp chí... tương đối đầy đủ.

- Các trường được quy hoạch và xây dựng theo tiêu chuẩn 4 tại “ Quy chế công nhận trường chuẩn quốc gia” giai đoạn 2011 - 2020.

*Tồn tại:* Hiện nay có 23/26 trường đủ phòng học 2 buổi/ ngày, nhưng chưa đủ phòng học để dạy các môn tự chọn, ngoại khoá. Phòng chức năng còn thiếu, có trường chưa đạt yêu cầu. Phòng thư viện còn thiếu nhiều đầu sách, số lượng còn ít chưa phục vụ đủ cho HS học tập. Các trang thiết bị, đồ dùng dạy học tuy được đầu tư song so với yêu cầu còn thiếu. Quỹ đất ở một số trường còn thiếu dẫn tình trạng quá tải, số học sinh trong một lớp đông (37 HS/lớp) vượt quá qui định sĩ số học sinh theo chuẩn 35 em/ lớp. Điều đó có ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học của nhà trường.

## **2.5. Thực trạng quản lý hoạt động dạy học các trường TH huyện Tiên Lãng.**

### ***2.5.1. Về tổ chức, triển khai hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học, thực hiện CT- SGK theo quy định của Bộ GD&ĐT.***

#### ***2.5.1.1. Về tổ chức, triển khai hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học***

Đầu năm học, căn cứ kết quả đạt được của cấp học và thực tế của toàn ngành, phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu với huyện ủy, UBND huyện xây dựng kế hoạch chỉ đạo nhiệm vụ năm học. Xác định được tầm quan trọng của việc xây dựng kế hoạch, các trường đều có bộ kế hoạch chỉ đạo toàn diện



các hoạt động giáo dục trong nhà trường, các kế hoạch thể hiện tính khả thi cao, rõ việc phải làm, xác định nhiệm vụ trọng tâm trọng điểm trong năm học. Tuy nhiên, có trường việc xây dựng kế hoạch còn hình thức, chưa tập trung ý chí của tập thể do vậy hiệu quả triển khai, thực hiện không cao.

#### *2.5.1.2. Về thực hiện CT- SGK theo quy định của Bộ GD&ĐT*

Thông qua báo cáo tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ năm học của các trường lên phòng GD, cho thấy:

Nhìn chung, GV ở các trường Tiểu học toàn huyện nắm vững chương trình dạy học mới của bộ môn mình, ở khối lớp được dạy học và toàn cấp học, nắm được những nội dung kiến thức cơ bản của môn học ở từng lớp học, cấu trúc chương trình, mục tiêu dạy học, phương pháp giảng dạy môn học, các hình thức dạy học của môn học, phân phối thời gian dạy môn học theo yêu cầu đổi mới. Hàng năm, GV đã lập kế hoạch dạy học môn học của mình trong đó phân thực hiện chương trình dạy học đã được thể hiện rõ. Đồng thời thực hiện đúng, đủ chương trình dạy học, không dồn ép, cắt xén, đảm bảo tiến độ thời gian. Toàn bộ hoạt động dạy của GV từ phân soạn bài lên lớp, ôn tập kiểm tra, dạy các môn tự chọn, tổ chức hướng dẫn các hình thức học tập ngoài lớp học... được thực hiện theo chương trình, kế hoạch dạy học.

GV thực hiện nghiêm túc kế hoạch dạy học, theo đúng tiến độ của phân phối chương trình. Ngay từ đầu năm học CBQL yêu cầu GV nghiên cứu kỹ nội dung chương trình, sách giáo khoa, từ đó lập kế hoạch dạy học cho cá nhân mình. CBQL cùng tổ trưởng chuyên môn duyệt kế hoạch của GV.

Song bên cạnh đó, việc điều chỉnh chương trình hàng tuần, hàng tháng, hàng kỳ cho kịp tiến độ chưa được coi trọng, có những môn bị xem nhẹ, cá biệt có những môn vì nhiều lý do đã bị dồn hoặc bố trí vào quỹ thời gian khác không phải chính khoá.

#### *2.5.2. Về chỉ đạo các trường TH triển khai thực hiện nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu đổi mới quá trình dạy học.*

**Bảng 2.18. Chỉ đạo đổi mới hoạt động dạy học ở trường Tiểu học của Phòng GD huyện Tiên Lãng.**

Stt	Nội dung	Mức độ thực hiện						X	Thứ bậc
		Tốt		Bình thường		Chưa tốt			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Nhà trường quán triệt tư tưởng đổi mới GD cho mọi thành viên của nhà trường.	156	92,7	11	6,8	1	0,5	<b>2,92</b>	<b>1</b>
2	Lập kế hoạch thực hiện các nội dung đổi mới dạy học trong thực hiện bài học, môn học.	153	91,0	14	8,5	1	0,5	<b>2,90</b>	<b>2</b>
3	Tổ chức tốt việc đổi mới phương thức dạy học mới phù hợp với đối tượng học sinh và mục tiêu tạo lập năng lực, phẩm chất cho người học.	142	84,7	24	14,2	2	1,1	<b>2,83</b>	<b>4</b>
4	Huy động được sự tham gia của những người liên quan đến hoạt động GD học sinh của trường.	145	86,4	20	11,9	3	1,7	<b>2,84</b>	<b>3</b>
<b>Trung bình</b>								<b>2,87</b>	

**Nhận xét:**

Có 4 nội dung thể hiện công tác chỉ đạo đổi mới dạy học ở trường tiểu học của PGD có  $X = 2,87$  đạt mức thực hiện loại khá như vậy công tác chỉ đạo đổi mới dạy học ở trường Tiểu học của PGD có ảnh hưởng nhiều đến việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu đổi mới quá trình dạy học của các nhà trường, mức độ thực hiện tốt là 88,6%; bình thường 10,1% và chưa tốt 1,3%. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố không đồng đều. Ảnh hưởng nhiều nhất là “Nhà trường quán triệt tư tưởng đổi mới GD cho mọi thành viên của NT.” đạt điểm trung bình  $X=2,92$ . Thứ bậc thấp nhất là “Tổ chức tốt việc đổi mới phương thức dạy học mới phù hợp với đối tượng học sinh và mục tiêu tạo

lập năng lực, phẩm chất cho người học”  $X = 2,83$ . Các yếu tố khác có điểm trung bình dao động  $2,84 \leq X \leq 2,90$ .

Qua kết quả khảo sát cho thấy: đổi mới giáo dục – đây là một thách thức lớn đối với các nhà trường, cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên. Đổi mới phải bắt đầu từ tư tưởng. Giáo viên không chỉ là người mang kiến thức đến cho học sinh mà phải là người dạy cho học sinh cách nghĩ, cách tìm ra kiến thức và vận dụng nó vào cuộc sống. Có như vậy mới đảm bảo cung cấp cho các em hành trang đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời. Vấn đề này liên quan đến công tác quán triệt tư tưởng đổi mới GD cho mọi thành viên của NT.

Các trường phải xây dựng được kế hoạch thực hiện mô hình dạy học mới, đổi mới phương pháp dạy học, thực hiện các chuyên đề đổi mới theo từng khối lớp. Hiệu trưởng chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học của GV không chỉ thông qua một vài giờ dạy mà thể hiện đồng bộ ở tất cả các môn học.

Để cụ thể hóa trong việc giúp GV tiếp cận với cách dạy theo mô hình trường học mới nhà trường phải cụ thể hóa kế hoạch thành những hoạt động cụ thể. Ví dụ ở trường TH Thị trấn đã tổng kết kinh nghiệm về “ Tổ chức hiệu quả hoạt động nhóm trong mô hình trường học mới - VNEN”; giáo viên TH Minh Đức với sáng kiến “Sáng tạo trong dạy học Tiếng Việt theo mô hình trường học mới”. Thông qua các sáng kiến cụ thể, GV đã hiểu rõ hơn về cách thức tổ chức dạy học trong nhóm sao cho hiệu quả và phù hợp với các đối tượng học sinh trong lớp. Dưới sự chỉ đạo của phòng GD&ĐT, các trường Tiểu học trong toàn huyện đã tích cực triển khai, từng bước thực hiện đổi mới dạy học hướng tới mục tiêu năng lực, phẩm chất của người học. Mô hình trường học mới và các phương pháp dạy học tích cực đã được triển khai ở tất cả các trường Tiểu học trong huyện.

Bên cạnh kết quả đạt được, khảo sát cho thấy công tác chỉ đạo của phòng GD còn những hạn chế nhất định: vẫn có trường Hiệu trưởng mới chỉ hô khẩu hiệu đổi mới, khoán việc triển khai cho Phó Hiệu trưởng và các tổ trưởng chuyên môn. Có trường, CBQL và giáo viên chưa thông tư tưởng đổi mới dẫn

đến tình trạng GV làm qua loa, chống đối, CBQL không kiểm soát được. BGH tuyệt đối hóa việc đổi mới phương pháp dạy học dẫn đến tình trạng GV cảm nhận quá sức mình. Từ đó họ không muốn tiếp cận bởi họ thấy các điều kiện về năng lực bản thân, CSVC của nhà trường, đối tượng học sinh khó cho họ đổi mới cách dạy. Nhưng bên cạnh đó, có Hiệu trưởng lại bình thường hóa, xem thường dẫn đến nhận thức và thực hiện qua loa, bằng lòng với cách dạy xưa cũ. Đối với nhà trường này, GV rơi vào tình trạng làm đôi phó, ít tập trung vào nghiên cứu tài liệu, không chịu khó học hỏi kinh nghiệm dẫn đến chất lượng thấp không đáp ứng được nhu cầu đổi mới.

- Mặc dù 100% các trường Tiểu học trong huyện đã triển khai và áp dụng dạy học theo mô hình trường học mới, phương pháp dạy học tích cực. Song trong thực tế vẫn còn những vấn đề tồn tại sau: Nhiều giáo viên chưa thực sự đổi mới trong tư tưởng. Họ đón nhận cái mới một cách miễn cưỡng, chính vì vậy mà còn tình trạng “ Bình mới nhưng rượu cũ”. Đây cũng là một trong khó khăn cho các nhà quản lý. Một số nhà trường chưa đảm bảo cơ sở vật chất để dạy học theo mô hình mới vì sĩ số trong một lớp đông, khó khăn cho việc dạy học theo nhóm như TH Thị Trấn, TH Minh Đức.

- Nội dung sinh hoạt chuyên môn hàng tuần của các tổ khối về đổi mới phương pháp dạy học chưa thật thiết thực còn hình thức, chung chung, chưa thật hiệu quả.

### ***2.5.3. Về quản lý hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên các trường Tiểu học của phòng GD***

Để đánh giá thực trạng công tác bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho giáo viên của Phòng GD&ĐT ở các trường Tiểu học huyện Tiên Lãng, tác giả tập trung vào khảo sát mức độ thực hiện nội dung bồi dưỡng và hình thức bồi dưỡng giáo viên của tổ chuyên môn.

**Bảng 2.19. Thực trạng triển khai nội dung bồi dưỡng đội ngũ GV**

TT	Nội dung hoạt động	GV			TTCM			CBQL			Tổng hợp		
		Σ	X	TB	Σ	X	TB	Σ	X	TB	Σ	X	TB
1	Bồi dưỡng quy chế chuyên môn	59	3.95	1	14	4.00	1	6	3.75	3	79	3.94	1
2	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	57	3.78	2	13	3.80	2	6	3.75	3	76	3.78	2
3	Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn	56	3.73	3	12	3.50	5	7	4.00	1	75	3.71	4
4	Bồi dưỡng PPDH tiên tiến	54	3.62	5	12	3.40	6	5	3.25	6	71	3.57	5
5	Bồi dưỡng ứng xử sư phạm, tác phong sư phạm	56	3.73	3	13	3.80	2	7	4.00	1	76	3.75	3
6	Bồi dưỡng tin học và sử dụng công nghệ thông tin	52	3.44	6	13	3.60	4	6	3.75	3	71	3.48	6
	<b>Tổng</b>		<b>3.71</b>			<b>3.68</b>			<b>3.75</b>			<b>3.71</b>	

Bảng thống kê cho thấy:

- Các nội dung *Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn; Bồi dưỡng PPDH tiên tiến; Bồi dưỡng tin học và sử dụng công nghệ thông tin* chỉ được đánh giá ở mức Khá.
- Với nội dung *Bồi dưỡng PPDH tiên tiến*, cả TTCM và CBQL đều đánh giá thấp, với điểm trung bình TTCM đánh giá là 3,40 (<3,50) và CBQL đánh giá chỉ đạt 3,25. Nội dung này đứng ở thứ bậc cuối cùng trong bảng

thống kê đánh giá của TTCM và CBQL. Đánh giá của GV đối với nội dung này cao hơn, đạt 3,62, nhưng thứ bậc cũng rất thấp, đứng thứ 5 trong bảng GV đánh giá. Điều này chứng tỏ, đây là nội dung bồi dưỡng mà cả GV, TTCM và CBQL đều rất quan tâm và mong muốn được điều chỉnh.

- Nội dung *Bồi dưỡng tin học và sử dụng công nghệ thông tin* tuy GV đánh giá mức độ thực hiện thấp nhất so với các nội dung khác nhưng lại được TTCM và CBQL đánh giá tốt hơn. Tuy nhiên, trong thống kê tổng hợp, nội dung này vẫn bị đánh giá ở mức thực hiện thấp nhất, với điểm trung bình là 3,48 đứng ở thứ bậc 6 trong thống kê.

#### **2.5.4. Về tổ chức thanh tra, kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ các hoạt động dạy học, đánh giá kết quả dạy học, đánh giá xếp loại GV các trường Tiểu học**

**Bảng 2.20. Kiểm tra, đánh giá hoạt động giảng dạy của giáo viên**

Stt	Nội dung	Mức độ thực hiện						X	Thứ bậc
		Tốt		Bình thường		Chưa tốt			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Xây dựng tiêu chí và kế hoạch kiểm tra đánh giá hoạt động giảng dạy của giáo viên (đột xuất, định kỳ).	55	32,8	81	48,4	32	18,8	<b>2,13</b>	<b>3</b>
2	Thực hiện kiểm tra đánh giá thường xuyên.	69	40,8	59	35,3	40	23,9	<b>2,16</b>	<b>2</b>
3	Tổ chức lấy ý kiến phản hồi, tổng kết và rút kinh nghiệm thường xuyên.	42	24,9	52	31,3	74	43,8	<b>1,80</b>	<b>5</b>
4	Tổ chức đánh giá công bằng, công khai.	57	34,1	83	49,4	28	16,5	<b>2,17</b>	<b>1</b>
5	Tổ chức thanh tra hoạt động dạy học.	47	27,7	88	52,4	33	19,9	<b>2,07</b>	<b>4</b>
<b>Trung bình</b>								<b>2,06</b>	

Qua điều tra khảo sát, có thể khẳng định thực trạng quản lý kiểm tra - đánh giá HĐGD của giáo viên đã có nề nếp và quy củ ( $\bar{X} = 2.06$ ). Với điểm trung bình ( $\bar{X} = 2.06$ ) đạt mức độ thực hiện khá. Kiểm tra đánh giá hoạt động giảng dạy của giáo viên đạt các mức độ không đồng đều: Tốt = 32,1 %, bình thường = 43,4 %, chưa tốt = 24,5 %. Thứ bậc cao nhất là “Đánh giá công bằng, công khai.” đạt điểm trung bình  $\bar{X} = 2,17$ . Thứ bậc thấp nhất là quản lý việc “*tổ chức lấy ý kiến phản hồi, tổng kết và rút kinh nghiệm thường xuyên*” vì đánh giá, xếp loại dường như chỉ là công việc của nhà quản lý chứ chưa quan tâm ý kiến của người bị đánh giá. Vì vậy, đôi khi nhà quản lý thường “chụp mũ” cho người đánh giá. Cụ thể, giáo viên trả lời chưa tốt đạt số lượng cao nhất (43,8 %).

Các nội dung còn lại cũng đạt thứ bậc khác nhau cho thấy mức độ thực hiện quản lý các nội dung trên chưa đồng đều với điểm trung bình  $2.07 \leq \bar{X} \leq 2,16$ .

#### 2.5.5. Về quản lý CSVC và thiết bị dạy học ở các trường Tiểu học

**Bảng 2.21. Quản lý cơ sở vật chất.**

Stt	Nội dung quản lý	Mức độ thực hiện						X	Thứ bậc
		Tốt		Bình thường		Chưa tốt			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Hệ thống các phòng học , phòng chức năng đảm bảo tính đồng bộ khoa học sư phạm	52	30,6	80	47,8	36	21,6	<b>2,08</b>	<b>4</b>
2	Kiểm kê và sửa chữa tài sản định kì.	57	34,1	85	50,6	26	15,3	<b>2,18</b>	<b>3</b>
3	Xây dựng bộ quy chế , nội quy sử dụng phòng học , phòng chức năng.	46	27,1	89	53,1	33	19,8	<b>2,06</b>	<b>5</b>
4	Tổ chức đào tạo , bồi dưỡng giáo viên nâng cao năng lực sử dụng cơ sở vật chất.	62	36,8	86	51,3	20	11,9	<b>2,24</b>	<b>2</b>

5	Kế hoạch xây dựng , nâng cấp, cải tạo trường sở	68	40,3	83	49,5	17	10,2	<b>2,29</b>	<b>1</b>
6	Có hồ sơ, sổ sách ghi chép rõ tình trạng trường lớp để bàn giao, kiểm kê , giao trách nhiệm giữ gìn và bảo quản	36	21,5	93	55,2	39	23,3	<b>1,97</b>	<b>6</b>
<b>Trung bình</b>								<b>2,14</b>	

**Nhận xét:**

Quản lý cơ sở vật chất đạt điểm trung bình  $X = 2,14$  nên mức độ *thực hiện đạt loại khá*. Với ba mức độ thực hiện không đồng đều: trung bình các mức độ từ cao đến thấp: bình thường = 48,2%; tốt = 31,3 % và chưa tốt = 20,5 %.

Nội dung của quản lý trường sở đạt thứ bậc cao nhất “Kế hoạch xây dựng nâng cấp, cải tạo trường sở” đạt điểm trung bình  $X = 2,29$ . Do sĩ số học sinh biến động trong những năm gần đây nên hầu hết các trường đều tăng số lượng phòng học với nhiều hình thức khác nhau. Thứ bậc thấp nhất là nội dung “*Xây dựng bộ quy chế, nội quy sử dụng phòng học, phòng chức năng*” đạt điểm trung bình  $X = 2,06$ . 100% học sinh khối 4- 5 được hỏi đều trả lời không biết nội quy sử dụng phòng học, phòng tin học. Hầu hết, không có hồ sơ ghi chép tình trạng trường lớp. Các nội dung còn lại có điểm trung bình  $2,24 \leq X \leq 2,06$ .

**2.6. Đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân chủ yếu của hạn chế trong quản lý hoạt động dạy học của PGD huyện Tiên Lãng – TP Hải Phòng.**

**2.6.1. Những kết quả đã đạt được**

Quản lý hoạt động dạy học Tiểu học có rất nhiều những kết quả đáng ghi nhận, đó là :

- Bối cảnh đổi mới giáo dục và yêu cầu của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 (số 29 – NQ/TW) của Ban Chấp hành TW Đảng khóa XI cũng như những chỉ đạo đổi mới của Bộ GD&ĐT và Sở GD&ĐT đã tác động đến cộng đồng



xã hội nói chung và các nhà trường nói riêng thay đổi nhận thức và bước đầu triển khai những thay đổi theo hướng tích cực;

- Kinh phí của Nhà nước đầu tư cho sự nghiệp giáo dục ngày càng tăng, đời sống của GV có nâng lên, động viên tinh thần lao động nghề nghiệp của đội ngũ thầy cô giáo.

- Các nhà trường nói chung và GV nói riêng ở Tiên Lãng có những cố gắng thực hiện những đổi mới cụ thể trong việc đưa tư tưởng đổi mới vào các yếu tố của quá trình dạy học và bước đầu đã có những kết quả tích cực.

### **2.6.2 Những hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được đối với quản lý hoạt động dạy học Tiểu học thì cũng còn những hạn chế, đó là:

- Trình độ và năng lực quản lý thay đổi của một số CBQLGD và CBQLNT thể hiện qua việc tổ chức chỉ đạo thực hiện đổi mới GD còn lúng túng.

- Yêu cầu đổi mới DH phù hợp với chương trình và đối tượng HS và việc bồi dưỡng GV-TH theo chuẩn nghề nghiệp chưa đạt kết quả mong muốn ở một bộ phận giáo viên nên chưa đáp ứng với yêu cầu của thực tiễn.

- Việc cải tiến nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ, khối chuyên môn trong nhà trường TH và việc đánh giá xếp loại, tự xếp loại chung chung nặng màu sắc cảm tính nên chưa phát huy được tính tích cực của chức năng KT- ĐG trong hoạt động quản lý.

- Trong những hạn chế kể trên, hạn chế nhất khi tổ chức thực hiện các biện pháp đổi mới quản lý hoạt động dạy học ở trường TH do khó khăn về năng lực đội ngũ GV trước yêu cầu đổi mới và điều kiện phương tiện dạy học chưa đáp ứng với nhu cầu của người dạy. Việc thực hiện đổi mới PPDH, cách thức tổ chức các hoạt động học tập và giáo dục phát triển toàn diện cho HS cũng có những bất cập.

- Trong các trường, GV đại đa số có trình độ chuẩn hoặc trên chuẩn nhưng năng lực sư phạm so với yêu cầu của đổi mới PPDH lại hạn chế. Một số còn ngại đổi mới, sợ tốn thời gian công sức mà hiệu quả không cao, quen với tư duy cũ.

- CBQL các trường mới chỉ xác định được nhu cầu phải đổi mới phương pháp dạy học, có các hành động về đổi mới phương pháp dạy học, về thực chất, sự đổi mới trong tư tưởng, đổi mới trong nhận thức còn chậm và có những hạn chế nhất định.

### **2.6.3. Những nguyên nhân chủ yếu của các hạn chế**

*Về nguyên nhân chủ quan* : Năng lực quản lý chuyên môn của chuyên viên PGD, của CBQL nhà trường chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu đổi mới công tác quản lý chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ nói chung, công tác quản lý hoạt động dạy học nói riêng, chưa năng động, sáng tạo, linh hoạt, còn cứng nhắc.

Việc bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cho Hiệu trưởng các trường TH chưa thường xuyên, điều này ảnh hưởng đến trình độ, năng lực của đội ngũ CBQL, hoặc thiếu hụt về tri thức lý luận, thiếu cơ sở khoa học khi phân tích, đánh giá vấn đề thực tiễn để đề ra quyết định đúng đắn.

Cùng với đó, một bộ phận CBQL, GV còn ngại đổi mới, lối mòn tư duy khó xoá, khó cải tổ, chậm đổi mới, hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ nhưng công tác bồi dưỡng chưa thật hiệu quả.

- Ý thức về trách nhiệm nâng cao chất lượng dạy học chưa trở thành động lực thường xuyên đối với GV trong tất cả các trường Tiểu học ở huyện Tiên Lãng.

- Sự chỉ đạo thực hiện kế hoạch hoá giữa PGD và các trường TH chưa thống nhất đối với các tiêu chí nâng cao chất lượng dạy học cũng như trong chuẩn xây dựng trường TH theo chuẩn quốc gia.

*Về nguyên nhân khách quan* : Chế độ, chính sách đãi ngộ đối với người lao động mà cụ thể ở đây là chế độ, chính sách đối với đội ngũ chuyên viên PGD, CBQL, GV, NV trong nhà trường chưa thoả đáng, chưa tương xứng với yêu cầu và công sức thực hiện các nội dung đổi mới do cấp trên chỉ đạo; chưa động viên, khuyến khích được đội ngũ, làm hạn chế khả năng cống hiến, phấn đấu CBQL- CV - GV. Đời sống kinh tế của CB-GV còn nhiều khó khăn, đã gây ảnh hưởng nhiều đến kết quả và mục tiêu của giáo dục.

Việc quản lý các CSVC, khai thác sử dụng cũng chưa thực sự đạt hiệu quả. Nhiều trường còn thiếu phòng chức năng, phòng học cho việc học 2 buổi /ngày, một số trường không có đủ diện tích sân chơi, bãi tập cho HS theo tỷ lệ quy định.

*Tóm lại:* Nguyên nhân chủ yếu có thể nêu lên là do việc hướng dẫn đổi mới phương thức dạy học trong các nhà trường cũng như thực hiện đánh giá học sinh theo yêu cầu đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh chưa đạt kết quả mong muốn; các điều kiện cơ sở vật chất thực hiện chương trình đổi mới cũng chưa thực sự đảm bảo.

## **TIỂU KẾT CHƯƠNG 2**

Để có cơ sở khoa học khi đề xuất các biện pháp, chúng tôi đã tiến hành điều tra khảo sát thực trạng quản lý hoạt động dạy học của giáo dục huyện Tiên Lãng đối với các trường Tiểu học là 26 trường TH trong 21 bảng biểu. Đặc biệt việc khảo sát tập trung vào các yêu cầu đối với hoạt động dạy học dưới sự chỉ đạo của PGD và việc thực hiện của các trường. Các số liệu đã được phân tích, so sánh, đánh giá rút ra những nguyên nhân của những hạn chế về hoạt động quản lý chưa đáp ứng được mục tiêu nâng cao chất lượng đã đặt ra. Một trong những nguyên nhân chủ yếu có thể rút ra từ nghiên cứu thực trạng là chất lượng đội ngũ GV trước yêu cầu đổi mới còn bất cập; việc hướng dẫn đổi mới phương thức dạy học trong các nhà trường cũng như thực hiện đánh giá học sinh theo yêu cầu đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh đều chưa đạt kết quả mong muốn; các điều kiện cơ sở vật chất thực hiện chương trình đổi mới cũng cần được quan tâm. Những nguyên nhân đã được giải trình trong chương 2 này là những định hướng cho việc tìm kiếm các biện pháp đổi mới công tác quản lý của Phòng Giáo dục huyện Tiên Lãng trong việc chỉ đạo hoạt động dạy và học theo mục tiêu đổi mới giáo dục của Đảng, nhà nước góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở các trường Tiểu học huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay ở chương 3.

## CHƯƠNG 3

### CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC HUYỆN TIÊN LÃNG – THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

#### 3.1 Nguyên tắc đề xuất các biện pháp

##### 3.1.1 Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi

Các biện pháp phải phù hợp với điều kiện của các Phòng GD&ĐT, các nhà trường, phù hợp với điều kiện KT-XH của địa phương. Đây là điều kiện tiên quyết để các biện pháp này thực sự có ý nghĩa đối với việc nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động dạy học ở trường Tiểu học.

##### 3.1.2 Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống

Các biện pháp đưa ra phải có mối quan hệ biện chứng, liên kết, tác động hỗ trợ lẫn nhau trong một chỉnh thể thống nhất nhằm quản lý tốt hoạt động dạy học. Chẳng hạn như đề tài nghiên cứu đưa ra 6 biện pháp, biện pháp này là cơ sở, biện pháp kia là điều kiện thúc đẩy, hỗ trợ lẫn nhau, tất cả các biện pháp phối hợp thành một hệ thống trong mối liên hệ chặt chẽ, nhằm đạt được mục đích cuối cùng nâng cao hiệu quả dạy học ở trường Tiểu học.

##### 3.1.3 Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa

Các biện pháp đưa ra trên cơ sở kế thừa và phát huy những nhân tố tích cực của biện pháp đã được triển khai trước đây. Những biện pháp nêu ra bao giờ cũng có những ưu thế, mặt mạnh, mặt hạn chế. Việc đổi mới thể hiện ở chỗ khắc phục tồn tại, yếu kém, sáng tạo để tìm ra cái mới, cái hoàn thiện, hợp lý, phù hợp hơn những mặt chưa tốt của các biện pháp cũ nhằm đưa ra biện pháp tối ưu và hoàn thiện hơn.

#### 3.2. Các biện pháp quản lý hoạt động dạy học của Phòng Giáo dục đối với các trường Tiểu học huyện Tiên Lãng - TP Hải Phòng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Từ những vấn đề lý luận ở chương 1 và phân tích thực trạng quản lý hoạt động dạy học đối với trường Tiểu học của Phòng Giáo dục huyện Tiên

Lãng ở chương 2, tác giả xin đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động dạy học đối với trường Tiểu học của PGD huyện Tiên Lãng, TP Hải Phòng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay:

### ***3.2.1 Xây dựng đội ngũ đồng thời đảm bảo chất lượng đội ngũ trong các trường TH theo yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.***

#### *a/ Mục đích-y nghĩa:*

Với mục tiêu của đổi mới căn bản toàn diện “ tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh...” cần được quán triệt đến đội ngũ giáo viên Tiểu học và được kế hoạch hóa để nâng cao chất lượng đội ngũ GV nhằm đáp ứng được yêu cầu và thực hiện được các nội dung của đổi mới GD vào trường Tiểu học. Chất lượng đội ngũ được đánh giá qua 2 tiêu chuẩn: phẩm chất đạo đức, tư tưởng chính trị và năng lực nghề nghiệp.

#### *b/ Nội dung:*

- Nâng cao nhận thức cho GV về mục tiêu và cách thức thực hiện đổi mới dạy học ở trường Tiểu học.

- Cụ thể hóa mục tiêu và nội dung đổi mới GD nói chung, dạy học nói riêng thành nhiệm vụ, trách nhiệm của GV.

- Bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng sư phạm mới để giáo viên có khả năng thực hiện các nội dung đổi mới quá trình giáo dục và dạy học ở từng bài học, môn học....

- Sinh hoạt chuyên môn được định hướng bám sát yêu cầu đổi mới và thảo luận những yêu cầu đổi mới và cách thức thực hiện;

- Nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ giáo viên trường Tiểu học để có nhận thức đúng về vai trò của mình trong quá trình thực hiện hoạt động dạy học Tiểu học. Trình độ chuyên của mỗi người gồm: Trình độ học vấn và trình độ chuyên ngành lao động được phân công (sư phạm Tiểu học đối với giáo viên; quản lý giáo dục đối với nhà quản lý). Để nâng cao trình độ chuyên môn cần tăng cường công tác quản lý, kiểm tra giám sát cũng như chế độ đãi

ngộ (Thi đua - khen thưởng,...) nhằm phòng ngừa, điều chỉnh sai lệch và động viên những cá nhân điển hình, tiên tiến tạo động lực cho mỗi thành viên trong nhà trường.

- Tạo điều kiện và môi trường cho GV tự bồi dưỡng và có chế tài với việc GV không tham gia bồi dưỡng và tự bồi dưỡng trong quá trình thực hiện đổi mới. Tạo điều kiện tốt nhất để mỗi giáo viên Tiểu học gắn liền với con đường tự học, tự bồi dưỡng. Tổ chức giao lưu trong và ngoài nhà trường để trao đổi, chia sẻ và học tập kinh nghiệm với giáo viên trường bạn.

- Tăng cường phối hợp giữa Phòng Giáo dục và lãnh đạo các trường Tiểu học trong việc nâng cao nhận thức và bồi dưỡng kỹ năng thực hiện các nội dung đổi mới.

*b/ Tổ chức thực hiện:*

- Căn cứ thực trạng đội ngũ về Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về các mặt: trình độ chính trị, trình độ học vấn, độ tuổi, giới tính, thâm niên công tác,... để kế hoạch hoá vấn đề bồi dưỡng theo chỉ tiêu đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo kế hoạch trong những thời gian nhất định.

- Đội ngũ giáo viên Tiểu học vốn xuất phát từ các nguồn đào tạo khác nhau, từ Trung cấp sư phạm, Cao đẳng sư phạm, Đại học sư phạm. Vì vậy, trong kế hoạch bồi dưỡng của PGD phải tính đến các điều kiện cấp bách, ưu tiên để tạo được mặt bằng chung cho đội ngũ ở các trường trong toàn huyện, tránh sự dư thừa GV ở một số bộ môn này nhưng lại thiếu hụt trầm trọng ở một số bộ môn khác.

- Chỉ đạo các trường trong huyện cho GV đăng ký kế hoạch của cá nhân đối với việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo điều kiện, hoàn cảnh của mình với các hình thức phù hợp.

- Căn cứ vào chiến lược phát triển của giáo dục huyện Tiên Lãng nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện Giáo dục & Đào tạo, PGD phải chỉ đạo Hiệu trưởng các trường xây dựng kế hoạch về biên chế và cơ cấu đội ngũ GV theo tính đặc thù của Tiểu học để hoàn thiện đội ngũ GV và nâng cao chất lượng đội

ngũ đáp ứng yêu cầu của đổi mới chương trình và kế hoạch giáo dục cho các khối lớp.

- Gắn nội dung “*Nâng cao nhận thức*” cho giáo viên cần thực hiện một số hình thức tuyên truyền hoặc lồng ghép tuyên truyền cho các thành viên trong trường hiểu đúng thông qua các cuộc họp, sinh hoạt chuyên môn, hội thảo, chuyên đề, hội thi, hội giảng, tổng kết, học nhiệm vụ năm học... Bên cạnh đó, nhà quản lý có thể lồng ghép nội dung giáo dục, ý thức, vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân theo định hướng đảm bảo chất lượng dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Với nội dung “*Nâng cao trình độ chuyên môn*”, ngay từ đầu năm học Hiệu trưởng phải rà soát lại trình độ của đội ngũ thông qua nội dung “*Kế hoạch cá nhân*”, đối chiếu với “*Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tiểu học*” để phân loại. Nếu chưa đạt chuẩn thì Hiệu trưởng tạo điều kiện tốt nhất để người đó được học tập và dự thi đạt chuẩn trong thời gian sớm nhất có thể. Nếu những giáo viên đã đạt chuẩn thì cũng tạo điều kiện để họ được luân phiên tham dự các lớp nâng cao trình độ đạt trên chuẩn. Đối với tuyển dụng giáo viên mới thì yêu cầu phải đạt chuẩn, ưu tiên các ứng viên trên “*Chuẩn nghề nghiệp*”.

Tiếp theo là nội dung “*Nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ*” có những hình thức sau:

Bồi dưỡng tập trung thông qua các lớp tập huấn ngắn hạn về chuyên môn nghiệp vụ sư phạm do Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT tổ chức theo các dự án đã được triển khai, theo kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên theo chu kì, kế hoạch bồi dưỡng trong hè,...

Tự bồi dưỡng (*quan trọng nhất*) của giáo viên. Mỗi giáo viên phải tự xác định nhu cầu và có kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng dưới sự hướng dẫn thông qua các hoạt động chuyên môn thực tiễn của nhà trường. Đây là hình thức “*ít tốn kém về kinh tế*” nhưng rất hiệu quả. Vì thông qua các hoạt động chuyên môn như: dự giờ thăm lớp (đột xuất, định kì), sinh hoạt chuyên môn, hội giảng, thanh tra... mọi thành viên đều tham gia và tự trải nghiệm. Qua đó,

mỗi giáo viên tự học những ưu điểm, hạn chế những nhược điểm bằng chính trải nghiệm và chứng kiến của bản thân. Các hình thức tự bồi dưỡng như: Sổ tự học (ghi chép tóm tắt nội dung tài liệu đã nghiên cứu), sổ tích lũy tư liệu, sinh hoạt chuyên môn, quy định dự giờ thăm lớp (1 tiết/ 1 tuần), thanh tra tiết dạy của giáo viên, thanh tra chuyên đề, hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp, giáo viên dạy giỏi chuyên đề các cấp, làm bài giảng điện tử thi ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy...

*c/ Điều kiện để thực hiện:*

- Phòng Giáo dục cần xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học trong đó có các yêu cầu quản lý hoạt động dạy học Tiểu học từ PGD tới nhà trường, từ nhà trường tới tổ chuyên môn, xác định rõ vai trò của tổ chuyên môn là đơn vị cơ sở trong quy trình quản lý nhà trường. Chỉ đạo các nhà trường hướng dẫn các tổ chuyên môn lập kế hoạch, dự kiến lịch sinh hoạt, xây dựng khung nội dung chương trình hoạt động, hình thức tổ chức hoạt động nhằm nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn.

- Phải có sự chỉ đạo thống nhất giữa PGD và Ban giám hiệu các nhà trường mà người đứng đầu là Hiệu trưởng. Khảo sát thực trạng đội ngũ GV trong từng trường thật cụ thể, tỉ mỉ, chính xác trước khi xây dựng kế hoạch bồi dưỡng theo mục tiêu phát triển của trường trong từng giai đoạn.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi về tinh thần và vật chất nhằm kích thích động viên tinh thần vượt khó đối với GV thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ.

- Phải xây dựng tổ chuyên môn thành một tập thể vững mạnh về chuyên môn, có lòng yêu nghề, mến trẻ, có đạo đức nghề nghiệp, luôn luôn phấn đấu vươn lên để hoàn thành nhiệm vụ của từng cá nhân và của cả tập thể.

- Tổ trưởng chuyên môn phải là con chim đầu đàn về mặt chuyên môn và đạo đức, có uy tín lớn làm tấm gương cho cả tập thể noi theo.

- Bản thân mỗi cán bộ quản lý và mỗi giáo viên phải có nhận thức đúng về hoạt động sự phạm trong trường đối với những yêu cầu đổi mới giáo dục.



### ***3.2.2 Chỉ đạo triển khai mô hình trường học mới tại Việt Nam (VNEN) và đổi mới phương thức dạy học trong các nhà trường Tiểu học trên địa bàn huyện Tiên Lãng.***

#### ***a/ Mục đích-ý nghĩa:***

Nhà trường theo mô hình VNEN không những coi trọng kết quả học tập gắn với quá trình dạy học và thực tiễn, chú trọng GD lối sống và kỹ năng thực hiện (hay theo quan điểm của “đổi mới căn bản, toàn diện” là đạt được mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực toàn diện của người học). Nhà trường theo mô hình VNEN không coi nhẹ tính chuẩn mực nhà trường nhưng cũng tận dụng được sự hỗ trợ của cộng đồng để thực hiện tốt nhất sứ mạng của mình. Vì vậy nếu đưa được các tư tưởng của nhà trường VNEN vào các trường Tiểu học tại huyện Tiên Lãng sẽ rất có ý nghĩa trong việc đổi mới giáo dục.

#### ***b/ Nội dung của biện pháp:***

- Trước hết phải khẳng định, việc đưa mô hình dạy học mới hay đổi mới phương pháp dạy học trong nhà trường là một việc khó vì phải thay đổi một thói quen đã trở thành lối mòn trong suy nghĩ, trong công việc hàng ngày. Đổi mới DH được xác định bằng việc đổi mới vị trí chủ thể trong giáo dục ở TH. Mối quan hệ giữa chủ thể và đối tượng trong giáo dục được thay đổi theo quan niệm lấy HS làm trung tâm, thì HS vừa là đối tượng, vừa là chủ thể.

- Ngày nay tri thức nhân loại phát triển rất nhanh chóng, đặc biệt thời kỳ kinh tế tri thức, sự phát triển của khoa học công nghệ với tốc độ quá lớn cả về số lượng và chất lượng thì KH&CN đang thực sự trở thành lực lượng sản xuất xã hội. Cùng với đó, những kiến thức trang bị cho HS trong nhà trường chỉ còn là những kiến thức thiết thực, cơ bản, phổ thông nhất.

- Mục tiêu của giáo dục theo tinh thần đổi mới là “Phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học”. Toàn diện ở đây được hiểu là chú trọng phát triển cả phẩm chất và năng lực của con người, cả dạy chữ và dạy người, dạy nghề. GD&ĐT phải tạo ra những con người có phẩm chất, năng lực cần thiết. Để đáp ứng yêu cầu nói trên, một trong những giải pháp cụ thể là phải tìm ra một mô hình

nhà trường mới mang tính khả thi : Trường học mới Việt Nam là một lựa chọn đúng đắn. Chính mô hình trường học mới được áp dụng ở Việt Nam đã mở ra một con đường, một cơ chế để chúng ta giải quyết được những bất cập nói trên.

- Về mục tiêu dạy học, mô hình trường học mới đảm bảo cho học sinh được rèn luyện một cách toàn diện, không phải chỉ có học kiến thức mà được rèn luyện nhiều hơn về kỹ năng sống, trang bị năng lực tự quản bản thân, tự quản tập thể cho học sinh.

- Nội dung dạy học được thiết kế theo quy trình đảm bảo cho học sinh có khả năng tự học, chuyển quá trình dạy học thành quá trình hướng dẫn học sinh tự học, tự vận dụng kiến thức.

- Với phương châm “Học để biết, học để làm, học để chung sống”, HS cần được học ở nhà trường những kỹ năng cần thiết cho việc tự học, tự giáo dục sau này. Vì thế, nhà trường phải coi trọng việc dạy phương pháp, dạy cách học, dạy cách thức đi tới kiến thức, giúp HS tự tìm kiếm và chiếm lĩnh những thành tựu tri thức của loài người, trên cơ sở đó tiếp tục học tập suốt đời.

- Tăng cường đổi mới PPDH nhằm phát huy tính tích cực của HS, với sự hướng dẫn của GV, HS chủ động học tập, tự khám phá để chiếm lĩnh tri thức mới đã và đang tác động tới tất cả các cấp học của hệ thống GDQD. “Dạy học phát huy tính tích cực và sáng tạo của HS” và dạy học theo mô hình trường học mới Việt Nam. Những đổi mới phương pháp dạy, phương pháp học đã có tác dụng nhất định để nâng cao hiệu quả dạy học, gây hứng thú học tập cho HS, góp phần làm cho hoạt động dạy học linh hoạt, sinh động và tích cực hơn.

Huy động sự tham gia tích cực của CBQL nhà trường và GV tích cực đổi mới DH thì nhà trường thay đổi rõ rệt, cách dạy và cách học của HS ngày càng đổi mới, hiệu quả nhà trường, uy tín ngày càng tăng lên.

*b/ Tổ chức thực hiện:*

- Bồi dưỡng, tập huấn các CBQL, GV dạy các khối lớp nắm được mục tiêu, vị trí, đặc điểm, chương trình, kế hoạch dạy học, PPDH các môn học theo tư tưởng của mô hình trường học mới VNEN.

- Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch dạy học cho từng môn học, kỹ năng sử dụng đồ dùng dạy học, việc tổ chức lớp học và vận dụng các PPDH trong giờ học linh hoạt, giờ học hấp dẫn đối với HS, khả năng bao quát được hết các đối tượng HS trên lớp; dạy học theo chuẩn KT-KN của chương trình để phát huy vai trò chủ thể của HS trong giờ học.

- Đổi mới kiểm tra, đánh giá, đổi mới PPDH của giáo viên trên cơ sở bám sát các tiêu chí dạy học tích cực và dạy học hiệu quả khi CBQL nhà trường hoặc cán bộ của PGD huyện Tiên Lãng đi dự giờ hay thanh tra chuyên môn đối với các trường TH trên địa bàn.

- Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá, đổi mới PPDH của PGD huyện Tiên Lãng đối với các trường Tiểu học là một biện pháp cần thiết nhằm nâng cao chất lượng dạy học đại trà của toàn huyện.

- Đổi mới PPDH, cùng với việc đổi mới các hình thức tổ chức dạy - học, phối hợp một cách hợp lý dạy học cá nhân, dạy học theo nhóm nhỏ, dạy học cả lớp, dạy học ở hiện trường như cơ sở sản xuất, thư viện, bảo tàng địa phương, vườn trường, dạy học có sử dụng trò chơi học tập một cách hợp lý. Vai trò của người thầy đã thay đổi: là người hướng dẫn, tổ chức các hoạt động cho HS, phát huy năng lực của HS, giúp HS tự tìm tòi, khám phá, phát hiện kiến thức, giúp HS tự học, biết cách học các môn học và được phát triển qua các môn học.

- Trong quá trình dạy học cần phải phối hợp một cách linh hoạt và đồng bộ các hình thức tổ chức dạy học. Đối với giáo dục TH, hình thức dạy học được thực hiện trong quá trình dạy học ở trong lớp, ngoài lớp, trong giờ lên lớp, ngoài giờ lên lớp và được tổ chức cho học 1 buổi, học 2 buổi/ngày, học bán trú... ở trường TH. Quy trình đó bao gồm các bước cơ bản sau :

+ *Bước 1*: Công tác chuẩn bị

Đây là bước quan trọng quyết định kết quả hoạt động, đảm bảo cho sự thành công trong chỉ đạo đưa mô hình dạy học mới và đổi mới PPDH. Vì vậy cần được tiến hành một cách chu đáo, bài bản, thận trọng. Trên cơ sở nghiên

cứu thực trạng đội ngũ giáo viên, nghiên cứu đặc điểm đối tượng người học, phân tích những mâu thuẫn có quan hệ mật thiết với đổi mới trong hoạt động dạy và hoạt động học, dự thảo chương trình kế hoạch chỉ đạo đổi mới PPDH, thống nhất bước đầu trong tập thể sư phạm nhà trường.

Cùng với những tác động về mặt tâm lý để chuẩn bị tâm thế, tạo những tác động tích cực đến nhận thức của đội ngũ, cần chuẩn bị những điều kiện về CSVC, trang thiết bị dạy học, tài chính, xây dựng môi trường phục vụ đổi mới PPDH.

Thành lập Ban chỉ đạo đổi mới PPDH do lãnh đạo PGD phụ trách, xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động cụ thể.

Tổ chức hội thảo, bàn bạc, trao đổi, thống nhất về nhận thức và chương trình hành động, thông qua chương trình, kế hoạch hoạt động cụ thể.

+ *Bước 2* : Tổ chức chỉ đạo điểm

Trên cơ sở chương trình, kế hoạch đã đề ra, chỉ đạo tổ chức triển khai thí điểm mô hình VNEN tại trường TH Thị trấn Tiên Lãng. Đây là điểm tựa để rút kinh nghiệm tiếp tục triển khai.

+ *Bước 3* : Chỉ đạo mở rộng đại trà

Từ kết quả thực nghiệm, nhân rộng đại trà tới các trường Tiểu học, khuyến khích GV áp dụng trong thực tiễn giảng dạy qua các hình thức lên lớp chuyên đề, đăng ký dạy tốt, ...

Có các động tác quan sát, theo dõi kết quả áp dụng đại trà để tham góp ý kiến và cùng rút kinh nghiệm, tránh những áp đặt, cứng nhắc, thái quá.

+ *Bước 4* : Tổng kết - Đánh giá

Phòng Giáo dục và Đào tạo, CBQL nhà trường tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm. Có những biện pháp động viên, khuyến khích, hợp lý, kịp thời tới mọi đối tượng giáo viên ở các phương diện vật chất, tinh thần.

Tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả, tổng kết, rút ra các bài học kinh nghiệm về quá trình đổi mới PPDH, sơ kết thi đua, khen thưởng, tổ chức viết sáng kiến kinh nghiệm. Trên cơ sở đó tiến hành điều chỉnh các biện pháp chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học.

*c/ Điều kiện thực hiện:*

Để chỉ đạo đưa mô hình VNEN và đổi mới dạy học vào các trường Tiểu học đạt hiệu quả mong muốn, trong quá trình thực hiện cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Xác định đưa mô hình dạy học mới và đổi mới PPDH là quá trình lâu dài, cần phải kiên trì, từng bước, xác định mỗi bước đi cho phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương, cần ủng hộ và khuyến khích sự chủ động, sáng tạo của GV và HS, tránh áp đặt, bảo thủ hoặc cực đoan.

- Cán bộ quản lý các cấp cần tích cực tuyên truyền sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân, khuyến khích đổi mới dạy học ở Tiểu học và hỗ trợ những điều kiện trong tâm với của hội PHHS. Xác định việc thay đổi mô hình dạy học truyền thống và đổi mới dạy học ở Tiểu học theo yêu cầu của “ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN” là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới ngành GD&ĐT nói chung và ở các trường học nói riêng; mỗi cấp quản lý, mỗi tập thể, cá nhân đều có trách nhiệm góp phần vào công cuộc đổi mới đó.

- Thực hiện đổi mới PPDH phải được tiến hành đồng bộ với đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh, đổi mới nội dung, cách thức bồi dưỡng giáo viên để mỗi GV có đủ năng lực, kỹ năng dạy học, đánh giá theo chuẩn.

Để áp dụng hiệu quả mô hình trường học mới Việt Nam VNEN, các nhà trường cần đáp ứng các điều kiện tối thiểu sau:

- Được sự đồng tình và quyết tâm ủng hộ, quyết tâm thay đổi nhận thức và đổi mới theo mô hình VNEN của giáo viên, học sinh, cha mẹ các em và cộng đồng.

- Giáo viên được tập huấn giảng dạy và tổ chức lớp học theo mô hình VNEN.

- HS có tài liệu hướng dẫn học của mô hình VNEN.

***3.2.3 Triển khai thực hiện đánh giá học sinh theo yêu cầu đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh Tiểu học.***

*a/ Mục đích - ý nghĩa:*

Thông tư 30/2014/TT – BGD&ĐT, giúp giáo viên điều chỉnh, đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động dạy học, hoạt động trải nghiệm trong quá trình và kết thúc mỗi giai đoạn dạy học, giáo dục; kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của học sinh để động viên, khích lệ và phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của học sinh để hướng dẫn, giúp đỡ; đưa ra nhận định đúng những ưu điểm nổi bật và những hạn chế của mỗi học sinh để có giải pháp kịp thời nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của học sinh; góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục Tiểu học.

Giúp học sinh có khả năng tự đánh giá, tham gia đánh giá; tự học, tự điều chỉnh cách học; giao tiếp, hợp tác; có hứng thú học tập và rèn luyện để tiến bộ.

Giúp cha mẹ học sinh và người giám hộ tham gia đánh giá quá trình và kết quả học tập, rèn luyện, quá trình hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của con em mình; tích cực hợp tác với nhà trường trong các hoạt động giáo dục học sinh.

Giúp cán bộ quản lý giáo dục các cấp kịp thời chỉ đạo các hoạt động giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá nhằm đạt hiệu quả giáo dục.

*b/ Nội dung của biện pháp:*

- Phòng GD chỉ đạo các trường vận dụng thông tư 30/2014 và công văn số 76/SGDDT- GDTH ngày 30/1/2015 về hướng dẫn điều chỉnh một số quy định chuyên môn đối với giáo dục Tiểu học Hải Phòng trong quản lý chỉ đạo chuyên môn nhà trường

- Chỉ đạo Ban giám hiệu các trường thường xuyên kiểm tra việc thực hiện thông tư của giáo viên (định kì, đột xuất), dự SHCM các khối để có ý kiến chỉ đạo kịp thời ,...Thực hiện kiểm tra định kì đúng quy định tại Thông tư, đảm bảo tính nghiêm túc.

- Bồi dưỡng cho CBQL và giáo viên toàn cấp học nắm vững nguyên tắc: đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh ; coi trọng việc động viên , khuyến khích học sinh tích cực vượt khó trong học tập , rèn luyện; giúp các em phát huy tất cả các khả năng; đảm bảo kịp thời, công bằng khách quan. Thực hiện nghiêm

túc việc đánh giá thường xuyên, định kì theo đúng thông tư dần quen với việc quan sát, theo dõi trao đổi, kiểm tra quá trình và từng kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh, nhóm học sinh theo tiến trình dạy học.

- Giáo viên cần thể hiện sự quan tâm đến tiến độ hoàn thành nhiệm vụ của học sinh; có biện pháp cụ thể để giúp đỡ học sinh vượt qua khó khăn, vươn lên trong học tập và rèn năng lực, phẩm chất, ghi nhận xét vào vở của học sinh và sổ theo dõi chất lượng thường xuyên, chỉ rõ các nội dung học sinh cần khắc phục, lời nhận xét có tính động viên, khích lệ học sinh hoàn thành nhiệm vụ, không gây áp lực cho các em.

- Dưới sự hướng dẫn của thầy cô, các em học sinh biết tự đánh giá, tự giải quyết vấn đề, quen với việc đánh giá bằng nhận xét thay đánh giá bằng điểm số, biết nhận xét bạn và tự nhận xét chính bản thân mình.

- GV hướng dẫn phụ huynh cách thức quan sát, động viên các hoạt động của con em mình ở nhà, phụ huynh tích cực tham gia hoạt động cùng các em, có tinh thần hợp tác tích cực trong tham gia đánh giá học sinh (bằng văn bản, gặp trực tiếp hoặc qua điện thoại). Các sân chơi ngoại khóa của lớp, của trường phụ huynh đều tích cực tham gia.

- Các nhà trường thực hiện nghiêm túc việc xét hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình Tiểu học và nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh.

Việc thực hiện các nội dung của thông tư 30 phải hướng tới:

- Các em đã được phát triển một số năng lực (tự phục vụ, tự quản; giao tiếp hợp tác; tự học và giải quyết vấn đề) và các phẩm chất (chăm học, chăm làm, tích cực tham gia hoạt động giáo dục; tự tin, tự trọng, tự chịu trách nhiệm; trung thực, kỉ luật, đoàn kết; yêu gia đình, bạn và những người khác...)

*c/Tổ chức thực hiện:*

- Hàng ngày, hàng tuần, giáo viên quan sát các biểu hiện trong các hoạt động của học sinh để nhận xét sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm

chất; từ đó động viên, khích lệ, giúp học sinh khắc phục khó khăn, phát huy ưu điểm và các năng lực riêng, điều chỉnh hoạt động để tiến bộ.

- Tập trung trao đổi các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh trong các buổi sinh hoạt chuyên môn cấp tổ và cấp trường.

- Căn cứ vào những thành tích nổi bật hay tiến bộ vượt bậc về một trong 3 nội dung đánh giá trở lên, các phong trào thi đua và những thành tích đột xuất khác, cùng với ý kiến các thầy cô giáo và cha mẹ học sinh, các lớp đề xuất với Ban giám hiệu khen thưởng những học sinh có thành tích nổi bật, đột xuất theo đúng tinh thần thông tư 30/2014.

*d/ Điều kiện thực hiện:*

- Phòng GD&ĐT: Chỉ đạo các trường thực hiện tốt thông tư 30/2014 về đánh giá học sinh Tiểu học. Tổ chức bồi dưỡng toàn cấp học Tiểu học của huyện về kỹ thuật đánh giá theo thông tư 30/2014 theo các môn học.

- Các trường Tiểu học: Tăng cường công tác tuyên truyền việc đánh giá học sinh Tiểu học theo thông tư 30/2014 tới phụ huynh học sinh.

- Mọi GV đứng lớp phải được bồi dưỡng năng lực đánh giá học sinh theo thông tư 30/2014 dưới các hình thức hiệu quả.

- Thực hiện nghiêm túc việc ra đề kiểm tra định kì với yêu cầu theo 3 mức độ nhận thức của học sinh.

- Trong dạy học kiểm tra đánh giá không chỉ hướng vào mục đích xác nhận kết quả học tập để phân loại mà còn nhằm mục đích hướng dẫn, hỗ trợ việc học, thúc đẩy sự tiến bộ của người học, vì vậy cần lựa chọn phương thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục đích đã xác định (ví dụ chuyển từ dạy học chủ yếu trang bị kiến thức sang dạy học chú trọng phát triển năng lực, phẩm chất thì kiểm tra đánh giá hướng vào mức độ “vận dụng sáng tạo” nội dung học vào cuộc sống, gắn với thực tiễn... thông qua đa dạng hóa phương thức kiểm tra đánh giá). Để thực hiện mục đích hỗ trợ việc học cần coi trọng kiểm tra đánh giá thường xuyên, trong suốt quá trình dạy học và theo tiến trình..đề



thúc đẩy việc học là chính chứ không phải để lấy điểm là chính. Mỗi mục đích kiểm tra đánh giá cần câu hỏi kiểm tra và thang bậc đánh giá không hoàn toàn như nhau. Cần phải có dàn bài kiểm tra với các tỉ lệ các câu hỏi “tái hiện”; “tái tạo” và “vận dụng sáng tạo”. Khi đánh giá kết quả của việc học, kiến thức “tái hiện” hay “tái tạo” cần một tỉ lệ vừa phải để người học có “phương tiện tư duy” chứ không phải là nội dung chủ yếu phải kiểm tra đánh giá kết quả học tập; để đánh giá được năng lực cần coi trọng các câu hỏi kiểm tra “vận dụng sáng tạo”. Chỉ khi nào thực hiện được như vậy kết quả điểm số mới có ý nghĩa.

### ***3.2.4 Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đánh giá mức độ thực hiện các nội dung đổi mới hoạt động dạy học trong các trường Tiểu học theo tinh thần đổi mới giáo dục.***

#### *a/ Mục đích-ý nghĩa:*

Thanh tra, kiểm tra là một chức năng quan trọng trong hoạt động quản lý, nó có thể được thực hiện suốt cả chu trình từ giai đoạn kế hoạch hoá đến khi kết thúc nhằm phát hiện những độ sai lệch trong quá trình vận hành của hệ thống, trên cơ sở đó chủ thể quản lý kịp thời có những quyết định đúng đắn để uốn nắn, khắc phục, điều chỉnh cho hệ vận hành đạt mục tiêu đã đề ra. Muốn chủ trương đổi mới được hiện thực hóa ở các nhà trường cần thực hiện tốt chức năng quản lý này.

#### *b/ Nội dung của biện pháp:*

- Phòng Giáo dục huyện có thể thanh tra, kiểm tra toàn diện mọi mặt của nhà trường về công tác tài chính, kế toán, xây dựng, thiết bị dạy học ... hoặc tập trung ở hoạt động dạy và nề nếp học tập của thầy và trò.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động dạy của thầy, hoạt động học của trò chính là biện pháp thường xuyên động viên, kích thích tinh thần, trách nhiệm của các chủ thể trong nhà trường hoàn thành tốt mục tiêu Giáo dục và Đào tạo mà xã hội đang yêu cầu. Trong hoạt động quản lý mà không thực hiện nghiêm túc chức năng thanh tra, kiểm tra, đánh giá thì cũng coi như không có sự chỉ huy, lãnh đạo.

- Phòng Giáo dục phải kế hoạch hoá công tác thanh tra, kiểm tra định kỳ theo lịch thời gian phù hợp và cần thông báo cho tất cả các trường những nội dung cơ bản cần thiết giúp cho phòng đánh giá được thực trạng hoạt động giáo dục, dạy học của từng trường và của cả cấp học.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra không báo trước được thực hiện đột xuất nhằm nắm bắt tình hình, thực trạng của một mặt nào đó của nhà trường. Nội dung của việc thanh tra, kiểm tra không báo trước (đột xuất) phải được chuẩn bị chu đáo, tỉ mỉ, sâu sắc để thu thập được những thông tin phong phú, khách quan, chính xác, trên cơ sở đó có sự đánh giá đúng đắn để kịp thời có những quyết định phù hợp.

- Căn cứ vào mục đích thanh tra, kiểm tra đối với mặt nào, hoạt động nào mà đi sâu vào các nội dung, chi tiết liên quan đến hoạt động đó. Chẳng hạn thanh tra, kiểm tra hoạt động của thầy thì cần phải khảo sát được thực trạng :

- + Kế hoạch giảng dạy của cá nhân, của tổ chuyên môn.
- + Giáo án chuẩn bị bài giảng.
- + Tiến độ thực hiện chương trình, kế hoạch giảng dạy.
- + Số tiết định mức của GV.
- + Thăm lớp, dự giờ.
- + Kế hoạch tự bồi dưỡng.
- + Kết quả của dạy học thông qua chất lượng của học sinh.
- + Kết quả giáo dục, dạy học của giáo viên thông qua kết quả bình bầu thi đua, đánh giá xếp loại của nhà trường.
- + Các sản phẩm trong quá trình dạy và học.

- Các hình thức thanh tra, kiểm tra, đánh giá do Phòng Giáo dục chỉ đạo thực hiện là rất phong phú, có thể tổ chức đó được thành lập từ các thành viên của PGD hoặc cùng với một số những cốt cán, thanh tra viên kiêm nhiệm, cộng tác viên thanh tra của các trường hoặc thành viên những cơ quan liên đới vì mục đích đã đặt ra.

- Mục đích của hoạt động thanh tra, kiểm tra là nhằm phát hiện những mặt tích cực, ưu điểm để khuyến khích, động viên tinh thần của cá nhân và tập thể tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ chứ không phải là “bới lông tìm vết” tìm lục những khuyết điểm để kỷ luật, cảnh cáo... Do đó, những thành viên trong tổ chức hoạt động thanh tra, kiểm tra phải có những phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn nhất định để đảm bảo đưa ra những kết luận khách quan, công bằng và có thiện chí.

- Trong các đợt sơ kết học kỳ, tổng kết năm học để đánh giá thành tích của các cá nhân, đơn vị nên phát huy tinh thần tự đánh giá một cách thẳng thắn, nghiêm túc để động viên kịp thời.

*c/Tổ chức thực hiện:*

- Phải có kế hoạch thống nhất giữa Phòng Giáo dục và các trường Tiểu học trong toàn huyện đối với hình thức thanh tra, kiểm tra định kỳ để nhà trường chủ động những nội dung trong hoạt động đó. Đối với những kiểm tra không đột xuất (không báo trước) Phòng Giáo dục cũng phải xác định những nội dung cơ bản, chủ yếu.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra hoạt động dạy và học của thầy và trò phải phân cấp, giao quyền tự chủ cho nhà trường tổ chức thực hiện là chủ yếu.

*d/ Điều kiện để thực hiện:*

- Cán bộ thanh tra phải thấm nhuần mục đích của hoạt động thanh tra, kiểm tra là nhằm phát hiện những mặt tích cực, ưu điểm để khuyến khích và chỉ ra những bất cập cần khắc phục; chủ động tư vấn, thúc đẩy đối tượng được thanh tra phát huy cái được khắc phục dần cái chưa được.

- Cần xây dựng các tiêu chí cụ thể làm thang đo cho việc kiểm tra, đánh giá kết quả đạt được.

**3.2.5. Tăng cường cơ sở vật chất hỗ trợ dạy học ở các trường Tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.**

*a/ Mục đích - ý nghĩa:*

Cùng với mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp dạy học, học sinh, giáo viên, trong những điều kiện, môi trường xã hội nhất định, CSVC, TBDH là một bộ phận cấu thành quá trình sư phạm, là một trong những tiền đề quan trọng để đổi mới PPDH, đảm bảo chất lượng dạy học. Nếu bổ sung được CSVC, TBDH cho nhà trường và yêu cầu giáo viên sử dụng có hiệu quả chúng sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

*b/ Nội dung của biện pháp:*

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học là điều kiện, phương tiện vô cùng quan trọng giúp giáo viên tổ chức điều khiển hoạt động dạy là chuyển tải, truyền thụ và hoạt động học của học sinh là tiếp thu, chiếm lĩnh tri thức, kinh nghiệm quý báu của nhân loại. Muốn đổi mới dạy học để nâng cao chất lượng của hoạt động dạy học cần có những điều kiện tối thiểu cho việc triển khai các hoạt động giáo dục.

- Sự thành công trong dạy học, giáo dục không chỉ phụ thuộc vào trình độ, năng lực, quy mô đội ngũ mà còn phụ thuộc rất nhiều vào thực trạng CSVC hiện có của các nhà trường đồng thời còn phụ thuộc vào hiệu quả sử dụng CSVC, TBDH đã có. Cần huấn luyện giáo viên cách sử dụng các điều kiện CSVC và trang thiết bị sẵn có cho việc tổ chức hoạt động học tập cho học sinh. Bồi dưỡng cho giáo viên kỹ năng sử dụng CSVC, TBDH một cách khoa học, đúng nơi, đúng lúc, đặc biệt là đúng cách trong hoạt động dạy học Tiểu học sẽ làm tăng chất lượng, hiệu quả của hoạt động.

- Bám sát đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh cấp Tiểu học, thiên về tư duy cụ thể, các dụng cụ, mô hình, các hình ảnh trực quan sinh động luôn tạo ra những ấn tượng tốt đối với các em. Nhu cầu nhận thức của các em gắn liền với các việc làm cụ thể, các em cần được tai nghe, mắt thấy, tay sờ, được trực tiếp thao tác, thực hành, để từ đó hình thành tư duy trừu tượng một cách đúng đắn.

- Cần có kế hoạch bổ sung, thay thế những thiết bị rất cần thiết cho hoạt động dạy học nhưng còn thiếu. Qua khảo sát thực trạng hiện nay cho thấy hầu

hết các trường Tiểu học huyện Tiên Lãng đã có các điều kiện cơ bản về CSVC để tiến hành các hoạt động dạy học ở trường Tiểu học. Tuy nhiên, do TBDH đầu tư hàng năm đã dần cũ, hỏng, số lượng cần bổ sung do chênh lệch phát sinh, tăng cơ học số lớp, số học sinh chưa đáp ứng được nhu cầu một cách kịp thời, gây khó khăn cho việc đổi mới PPDH và ảnh hưởng đến chất lượng quản lý, chất lượng tổ chức các hoạt động dạy học. Để khắc phục tình trạng trên cần phải từng bước tăng cường nguồn lực đầu tư, nâng cao hiệu quả quản lý CSVC và trang thiết bị dạy học.

- Huy động các nguồn lực xã hội hóa cùng đầu tư vào nhà trường là một việc làm cần thiết trong việc bổ sung thêm các CSVC và trang thiết bị hỗ trợ dạy học của nhà trường.

*c/ Tổ chức thực hiện:*

- Huyện Tiên Lãng có 23/26 trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và mức độ 2 nhưng phải thường xuyên củng cố các điều kiện cơ sở vật chất theo các tiêu chí trường chuẩn và phấn đấu nâng chuẩn để theo kịp với sự phát triển của xã hội.

- Đối với những trường chưa đạt chuẩn phải xây dựng kế hoạch và hướng dẫn Ban giám hiệu nhà trường, phối hợp với địa phương tùy vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể với sự nỗ lực phấn đấu của CBQL, giáo viên, nhân viên trong trường tích cực tham mưu, đề xuất các giải pháp tăng cường cơ sở vật chất theo chuẩn và tiến tới xây dựng trường đạt chuẩn.

- Thường xuyên phát động và duy trì phong trào giữ gìn, củng cố CSVC, TBDH hiện có và thi làm mới, sáng tạo đồ dùng dạy học trong nhà trường Tiểu học. Phòng Giáo dục tổ chức các hoạt động thường niên như thi đồ dùng dạy học tự tạo, thi sử dụng đồ dùng dạy học giữa các trường, tổ chức kiểm tra việc quản lý, kiểm kê tài sản nhà trường, thiết bị dạy học ...

- Căn cứ vào thực trạng đồ dùng, trang thiết bị dạy học ở các trường Tiểu học trong toàn huyện để làm công tác tham mưu cho Sở GD-ĐT, lãnh đạo địa

phương việc đầu tư, mua sắm để đáp ứng yêu cầu giảng dạy, tránh việc lãng phí hoặc mua sắm thiết bị kém chất lượng, không đồng bộ.

- Phải xây dựng ý thức, xác định trách nhiệm giữ gìn, bảo quản, sửa chữa cùng với việc sáng tạo và thường xuyên sử dụng đồ dùng dạy học trên lớp cho CBQL, giáo viên, coi đây là một tiêu chí quan trọng để đánh giá thi đua cho mỗi nhà trường, đánh giá chất lượng dạy học đối với mỗi giáo viên.

- Tăng cường hoạt động kiểm tra, đánh giá kế hoạch đầu tư nâng cấp và sử dụng CSVC, TBDH các trường tránh thất thoát, lãng phí hoặc không sử dụng.

*d/ Điều kiện để thực hiện:*

- Phải có sự quan tâm tích cực của các cấp chính quyền đối với việc xây dựng trường lớp, tạo điều kiện về diện tích, mặt bằng theo trường chuẩn quốc gia như Bộ GD - ĐT đã quy định.

- Cùng với sự đầu tư về tài chính của Nhà nước, nhà trường cũng cần tích cực vận động sự đóng góp nguồn lực của các tổ chức, đoàn thể, các lực lượng xã hội ở địa phương trong đó có Hội cha mẹ học sinh với chủ trương đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục.

### **3.3 Mỗi quan hệ giữa các biện pháp**

Nhằm mục đích chủ yếu nâng cao kết quả hoạt động dạy học ở các trường Tiểu học của huyện cho nên các biện pháp đề xuất dù khác nhau nhưng chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, mang tính chất đồng bộ. Mỗi biện pháp có một lợi thế riêng, cách tổ chức thực hiện, điều kiện để thực hiện cũng không hoàn toàn giống nhau nhưng đều tập trung vào giải quyết các mục đích nhiệm vụ của đề tài. Về mặt lý luận cũng như trong hoạt động thực tiễn không có một biện pháp nào là toàn diện, toàn năng nếu không có biện pháp khác hỗ trợ.

Muốn làm thay đổi chuyên biến một sự vật hiện tượng trong đời sống xã hội thì phải có nhiều điều kiện, mỗi điều kiện dù phải tìm ra một biện pháp chủ yếu để tác động có thể biện pháp về vật chất hoặc biện pháp về tinh thần, biện pháp tổ chức, biện pháp động viên kích thích.v.v.

Trong 5 biện pháp chúng tôi đã đề xuất đều có mối quan hệ tương tác và nhân quả trong quá trình thực hiện hoạt động quản lý về cả nội dung và chủ thể quản lý đó là Phòng Giáo dục huyện và Ban giám hiệu các nhà trường Tiểu học cùng với các lực lượng liên đới.

- Vị trí, tầm quan trọng của các biện pháp quản lý trên cũng có thể thay đổi tùy theo điều kiện hoàn cảnh của từng trường và sự vận dụng linh hoạt của nhà quản lý. Vì vậy, các biện pháp mà chúng tôi đề xuất trên đây theo thứ tự từ 1 đến 5 không mang ý nghĩa tầm quan trọng của mỗi biện pháp.

### **3.4 Khảo nghiệm tính cần thiết và khả thi của 5 biện pháp**

#### **3.4.1 Mục đích**

Nhằm thu thập thông tin đánh giá của các loại đối tượng có độ tuổi, giới tính, trình độ, công tác khác nhau trên lĩnh vực giáo dục, QLGD và quản lý hành chính về mức độ đồng thuận đối với tính cần thiết và tính khả thi của mỗi biện pháp.

#### **3.4.2 Đối tượng khảo nghiệm**

Bao gồm 35 nam, 105 nữ, tổng cộng là 140 người

**Bảng 3.1: Các loại đối tượng khảo nghiệm**

Stt	Các loại đối tượng khảo nghiệm	Tổng số		Ghi chú
		Nam	Nữ	
1	Các cán bộ quản lý giáo dục ở phòng GD&ĐT	6	5	
2	Ban giám hiệu các trường Tiểu học huyện	13	39	
3	Giáo viên cấp Tiểu học	8	50	
4	Hội phụ huynh học sinh	6	8	
5	Chuyên gia giáo dục	2	03	
Tổng cộng		35	105	

#### **3.4.3 Các biện pháp khảo nghiệm**

**Bảng 3.2: Các biện pháp khảo nghiệm trên 140 người liên quan**

STT	Tên các biện pháp
1	Xây dựng đội ngũ đồng thời đảm bảo chất lượng đội ngũ trong các trường Tiểu học theo yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.
2	Chỉ đạo triển khai mô hình trường học mới tại Việt Nam (VNEN) và đổi mới phương thức dạy học trong các nhà trường TH.
3	Triển khai thực hiện đánh giá học sinh theo yêu cầu đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh Tiểu học.
4	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đánh giá hoạt động dạy học trong các trường Tiểu học theo tinh thần đổi mới GD
5	Tăng cường cơ sở vật chất hỗ trợ dạy học ở các trường Tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

### 3.5 Tiến hành khảo nghiệm và kết quả khảo nghiệm

Chúng tôi đã vận dụng thang Likert gồm 5 bậc để khảo nghiệm mức độ của tính cần thiết và tính khả thi của 5 biện pháp.

#### 3.5.1 Kết quả khảo nghiệm về tính cần thiết

**Bảng 3.3. Kết quả khảo nghiệm về tính cần thiết trên 140 người liên quan**

Các biện pháp	Hoàn toàn cần thiết		Cần thiết		Hoàn toàn không cần thiết		Không cần thiết		Lưỡng lự, không ý kiến		Mức đồng thuận (%)	Xếp thứ tự
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	38	27.1	81	57.8	03	2.13	05	3.57	13	9.4	84.9	2
2	34	24.3	81	57.81	06	4.29	07	5.00	12	8.6	82.1	3
3	27	19.3	85	60.7	05	3.58	08	5.72	15	10.7	80.0	4
4	28	20.0	83	59.3	04	2.87	09	6.43	16	11.4	79.3	5
5	41	29.3	82	58.6	02	1.40	07	5.00	08	5.7	87.9	1
	168	24,0	412	58,8	20	2,9	36	5,1	64	9,2	82,8	

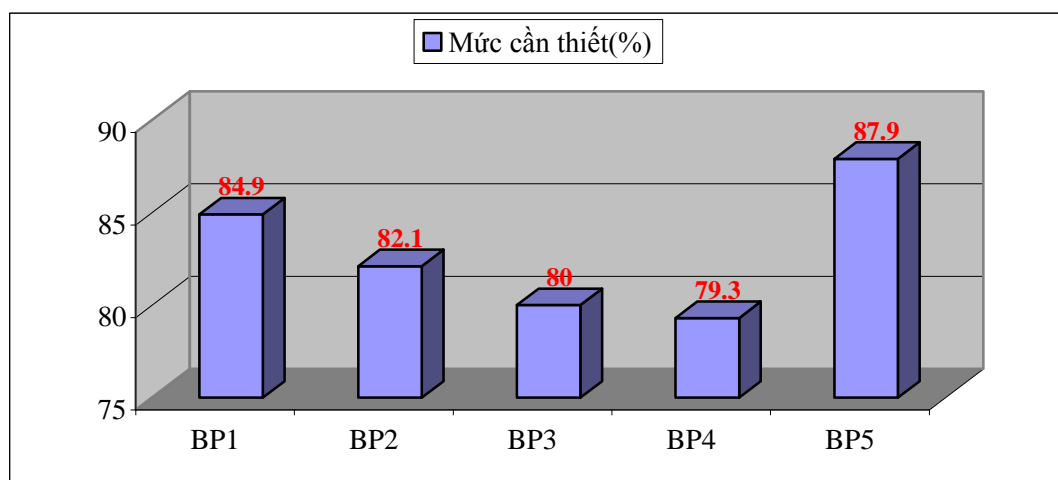
Kết quả khảo nghiệm trên 140 người liên quan thuộc 5 loại đối tượng đã cho phép chúng tôi rút ra những kết luận sau:



1. Tất cả 5 biện pháp đã nhận được sự đồng thuận cao về tính cần thiết trung bình là 82,8%. Sự đồng thuận cao nhất đối với biện pháp 5 là 87,9%, thấp nhất đối với biện pháp 4 là 79,3%. Như vậy, dù các đối tượng được khảo nghiệm từng ở những vị trí, trình độ khác nhau nhưng đại bộ phận đều khẳng định tính rất cần thiết và cần thiết của cả 5 biện pháp có giá trị tác động tích cực, mạnh mẽ vào quá trình thực hiện mục đích nhiệm vụ của đề tài.

2. Sự đồng thuận có tỷ lệ cao của các nghiệm thể đã chứng minh rằng các biện pháp xây dựng không phải là tùy tiện, ngẫu nhiên mà đã có phân tích, so sánh dựa vào cơ sở định hướng của phân lý luận và căn cứ vào kết quả khảo sát phần thực trạng giáo dục của huyện Tiên Lãng nói chung, đặc biệt là thực trạng và xu hướng phát triển của hệ thống giáo dục Tiểu học nói riêng nên mục đích và nhiệm vụ của đề tài có giá trị thực tiễn, hành dụng.

3. Tổng hợp cả ba mức độ không đồng thuận về tính cần thiết của cả 5 biện pháp trung bình là 17,2% trong đó có 9,4% ở mức độ lưỡng lự cùng có ở tất cả 5 biện pháp đặc biệt đối với biện pháp 3,4 ý kiến lưỡng lự là từ 10,7% đến 11,4%. Chúng tôi đã tiến hành điều tra sâu (trực tiếp trò chuyện trao đổi) thì nhận thấy rằng, các biện pháp đó đi sâu vào chuyên môn và nghiệp vụ, là những vấn đề mới gắn với lao động càng thêm vất vả của GV Tiểu học trong điều kiện hiện tại với cường độ lao động của GV Tiểu học đã rất căng thẳng. Do đó, ý kiến đồng thuận, có nghĩa chấp nhận sự lao động, căng thẳng, vất vả hơn đối với nội dung của biện pháp 3,4 là không cao.



**Biểu đồ 3.1. Mức độ về tính cần thiết của các biện pháp**

### 3.5.2 Kết quả khảo nghiệm về tính khả thi

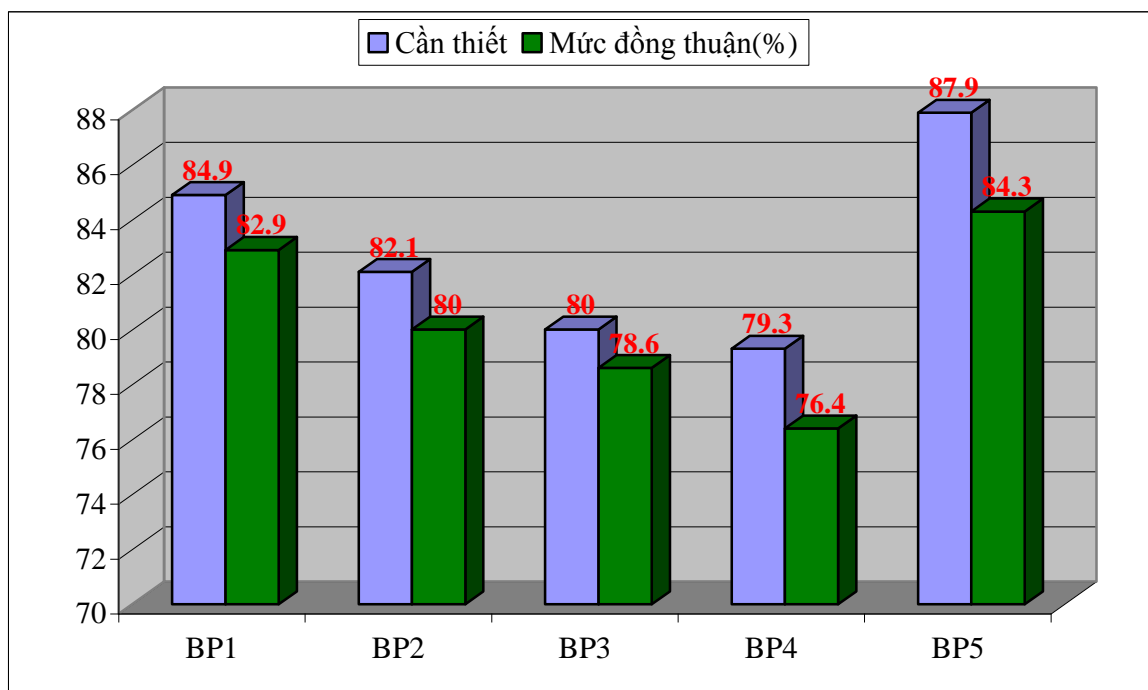
**Bảng 3.4. Kết quả khảo nghiệm về tính khả thi trên 140 người liên quan**

Các biện pháp	Rất khả thi		Khả thi		Hoàn toàn không khả thi		Không khả thi		Lưỡng lự, không ý kiến		Mức đồng thuận (%)	Xếp thứ tự
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	36	25.7	80	57.2	03	2.10	08	5.70	13	9.3	82.9	2
2	32	22.9	80	57.1	07	5.00	10	7.10	11	7.9	80.0	3
3	26	18.6	84	60.0	05	3.57	09	6.43	16	11.4	78.6	4
4	28	20.0	79	56.4	05	3.57	12	8.63	16	11.4	76.4	5
5	39	27.9	79	56.4	03	2.10	09	6.43	10	7.1	84.3	1
	161	21,2	402	57,4	23	3,3	48	6,9	66	9,4	80,4	

Từ kết quả khảo nghiệm về tính khả thi chúng tôi rút ra được những nhận xét sau:

1. Tất cả 5 biện pháp cũng được 140 người liên quan đồng thuận về tính khả thi trung bình là 80,4% mức rất khả thi là 21,2% mức khả thi là 78,6%. Nhưng so với tính cần thiết thì các mức đồng thuận của tính khả thi đều thấp hơn từ 1,4% đến 1,6%. Như vậy là đại bộ phận đối tượng dù đang công tác ở các vị trí khác nhau, có trình độ, giới tính, quan hệ với giáo dục cũng khác nhau nhưng đều biểu thị sự tin tưởng cao ở tính khả thi - thực hiện được của 5 biện pháp đã đề xuất.

2. Dù mức độ đồng thuận về tính cần thiết và tính khả thi ở 5 biện pháp không hoàn toàn trùng khớp nhưng đều đạt từ 76,4% trở lên đối với tính khả thi và từ 79,3% trở lên đối với tính cần thiết. Kết quả đó chứng tỏ là có cơ sở khoa học, đã nhận được sự tin tưởng của đa số người được hỏi.



***Biểu đồ 3.2. Mức độ về tính cần thiết và khả thi của các biện pháp***

### **TIÊU KẾT CHƯƠNG 3**

Căn cứ vào định hướng lý luận ở chương 1 trong đó có nhấn mạnh đến vai trò, vị trí của hoạt động quản lý với 2 nhiệm vụ trung tâm là quản lý hoạt động dạy của thầy và quản lý hoạt động học của trò nhằm nâng cao chất lượng, thực hiện tốt mục đích giáo dục, đào tạo của bậc Tiểu học. Căn cứ vào những mặt hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế khi khảo sát và đánh giá thực trạng hoạt động dạy học của các trường Tiểu học ở huyện Tiên Lãng. Trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động dạy học Tiểu học ở huyện Tiên Lãng có tính đến các đặc điểm kinh tế, văn hoá, xã hội của thành phố Hải Phòng nói chung và mức độ phát triển giáo dục nói riêng.

Các biện pháp chúng tôi đề xuất tuy chưa được thực nghiệm vì điều kiện thời gian không cho phép, nhưng qua kết quả khảo nghiệm của nhiều loại đối tượng, chúng tôi đã nhận được sự đồng thuận cao, cho nên rất tin tưởng trong thời gian tới chúng tôi sẽ đưa vào thực nghiệm ở huyện Tiên Lãng nhằm rút ra những bài học tích cực trong công tác quản lý và chỉ đạo.

## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

Trên cơ sở vận dụng chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về Giáo dục và Đào tạo, các kiến thức khoa học quản lý giáo dục và thực trạng quản lý hoạt động dạy học vào thực tiễn quản lý của một người làm công tác quản lý chuyên môn cấp Phòng giáo dục của một huyện. Tất cả với mục tiêu nâng cao hiệu quả dạy học của các nhà trường Tiểu học cả nước nói chung và các trường Tiểu học ở huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nói riêng nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục cần nhiều yếu tố tác động trong đó có yếu tố thay đổi quản lý, điều kiện biện pháp quản lý chủ thể gián tiếp và trực tiếp có vai trò, vị trí rất quan trọng. Xuất phát từ định hướng của hệ thống lý thuyết, gắn với yêu cầu thực tiễn, Bộ GD&ĐT đã nhấn mạnh trong nhiều Nghị quyết về "Đổi mới công tác QLGD" chúng tôi đã lựa chọn, triển khai nghiên cứu đề tài "Quản lý hoạt động dạy học các trường Tiểu học tại huyện Tiên Lãng - thành phố Hải Phòng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục". Trong phạm vi hạn hẹp về thời gian cơ bản chúng tôi đã vận dụng được các hệ thống lý thuyết của khoa học quản lý và khoa học giáo dục, đồng thời quan sát, phân tích thực tiễn đã giải trình, tường minh được các mục đích, nhiệm vụ, giả thuyết khoa học của đề tài đặt ra.

Bám sát nhiệm vụ chủ yếu, trung tâm của đề tài là biện pháp quản lý để nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường Tiểu học huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Chúng tôi đã đề xuất 5 biện pháp có tính đến các đặc điểm của một thành phố Cảng, một huyện đang phát triển mạnh về mọi mặt nhưng cũng còn rất nhiều khó khăn trong nền kinh tế thị trường ; đó là những biện pháp sau:

Biện pháp 1 : Xây dựng đội ngũ đồng thời đảm bảo chất lượng đội ngũ trong các trường Tiểu học theo yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Biện pháp 2 : Chỉ đạo triển khai mô hình trường học mới tại Việt Nam (VNEN) và đổi mới phương thức dạy học trong các nhà trường Tiểu học.

Biện pháp 3 : Triển khai thực hiện đánh giá học sinh theo yêu cầu đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh Tiểu học.

Biện pháp 4 : Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đánh giá hoạt động dạy học trong các trường Tiểu học theo tinh thần đổi mới giáo dục.

Biện pháp 5 : Tăng cường cơ sở vật chất hỗ trợ dạy học ở các trường Tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Thông qua khảo nghiệm trên 168 đối tượng thuộc nhiều thành phần có liên quan chúng tôi đã nhận được đồng thuận cao đối với 5 biện pháp do chúng tôi đề xuất. Đây chính là kết quả nghiên cứu khoa học của đề tài tạo thêm cho chúng tôi niềm tin, nếu các trường Tiểu học trong huyện Tiên Lãng vận dụng một cách sáng tạo, phù hợp thì chắc chắn sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục.

## **2. Một số khuyến nghị**

### ***2.1. Đối với UBND thành phố, Sở GD&ĐT, huyện ủy, UBND huyện và Phòng Giáo dục***

- Cần làm tốt vai trò tham mưu với UBND thành phố, huyện ủy, UBND huyện, có kế hoạch thật khoa học, sâu sát vấn đề xây dựng trường chuẩn quốc gia ở các xã theo một lịch trình cụ thể ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, có tính đến những tiêu chuẩn về trường chuẩn đó là đạt được và những chuẩn cần nỗ lực phấn đấu. Chẳng hạn những chuẩn như diện tích trường lớp so với số lượng học sinh hoặc kinh phí xây dựng, mua sắm trang thiết bị thì không phải riêng ngành giáo dục giải quyết được.

- Sở Giáo dục & Đào tạo cần tăng cường mở lớp bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên cấp Tiểu học của huyện Tiên Lãng.

- Phòng Giáo dục là cơ quan quản lý trực tiếp các trường Tiểu học phải tăng cường, thường xuyên chỉ đạo hoạt động dạy và học của thầy và trò thông qua việc triển khai mô hình dạy học mới, đổi mới phương pháp dạy học...

- Phòng Giáo dục cũng cần quan tâm đến thành tích, đạo đức, tài năng của những giáo viên được đồng nghiệp mến phục, trò kính trọng để đề bạt hoặc

động viên, khen thưởng tạo sự phấn khích cho đội ngũ giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ dạy học.

## **2.2. Đối với cán bộ quản lý các trường Tiểu học thuộc huyện**

Cần kiến tạo môi quan hệ chặt chẽ với địa phương, tận dụng mọi nguồn lực để sửa chữa, củng cố, bổ sung, xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường trong phạm vi có thể nhằm thực hiện việc "Dạy tốt, học tốt, tất cả phục vụ cho hai tốt" và thường xuyên tạo mọi điều kiện thuận lợi cho giáo viên tiếp tục học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ để tiến kịp với sự phát triển của xã hội. Chú trọng hơn nữa công tác bồi dưỡng cập nhật những kiến thức, kỹ năng cho giáo viên để giáo viên có khả năng thực hiện những nội dung đổi mới liên quan trực tiếp đến chuyên môn và nghề nghiệp.

+ Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá Hiệu trưởng; đánh giá chất lượng quản lý dạy – học của người Hiệu trưởng trường Tiểu học.

+ Định kỳ báo cáo kết quả đánh giá Hiệu trưởng, đánh giá chất lượng quản lý dạy – học của người Hiệu trưởng trường Tiểu học về Phòng GD&ĐT, Ủy ban nhân dân huyện và Sở GD&ĐT.

+ Tự bồi dưỡng, tham gia các khóa bồi dưỡng Hiệu trưởng và thực hiện cải tiến hoạt động quản lý dạy – học để từng bước nâng cao chất lượng quản lý dạy – học của mình.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Ban Chấp hành Trung ương**, *Nghị quyết về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế*, Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI.
- 2. Ban Chấp hành Trung ương**, *Văn kiện Hội nghị lần thứ 2 BCH – TW Đảng khóa IX, (1997) NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.*
- 3. Ban Chấp hành Trung ương**, *Văn kiện Hội nghị lần thứ 6 BCH – TW Đảng khóa IX, (2002) NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.*
- 4. Đặng Tự Ân (2014)**, *Mô hình trường học mới tại Việt Nam hỏi – đáp.* NXB Giáo dục.
- 5. Đặng Quốc Bảo (1997)**, *Một số khái niệm về Quản lý giáo dục .* Học viện Quản lý giáo dục Hà Nội.
- 6. Nguyễn Ngọc Bảo, Bùi Văn Quân (2006)**, *Hỏi đáp giáo dục học - Tập một, Lý luận chung về giáo dục, lý luận dạy học.* NXB Đại học Sư phạm.
- 7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014)**, *Ban hành qui định đánh giá học sinh Tiểu học*, Thông tư 30/2014/TT- BGDĐT ngày 28/8/2014.
- 8. Bộ Giáo dục và Đào tạo**, *Điều lệ trường Tiểu học*, ban hành kèm theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GD&ĐT.
- 9. Bộ Giáo dục và Đào tạo**, *Quy định về chuẩn nghề nghiệp GV Tiểu học*, ban hành kèm theo Quyết định số 05/2007/QĐ-BGDĐT ngày 08 tháng 03 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
- 10. Bộ Giáo dục & Đào tạo**, *Quy định Chế độ làm việc đối với GV phổ thông*, Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
- 11. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2009)**, *Tài liệu tập huấn GV cốt cán cấp tỉnh, thành phố về đánh giá GV theo chuẩn nghề nghiệp GV Tiểu học.*

**12. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ**, *Hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập*, Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của Liên Bộ GD&ĐT và Bộ Nội Vụ.

**13. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Dự án phát triển GV Tiểu học (2007)**, *Giáo dục học*, Tài liệu đào tạo GV Tiểu học. NXB Giáo dục.

**14. Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2010)**, *Đại cương khoa học quản lý*. NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.

**15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002)**, *Văn kiện hội nghị lần thứ VI BCHTW Khoá IX*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

**16. Nguyễn Tiên Đạt (2010)**, *Giáo dục so sánh*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

**17. Trần Khánh Đức (2002)**, *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*. NXB Giáo dục, Đà Nẵng.

**18. Trần Khánh Đức (2011)**, *Giáo trình sự phát triển các quan điểm giáo dục*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

**19. B.P. Exipôp (1971)**, *Những cơ sở của lí luận dạy học*, Viện khoa học giáo dục Việt Nam

**20. Giáo trình khoa học quản lý tập 1 (1999)**, NXB Giáo dục, Hà Nội.

**21. Phạm Minh Hạc (1998)**, *Một số vấn đề giáo dục học và khoa học giáo dục*. NXB Giáo dục Hà Nội.

**22. Phạm Minh Hạc (1999)**, *Giáo dục Việt Nam trước ngưỡng cửa của thế kỷ 21*, NXB Chính trị Quốc gia - Hà Nội.

**23. Đặng Xuân Hải (2014)**, *Nhà trường hiệu quả trong bối cảnh thực hiện đổi mới giáo dục hiện nay*. Tạp chí Khoa học Đại học mới Hà Nội số 3 tháng 2 năm 2014.

**24. Vũ Ngọc Hải (2006)**, *Quản lý nhà nước về giáo dục*, NXB Giáo dục - Hà Nội.

**25. Nguyễn Kế Hào (1992)**, *Học sinh Tiểu học và nghề dạy học ở bậc Tiểu học*. NXB Giáo dục Hà Nội.



- 26. Hệ thống các văn bản** quy phạm pháp luật ngành Giáo dục & Đào tạo Việt Nam (2001), NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- 27. Huyện ủy Tiên Lãng (2012),** *Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020*, Nghị quyết số 04/ NQ- HU.
- 28. Trần Kiểm (2009),** *Những vấn đề cơ bản của khoa học QLGD*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- 29. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Nguyễn Đức Chính,** *Chuẩn và chuẩn hoá trong giáo dục - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tham luận Hội thảo “Chuẩn và Chuẩn hoá trong giáo dục - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”. Hà Nội 27/1/2005.
- 30. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Chủ biên), Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Trọng Hậu, Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Sỹ Thụ (2012),** *QLGD - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn* . NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- 31. Luật giáo dục (2005),** Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- 32. Đặng Huỳnh Mai (2006),** *Một số vấn đề về đổi mới QLGD Tiểu học vì sự phát triển bền vững*. NXB Giáo dục.
- 33. Hồ Chí Minh (1974),** *Về vấn đề cán bộ*. NXB Sự thật - Hà Nội.
- 34. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tiên Lãng (2014),** *Báo cáo tổng kết các năm học từ 2012 đến 2016 Giáo dục Tiểu học*.
- 35. Nguyễn Ngọc Quang (1986),** *Một số khái niệm cơ bản về quản lý giáo dục*. Trường Cán bộ quản lý giáo dục Trung ương I, Hà Nội.
- 36. Nguyễn Ngọc Quang (1989),** *Những khái niệm cơ bản về lý luận quản lý*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- 37. Quốc hội Việt Nam,** *Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Giáo dục (2009),* số 44/2009/QH12 ngày 25/11/2009.
- 38. Quốc hội Việt Nam,** *Luật thi đua khen thưởng,* số 15/2003/QH11.
- 39. Quốc hội Việt Nam,** *Nghị quyết đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông.* Nghị quyết số 88/2014/QH13.
- 40. Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng,** *Báo cáo tổng kết các năm học từ 2012 đến 2016 - Giáo dục Tiểu học*.

**41. Thủ tướng Chính phủ**, *Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020*, Quyết định phê duyệt "Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020", số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012.

**42. UBND thành phố Hải Phòng**, *Quy hoạch phát triển Giáo dục - Đào tạo thành phố Hải Phòng giai đoạn 2011 - 2020*.

**43. Phạm Việt Vượng (2004)**, *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

**PHỤ LỤC 1**  
**PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN**

**VỀ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CÁC TRƯỜNG TIỂU**  
**HỌC HUYỆN TIÊN LÃNG – THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC**

Để phục vụ công tác nghiên cứu đề tài “Quản lý hoạt động dạy học các trường Tiểu học huyện Tiên Lãng – thành phố Hải Phòng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục”, xin quý thầy cô vui lòng cho biết ý kiến của mình về thực trạng của đơn vị đối với các thông tin dưới đây. Sự hợp tác của thầy/cô có tác dụng rất lớn đối với tác giả trong quá trình nghiên cứu đề tài.

Thầy/cô cho biết ý kiến bằng cách đánh dấu (x) vào ô tương ứng mà thầy/cô cho là thích hợp.

Xin chân thành cảm ơn!

**I. KHẢO SÁT THỰC TRẠNG VỀ NHẬN THỨC, VAI TRÒ CỦA HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC**

**Câu 1: Thầy/cô hãy đánh giá vai trò của hoạt động dạy học trong trường Tiểu học**

Rất quan trọng	Quan trọng	Ít quan trọng

Các ý kiến khác mà anh/chị chưa thấy có trong nội dung khảo sát:

.....

**Câu 2: Thầy/cô hãy đánh giá thực trạng công tác chuẩn bị giảng dạy của giáo viên hiện nay**

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Thực hiện đúng phân phối chương trình, giảm tải, chuẩn kiến thức kỹ năng của Bộ GD&ĐT ban hành			
2	Nghiên cứu nội dung bài dạy, tài liệu tham khảo có liên quan đến nội dung bài dạy			

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
3	Kế hoạch bài dạy thể hiện đủ yêu cầu kiến thức, kĩ năng, thái độ			
4	Có phân hóa đối tượng học sinh			
5	Luôn chuẩn bị và lựa chọn đồ dùng, trang thiết bị dạy học phù hợp với nội dung bài dạy			
6	Thường xuyên cập nhật những văn bản hướng dẫn quy chế chuyên môn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT			

Các ý kiến khác mà thầy/cô chưa thấy có trong nội dung khảo sát:

.....

**Câu 3: Thầy/cô hãy đánh giá việc thực hiện nội dung giảng dạy, các khâu lên lớp của giáo viên trong trường mình công tác:**

TT	Nội dung chỉ đạo, tổ chức	Mức độ đánh giá		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Giáo viên thực hiện đúng quy chế nề nếp dạy học			
2	Nội dung giảng dạy kiến thức chính xác, khoa học, có phân hóa đối tượng học sinh			
3	Giáo viên áp dụng các phương pháp dạy học mới phù hợp với đối tượng học sinh			
4	Giáo viên sử dụng đồ dùng dạy học, trang thiết bị hỗ trợ hoạt động dạy học			
5	Hoạt động dự giờ thăm lớp đột xuất, định kỳ.			

Các ý kiến khác mà thầy/cô chưa thấy có trong nội dung khảo sát:

.....

**Câu 4: Thầy/cô hãy cho biết thực trạng việc kiểm tra đánh giá học sinh Tiểu học của giáo viên tại đơn vị đang công tác**

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Nghiên cứu và áp dụng đúng các văn bản, thông tư quy định về kiểm tra, đánh giá học sinh của Bộ GD&ĐT ban hành			
2	Nhận xét và đánh giá đúng quy định			
3	Thường xuyên nhận xét, giúp đỡ học sinh			
4	Cập nhật các thông tin của học sinh vào sổ theo dõi chất lượng và hồ sơ sổ sách đúng tiến độ			
5	Luôn khách quan, công bằng khi kiểm tra, đánh giá.			

Các ý kiến khác mà thầy/cô chưa thấy có trong nội dung khảo sát:

.....

## **II. KHẢO SÁT THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC DẠY HỌC CỦA GIÁO VIÊN TIỂU HỌC**

**Câu 5: Thầy/cô hãy đánh giá thực trạng đổi mới kế hoạch bài dạy của giáo viên nhà trường**

TT	Nội dung	GV đánh giá		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Nghiên cứu kiến thức bài học và kiến thức liên quan đến nội dung bài học.			
2	Kế hoạch bài dạy đúng theo phân phối chương trình, đúng quy chế chuyên môn, xác định đúng kiến thức trọng tâm, thể hiện đủ mục tiêu bài học, môn học			

TT	Nội dung	GV đánh giá		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
3	Sử dụng các phương pháp dạy học mới phù hợp với đối tượng học sinh			
4	Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng dạy học, trang thiết bị hỗ trợ.			

**Câu 6: Thầy/cô hãy đánh giá việc đổi mới cách thực hiện nội dung, các khâu trên lớp của giáo viên nhà trường**

TT	Nội dung	GV đánh giá		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Giáo viên nêu tình huống có vấn đề một cách tự nhiên tạo hứng thú cho học sinh tích cực học tập.			
2	Tổ chức, điều khiển học sinh lĩnh hội tri thức mới			
3	Tổ chức, điều khiển học sinh luyện tập, thực hành để củng cố kiến thức.			
4	Tổ chức, điều khiển học sinh rèn kỹ năng			
5	Quan sát, giúp đỡ động viên học sinh kịp thời, nhận xét, đánh giá kết quả học tập của học sinh.			
6	Phân tích, đánh giá kết quả từng giai đoạn học tập của học sinh để đi ều chỉnh các khâu của quá trình dạy học phù hợp với học sinh.			

**Câu 7: Thầy/cô hãy đánh giá việc đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh theo tinh thần thông tư 30/2014**

TT	Nội dung	GV đánh giá		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy tất cả khả năng; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan.			
2	Đánh giá toàn diện học sinh thông qua đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng và một số biểu hiện năng lực, phẩm chất của học sinh theo mục tiêu giáo dục tiểu học.			
3	Kết hợp đánh giá của giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh			
4	Đánh giá sự tiến bộ của học sinh, không so sánh học sinh này với học sinh khác, không tạo áp lực cho học sinh và cha mẹ học sinh.			
5	Tổ chức kiểm tra hoạt động đánh giá của giáo viên			

**Câu 8: Thầy/cô hãy đánh giá việc chỉ đạo đổi mới hoạt động dạy học ở trường Tiểu học của Phòng giáo dục huyện Tiên Lãng**

TT	Nội dung	GV đánh giá		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Nhà trường quán triệt tư tưởng đổi mới GD cho mọi thành viên của Nhà trường.			

TT	Nội dung	GV đánh giá		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
2	Lập kế hoạch thực hiện các nội dung đổi mới dạy học trong thực hiện bài học môn học.			
3	Tổ chức tốt việc đổi mới phương thức dạy học mới phù hợp với đối tượng học sinh và mục tiêu tạo lập năng lực, phẩm chất cho người học.			
4	Huy động được sự tham gia của những người liên quan đến hoạt động GD học sinh của trường.			

**Câu 9: Thầy/cô hãy đánh giá thực trạng triển khai nội dung bồi dưỡng đội ngũ của giáo viên của Phòng GD&ĐT**

TT	Nội dung	GV đánh giá		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Bồi dưỡng quy chế chuyên môn			
2	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm			
3	Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn			
4	Bồi dưỡng PPDH tiên tiến			
5	Bồi dưỡng ứng xử sư phạm, tác phong sư phạm			
6	Bồi dưỡng tin học và sử dụng công nghệ thông tin			



**Câu 10: Thầy/cô hãy đánh giá thực trạng việc thanh kiểm tra hoạt động giảng dạy của giáo viên của phòng GD&ĐT**

TT	Nội dung	GV đánh giá		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Xây dựng tiêu chí và kế hoạch kiểm tra đánh giá hoạt động giảng dạy của giáo viên (đợt xuất, định kỳ).			
2	Thực hiện kiểm tra đánh giá thường xuyên.			
3	Tổ chức lấy ý kiến phản hồi, tổng kết và rút kinh nghiệm thường xuyên.			
4	Tổ chức đánh giá công bằng, công khai.			
5	Tổ chức thanh tra hoạt động dạy học.			

**Câu 11: Thầy/cô hãy đánh giá thực trạng việc thanh kiểm tra quản lý CSVC và TBDH tại các trường Tiểu học của Phòng GD&ĐT**

TT	Nội dung	GV đánh giá		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Hệ thống các phòng học , phòng chức năng đảm bảo tính đồng bộ, khoa học, sư phạm.			
2	Kiểm kê và sửa chữa tài sản định kì.			
3	Xây dựng bộ quy chế , nội quy sử dụng phòng học, phòng chức năng.			
4	Tổ chức đào tạo , bồi dưỡng giáo viên nâng cao năng lực sử dụng cơ sở vật chất.			
5	Kế hoạch xây dựng , nâng cấp , cải tạo trường sở			
6	Có hồ sơ , sổ sách ghi chép rõ tình trạng trường lớp để bàn giao , kiểm kê, giao trách nhiệm giữ gìn và bảo quản.			

Tác giả gửi lời cảm ơn chân thành tới Quý thầy cô. Để đảm bảo phân loại phiếu lấy ý kiến theo từng đối tượng phù hợp, xin thầy/cô vui lòng cho biết một số thông tin về bản thân:

- Chức vụ (Hiệu trưởng/TTCM/GV): .....

- Đơn vị công tác (Trường/Quận, huyện): .....

**PHỤ LỤC 2**  
**PHIẾU LẤY Ý KIẾN**  
**VỀ MỨC ĐỘ CẦN THIẾT VÀ KHẢ THI CỦA CÁC BIỆN PHÁP**  
**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC**  
**HUYỆN TIÊN LÃNG – THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**  
**ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC**

Để phục vụ công tác nghiên cứu đề tài “Quản lý hoạt động dạy học các trường Tiểu học huyện Tiên Lãng – thành phố Hải Phòng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục”, đề nghị quý thầy cô vui lòng đánh giá mức độ cần thiết và khả thi của các biện pháp quản lý hoạt động dạy học các trường Tiểu học được đề xuất dưới đây. Sự hợp tác của thầy/cô có tác dụng rất lớn đối với tác giả trong quá trình nghiên cứu đề tài.

Mức độ cần thiết và khả thi được quy định như sau:

Mức độ khả thi	Ký hiệu	Mức độ cần thiết
Hoàn toàn không khả thi	1	Hoàn toàn không cần thiết
Không khả thi	2	Không cần thiết
Lưỡng lự, không ý kiến	3	Lưỡng lự, không ý kiến
Khả thi	4	Cần thiết
Rất khả thi	5	Hoàn toàn cần thiết

Thầy/cô cho biết ý kiến bằng cách đánh dấu (x) vào ô tương ứng mà thầy/cô cho là thích hợp.

Biện pháp	Mức độ cần thiết					Mức độ khả thi				
	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1
Xây dựng đội ngũ đồng thời đảm bảo chất lượng đội ngũ trong các trường Tiểu học theo yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.										
Chỉ đạo triển khai mô hình trường học mới tại Việt Nam (VNEN) và đổi mới phương thức dạy học trong các nhà trường TH.										

Biện pháp	Mức độ cần thiết					Mức độ khả thi				
	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1
Triển khai thực hiện đánh giá học sinh theo yêu cầu đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh Tiểu học.										
Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đánh giá hoạt động dạy học trong các trường Tiểu học theo tinh thần đổi mới GD										
Tăng cường cơ sở vật chất hỗ trợ dạy học ở các trường Tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.										

Xin chân thành cảm ơn!

Tác giả gửi lời cảm ơn chân thành tới Quý thầy cô. Để đảm bảo phân loại phiếu lấy ý kiến theo từng đối tượng phù hợp, xin thầy/cô vui lòng cho biết một số thông tin về bản thân:

- Chức vụ (Hiệu trưởng/TTCM/GV): .....

- Đơn vị công tác (Trường/Quận, huyện):  
 .....